

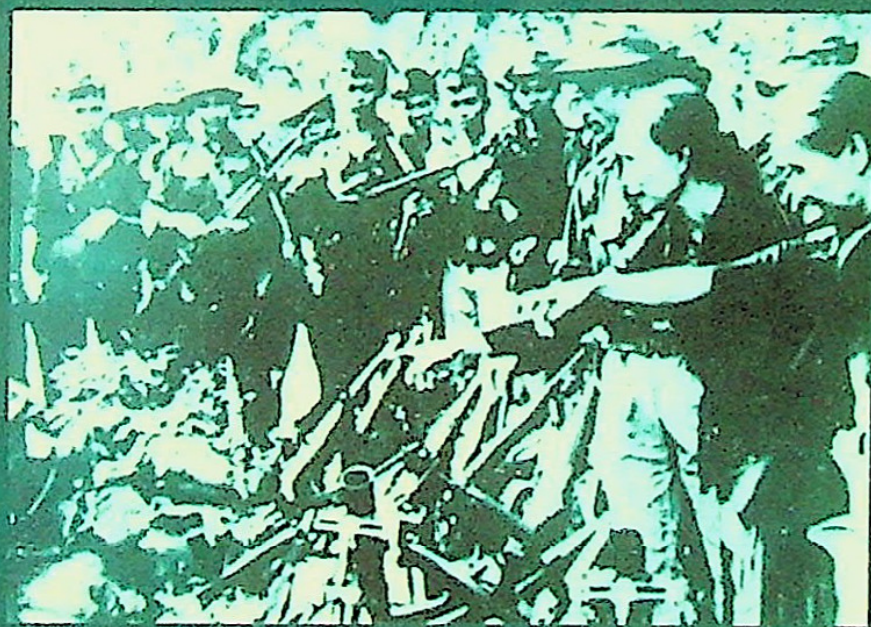
895.922 803

ĐC

CH 305 KH

UYỄN HÙNG

# CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI  
2002



## CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI



**NGUYỄN HÙNG**

# **CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI**

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI  
XBP ĐỊA PHƯƠNG

2018/ĐC/VV 00001286

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI  
2002**



## LỜI NÓI ĐẦU

Ngũ thập niên tiền, nhị thập tam  
(Năm mươi năm trước tới hăm ba)

*Đây là lời đùa của cụ Thượng Nguyễn Công Trứ với nàng hầu non của cụ, tôi xin mượn để viết lại những kỷ niệm thân thương tuổi hăm ba của tôi. Trong chín năm kháng chiến đánh Tây, tôi có sáu năm ở Chiến khu Đ, từ giữa năm 1948 tới giữa năm 1953. Sáu năm sống chết với rừng xanh đất đỏ trong một Chiến khu oai hùng ở Nam bộ, biết bao biến cố quan trọng cần được nhắc nhở với người đồng thời cũng như với thế hệ tới sau.*

*Chiến khu Đ với sông Đồng Nai xanh biếc, với rừng già bao la, với những thôn xóm nghèo nàn nhưng kiên cường bất khuất đã trở thành “quê hương sáng tác” của tôi.*

*Nửa thế kỷ đã trôi qua, chàng thanh niên hăm ba năm xưa nay đã là nhà văn già trên bảy mươi, hằng ngày sống lại những kỷ niệm của một thời mà giờ đây khó có được. Xin mời các bạn đi ngược thời gian để đắm hồn trong Chiến khu Đ gian lao mà anh dũng cùng với tác giả.*

**NGUYỄN HÙNG**



## CHƯƠNG I

Năm 1948, tôi hăm mốt tuổi, là phóng viên mới ra lò. Thầy tôi là anh Nguyễn Văn Thu (Thu râu) đã từ Paris về nước theo lời khuyên của Bác Hồ. Khóa báo chí đầu tiên của Nam bộ (đóng ở kinh Dương Văn Dương, làng Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Tân An) chỉ có hai tuần. Số học viên chừng mười lăm người với trình độ văn hóa trung học. Sau khóa học, tôi được Sở Thông tin giữ lại, cho học thêm nhiếp ảnh và cấp cho một máy Kodak 6x9. Tốt nghiệp rồi, tôi chờ các tỉnh xin để về “tăng cường” cho tờ báo ở tỉnh. Đại hội Thông tin Phân ban A Sở Thông tin (gồm các tỉnh miền Đông) tiến hành vào tháng 5 năm ấy. Trưởng ty Thông tin Biên

## CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI

---

Hòa Hoàng Tam Kỳ xin một phóng viên và một thợ xếp chữ. Trưởng Phân ban A Tư.Phú (Trịnh Đình Trọng) chỉ định tôi và anh Minh (còn có tên là Tân) lên Biên Hòa.

Nhiều người bạn khuyên tôi nên chọn các tỉnh miền Tây và miền Trung, “trên cơm dưới cá”, tội gì lên miền Đông là nơi rừng thiêng nước độc, đói khát bệnh tật. Nhưng tôi chọn miền Đông vì nhiều lý do. Trước nhất, tôi đã từng sống ở các tỉnh miền Tây và miền Trung, nay muốn “đổi không khí” lên miền Đông cho thỏa tánh “giang hồ”. Thứ nữa, tờ báo *Tiền Đạo* của Khu 7 ra số đặc biệt – *Chiến thắng Là Ngà (1/3/1948)*. Tôi đọc bài bút ký “Khách đô thành viếng Chiến khu Xanh” của anh Bùi Thanh Khiết rồi phát mê miền Đông. Bài báo ấy viết về mấy cô nữ sinh trường Couvent des Oiseaux trên Đà Lạt bị kẹt trong trận phục kích đó, được sống một đêm trong rừng với anh em bộ đội để sáng hôm sau đón xe lên Đà Lạt nhập trường. Chỉ một đêm thôi mà các cô hiểu thêm cuộc kháng chiến hào hùng, khác xa cuộc sống tầm thường nơi vùng tạm chiếm...

Cuộc đời tôi đã gắn liền với Chiến khu Đ do bài báo ấy. Người viết – anh Bùi Thanh Khiết – đâu biết sức hút lạ lùng của bài bút ký của mình – đã

đưa một chàng trai lãng mạn tới một chân trời vô định đầy hiểm nguy.

\*  
\*   \*

Thế là bộ ba chúng tôi lên đường về miền Đông. Hành trang của mỗi người chỉ có cái ba-lô nhẹ tênh – một bộ quần áo bà ba đen, một cái mũng và một tấm vải đắp, hai cái quần đùi, một khăn rằn cũng gọi là choàng tấm. Thêm một cuốn sổ tay.

Từ Tổng phát hành (kinh Ba), liên lạc đi bộ. Chúng tôi đã bắt đầu lên miền Đông. Tới mỗi chặng, anh Kỳ với tư cách Trưởng ty Thông tin Biên Hòa, xin trạm một dân quân để vác cái khuôn in khổ 30x40cm và 20 ký chữ chì. Đi được hai chặng. Tới chặng thứ ba có cái tên là Cây Bài, thuộc xã Phước Vĩnh An, quận Củ Chi thì đoàn bị cản từ sáng sớm. Mới bốn giờ khuya đã nghe tiếng động cơ xe nhà binh ngoài đồn. Bà chủ nhà vội đánh thức anh em chúng tôi dậy. Anh Kỳ xách khuôn in và bao chữ chì ném xuống giếng gần nhà. Xong rồi, ba anh em chúng tôi chạy ra bưng. Đồng cỏ dẫm sương quệt ướt hai ống quần khiến bấp chân lạnh. Chúng tôi tuột quần dài cột cổ. Khi tôi và Minh “thoát y”, anh Kỳ chạy sang một bờ đất khác, rồi mất dạng. Lần đầu



tiên tôi chạy Tây ra đồng trống nên lo sợ vô cùng. Minh có vẻ quen việc băng đồng nên tôi cố gắng chạy bết gót anh. Tiếng súng trường nổ rộ trong vườn cao su đằng xa. Minh nói trong hơi thở: “Cao Đài ở Ba-ri Tân Quy phía trước mặt mình đó.”

Cái tên nghe lạ kỳ “Ba-ri Tân Quy?”. Tại sao lại có Paris trong cái làng nhỏ tên Tân Quy? Phải hỏi cho ra lẽ. Nhưng tôi không có thì giờ để thắc mắc... Lính Cao Đài đã lố nhố từ sở cao su ở đầu trên. Tân phóng nhanh tới một chòi lá mồ côi giữa đồng năng. Một ông già đứng trước chòi lá lên tiếng thúc hối:

- Không chạy ra suốt được đâu! Có Tây ngoài đó! Hai đứa coi đồng cỏ nào rậm thì chun vô chém về ngay đi!

Minh chui vô một đám cỏ rậm cách chòi vài chục mét. Tôi cũng chui vô đám cỏ rậm cách Minh mấy liếp. Đám cỏ của tôi mọc xen mấy dây khoai lang đã thu hoạch từ lâu. Tôi vạch cỏ bên trên. Thật may cho tôi, ngoài dây lang, cỏ dại còn có mấy bụi cỏ bông bông. Loại cỏ này thiên hạ thường cắt về trang trí các rạp “Tân hôn” và “Vu quy”. Tôi cào cỏ dọn chỗ nằm dưới một giồng khoai, kéo cỏ bông bông lên che kín lớp dây lang. Xong đâu đó, tôi nằm

im, lắng nghe. Có tiếng lính Cao Đài lao xao đang đi tới. Một thằng hỏi to:

- Ê thằng già, hồi nãy mày nói chuyện với hai thằng nào vậy? Hai đứa nó đâu rồi?

- Hai cậu nhỏ đó chạy ra suối rồi.

- Xạo! Dưới suối có Tây, làm sao hai đứa nó dám chạy ra đó? Mày giấu chúng nó ở đâu? Chỉ mau!

Tim tôi như ngừng đập. Ông già có chỉ chúng tôi cho lính Cao Đài không? Im lặng như tờ. Một sự im lặng dễ sợ. Kế có tiếng chân bước nhanh về phía Minh và tôi. Tôi không sợ cho tôi vì đã cẩn thận kéo lá che phủ tới ba tầng. Chỉ sợ Minh không kỹ như tôi. Vài phút sau lại nghe tiếng bước chân một thằng tiến quả quyết về giồng dây lang của tôi. Nó tiến tới sát một bên, nếu lấy chân hất đám cỏ bông bông bên trên thì thế nào cũng lộ phía dưới, nhưng may thay, hấn bước mạnh qua, hai chân đứng chằng hăng qua giồng khoai tôi chém vè. Nó cứ đứng chằng hăng như vậy, nhìn xuống mà không thấy gì, miệng lải nhải: “Đu mẹ, mới thấy hai thằng đó đây mà bây giờ mất tiêu. Bộ tụi Việt Minh có bùa “tàng hình” sao chứ?”.

## CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI

Tim tôi muốn nát ngườ. Rất may là giây phút “lên ruột” không kéo dài. Hấn bỏ đi về phía chòi, không quên chửi bới ông già:

- Tôi biết lão già bao che hai thằng Việt Minh đó. Tôi không bắt lão vì chưa có bằng cớ. Liệu hồn nghe!

Bọn lính Cao Đài rút khá lâu, tôi và Minh còn nằm nán lại cho chắc ăn. Nhưng trong nửa giờ nằm nán, tôi lại gặp một hung thần còn nguy hiểm chết người hơn lính Cao Đài: một con rắn bằng bắp tay, dài khoảng mét rưỡi từ từ bò qua người tôi, từ vai, lên ngực. Thấy tôi mang kính cận phản chiếu ánh mặt trời, nó lỏ mắt nhìn chằm chằm. Tôi toát mồ hôi lạnh, nhưng may mắn còn tỉnh trí “Nếu mình cục cựa, rắn giết mình sẽ cắn rồi chạy. Chi bằng giả chết giắc cho yên thân”. Minh tôi lúc đó cũng đơ. Con rắn “nghinh” với tôi khá lâu rồi bò đi luôn. Tôi mừng như chết đi sống lại. Trên đời, không có loài vật nào xấu xí, dễ sợ như loài bò sát mà rắn đứng đầu. Hồi đi học, thầy dạy rắn độc có đầu hình tam giác, còn rắn lành có đầu hình trái xoan. Lúc “thần hồn nát thần tính” làm sao tôi đủ bình tĩnh để phân biệt hình tam giác với hình trái xoan...

Quá ngộ, đói bụng, Minh và tôi lần mò về trạm kiểm cơm. Không thấy anh Kỳ đâu. Cơm xong, Tây lại càn lần nữa. Và lần này chúng quyết bắt cho được mấy con bò để ăn lễ lớn...

Tiếng xe nhà binh hụ ngoài đường cái, nghe sát bên tai. Lần này thì chúng tôi không chạy ra bung nữa mà yêu cầu bà chủ nhà – nơi giao liên mượn làm trạm – đưa xuống hầm bí mật.

- Chạy cả buổi sáng, chúng tôi hết hơi rồi. Bây giờ xin bác cho xuống hầm bí mật...

Bà chủ nhà nhìn chúng tôi khá lâu:

- Đúng là vùng này, nhà nào cũng có hầm bí mật. Hồi sáng tôi không cho mấy chú xuống là vì vừa rồi có thằng phó công an ra đầu Tây dẫn lính về khai hầm. Cho nên tôi sợ!

Minh nói:

- Bác sợ người trong làng là phải. Còn tụi tôi là dân phương xa, một năm chưa chắc đã qua làng này một lần, có gì mà sợ!

Bà chủ nhà lấy chổi quét nhẹ trên sân, lòi ra một khoen sắt. Bà nắm khoen sắt kéo lên để lộ một cửa hầm vuông vức cạnh bốn tấc. Minh thò hai chân xuống trước. Nhưng vai anh quá nở nang nên cạ vào miệng hầm. Tiếng giày trện của bọn lính Tây nện



lên đất gò nghe lồng lộng. Tôi hoang mang cố đẩy hai vai Minh xuống miệng hầm. Sau đó tới phiên tôi. Cái nhược nhỏ thó đôi khi cũng được việc. Tôi vừa thò hai chân xuống thì đã được Minh đón và kéo xuống an toàn. Lần đầu tiên xuống hầm bí mật, xin ghi lại đây vài cảm giác. Thứ nhất, hầm tối đen, đưa bàn tay ra trước mắt không thấy gì. Rồi dần dần, ánh sáng từ các lỗ nhỏ các rễ cây giúp ta bớt khó chịu vì bóng tối. Đúng là con người có khả năng hòa nhập với môi trường mới lạ và khắc nghiệt. Thứ hai, ngột ngạt, khó thở vì thiếu dưỡng khí. Hậu quả là nóng nực, cởi trần, mặc quần cụt là thích nghi nhất với cuộc sống dưới hầm bí mật...

Tôi và Minh thoát y, nằm tựa vào vách hầm lắng nghe tiếng động ở phía trên. Thoạt tiên là tiếng chổi quét che giấu nắp hầm, rồi tiếng mấy con gà hốt hoảng cục tác nghe xa xa thật mơ hồ. Bất giác tôi có cảm tưởng như bị chôn sống trong nhà mồ rộng lớn mà còn đủ minh mẫn để nhận xét về cuộc sống đang tiếp diễn ở phía trên. Kế nghe tiếng giày trần của lính Tây chạy ngang “nắm mồ chôn sống hai đứa chúng tôi”. Cùng với tiếng giày nện trên mặt hầm là tiếng chân bò rầm rập, thỉnh thoảng xen kẽ tiếng bò rống...

Đúng như bà chủ nhà nói, bọn Tây trong đồn đi vô xóm bắt bò làm tiệc mừng ngày lễ lớn. Bà không biết bọn Tây trong đồn ăn mừng lễ gì, nhưng tôi – người đã học văn hóa Pháp – biết chúng kỷ niệm ngày 14-7-1789 lịch sử, ngày nhân dân Pháp lật đổ chế độ phong kiến, đưa lên đoạn đầu đài vua Louis XVI và hoàng hậu Marie Antoinette. Trong Khu có một bài thơ của Hoàng Công Khanh được phổ nhạc tên là *Cho tôi sống lại một ngày*. Bài ca rất được phổ biến, tuy lời thơ và nét nhạc khó hát. Trong lời thơ, tác giả nhắc hai tiếng hát: tiếng hát tháng Tám của cách mạng Việt Nam và tiếng hát tháng Bảy của cách mạng Pháp và tỏ ý thất vọng: “tiếng hát tháng Tám còn đâu đây, sao chưa vọng trong lòng người tháng Bảy?... Thuở ấy, cũng như anh, tôi tuốt gươm đứng dậy. Cũng như anh, tôi mang hồn tháng Bảy, làm mùa tháng Tám nơi đây. Cũng như anh, tôi không muốn sống đọa đày...”. Đại ý bài thơ thật hay: người cách mạng tháng Tám (Việt Nam) trách người cách mạng tháng Bảy (Pháp) đã quên lý tưởng tự do, bình đẳng và bác ái ngày xưa để đi xâm chiếm thuộc địa ngày nay. Và bài thơ kết thúc: “*Bàn tay chờ không thấy một bàn tay... Cho tôi sống lại một ngày.*”

Cuộc cách mạng tháng Bảy năm 1789 được ca ngợi vì mang lý tưởng tự do, bình đẳng, bác ái... Ấy vậy mà giờ đây, mấy thằng Tây trong đồn Củ Chi đi bắt bò của dân chúng trong vùng mà trên danh nghĩa chúng có nghĩa vụ phải bảo vệ để ăn mừng lễ lớn của cha ông! Đúng là “Cha làm thầy, con bán sách.”

Nằm thao thức chừng nửa giờ thì tôi ngủ vùi thật ngon lành. Khi thức giấc mới biết bà chủ nhà đã khui hầm đánh thức chúng tôi dậy. Trời đã xế chiều.

Ra giếng xách nước tắm giặt xong, cơm chiều đã dọn. Ăn xong một chút là liên lạc trạm Hai tới. Minh bàn với tôi:

- Giờ này không thấy anh Kỳ. Vậy là có thể anh đã bị Cao Đài Ba-ri Tân Quy bắt rồi. Hai đứa mình có nên lên miền Đông hay quay về chờ tin anh Kỳ?

Tôi hoang mang, không có ý kiến gì. Minh nói tiếp:

Mình cố sống trên miền Đông rồi. Gian nan lắm! Chuyện chạy bố ở đây chẳng mùi mẫn gì! Càng đi lên, càng biết đá vàng!

Tôi vẫn im lặng. Minh quyết định:

- Sẵn anh em trạm Hai đưa khách về, mình nên đi theo về Sở. Ở lại chờ anh Kỳ không chắc có kết quả mong muốn.

Trong thâm tâm, tôi biết bỏ anh Kỳ quay về Sở là “chạy xị”. Mình là “gà Cao Lãnh” không lẽ “chạy xị”? Bỏ rơi anh Kỳ là hèn nhất. Nhưng tôi không làm gì để bảo lưu ý kiến của mình. Tôi lặng lẽ theo Minh trở về Sở, trong lòng bứt rứt một nỗi niềm “gà chạy xị”!

\*  
\* 2018/ĐC/VV 0000128

Không đầy một tháng sau, chúng tôi nhận được thư của anh Hoàng Tam Kỳ. Anh cho biết: “Khi chạy Tây ngày 14/7/1948 ấy, anh may mắn không đụng một cánh quân nào của Tây hay Cao Đài. Anh lạc tới một cái miếu trong một hốc vắng, chôn tài liệu xong rồi, vô miếu nghỉ. Không ngờ vì quá mệt mà anh ngủ ngon lành. Tới tối mịt mới về trạm thì ô hô, “hai anh đã vội quay về Sở”. Bây giờ, xin hai anh quá bộ lên miền Đông một lần nữa. Và lần này cầu mong cho chuyến đi được suôn sẻ.”

Vậy là lần nữa tôi từ giã anh Tư Phú và anh Châu khít – hai người đã giới thiệu và kết nạp tôi

chánh thức vào đầu tháng 7/1948 bên bờ kinh Dương Văn Dương.

Thối thường, trượt vổ dừa, thấy vổ dừa cũng sợ. Chết hụt ở Cây Bài – Phước Vĩnh An – Củ Chi, tôi luôn luôn thận trọng mỗi khi giao liên bảo đứng lại chờ để anh tiến ra lộ trình sát một mình. Những lúc đó, tự nhiên tôi mắc một chứng bệnh bất ngờ: bệnh đái són. Cứ năm bảy phút lại đi tiểu một lần. Kỳ đó, đi gần bót Bàu Trai trên đường số 10, có một anh y tá đang học khóa y sĩ. Anh mang trong ba-lô một quyển sách dày cộp mà tôi thấy quen quen. Thì ra đó là cuốn sách dạy về cơ thể học mà học sinh năm thứ tư trung học được nhà trường cấp để học. Anh y tá này thấy tôi cứ “xăn quần” hoài, cười nói: “Cậu phón dữ rồi, đúng không?”. Tôi chỉ cười trừ thay vì thú nhận khả năng “chạy xị” của mình trước hiểm họa không lường trước được. Anh y tá nói: “Đái són là một hiện tượng lo âu trước một thử thách mà mình không biết diễn tiến như thế nào”. Anh y tá nói đúng. Và nhờ vậy mà tôi sớm biết là cơ thể và tinh thần của mình “không ngon” để sau này chỉ nhận lãnh những công tác vừa với sức mình.

## CHƯƠNG II

Sau một tuần lội bộ theo các anh liên lạc, Minh và tôi lên tới Ty Thông tin Biên Hòa đóng giữa vườn bưởi xã Mỹ Lộc, quận Tân Uyên. Nơi đây có nhiều cơ quan tỉnh đóng như Ty Giáo dục, Ty Công an, Hội Liên Việt cùng các đoàn thể như Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ. Xa một chút có văn phòng Chi đội 10 đã phiên chế theo chính quy là Trung đoàn 310. Kế bên có Quân y viện do bác sĩ Võ Cương, Chính trị viên Trung đoàn 310 kiêm Trưởng Quân y viện Trung đoàn. Bên Dân y có chị Lương Ngọc Tương, tốt nghiệp Y tá quốc gia do Pháp đào tạo... Minh có sống ở vùng này trước đây, tỏ ra thông thạo. Một ngày chủ nhật, anh đưa tôi ra bờ sông Đồng Nai chơi. Từ Mỹ Lộc đi thẳng ra sông



chừng một cây số. Dọc bờ sông trong xanh là con đường đá đỏ chạy từ thị trấn Tân Uyên vòng lên Tân Hòa, đổ xuống Mỹ Lộc, qua cầu Rạch Rổ tới Tân Tịch, rồi thẳng lên các xã Thường Lang, Lạc An... Hai bên con đường đá đỏ là nhà cửa, vườn tược xum xuê mà nổi bật là các vườn bưởi với hai loại nổi tiếng là bưởi thanh và bưởi ổi. Bưởi thanh trái lớn bằng bình tích, vỏ vàng nhạt, ngọt thanh. Còn bưởi ổi thì trái nhỏ như trái ổi xá lị, đầu có núm, ngọt đậm, có thể để vài ba tháng sau Tết, bưởi càng ngọt sắc. Tiếp nối các vườn bưởi là các rẫy mía. Vùng đất đỏ này trồng toàn mía lau, cây nhỏ, thân cứng, nước mía ngọt gắt. Nhiều nhà che ép mía với sức trâu. Mỗi lần khới nhẹ bốc lên, mùi nước chè bay lên thơm nức mũi. Minh kéo tôi vô lò đường chào hỏi xã giao rồi giới thiệu tôi là người Đồng Tháp mới lên, muốn biết món ngon của Chiến khu miền Đông. Chủ lò nhìn tôi cười thân thiện. Năm 1948, tôi hăm mốt, mới rời Sài Gòn có một năm, còn trắng trẻo, bộ vó thư sinh, người mảnh khảnh, lại mang kính cận, rất xa lạ với dân rừng núi. Chủ lò nói:

- Mời cậu nếm nước chè vừa chín tới.

Minh không đợi mời lâu. Anh chọn khúc mía thẳng lóng, chụp con dao róc vỏ rồi chặt làm hai, đưa

cho tôi một khúc, cười nói: “Làm theo tôi nghe!”. Anh thọc khúc mía vô chảo nước đường đang sôi, quẩn vài vòng cho mật đường dính vào thân mía rồi đưa lên mũi hít lấy hít để “Thơm quá xá!”

Tôi làm theo Minh. Đây là lần đầu tôi được thưởng thức mía lau nhúng nước chè chín tới. Cắn tới đâu mát nướu tới đó. Đang ngồi trên đồng mía thưởng thức vị ngọt miền Đông, bỗng từ bên kia sông một tiếng “Ụp” vang rền. Minh vụt khúc mía, kêu lên: “Nằm xuống! Moóc-chê Tân Uyên đó! Đếm mười tiếng là nó nổ”. Tôi nằm sấp xuống nhưng còn tỉnh để đặt khúc mía nhúng mật lên đồng mía lau. Hai tay tôi ôm lấy đầu vì cái đầu là “tổng tham mưu”. Cái đầu còn thì còn viết báo viết văn được. Với ý nghĩ này tôi chợt nhớ nhà thuyết khách Tô Tần. Lúc hàn vi, ông ta bị dân đánh cho một trận nên thân vì dân không khoái các cha “đâm bị thóc, thọc bị gạo” xui vua nước này đánh nước kia khiến dân trăm họ lầm than khổ sở. Tô Tần bị thương tích cùng mình, nhưng anh ta còn bình tĩnh lè cái lưỡi ra. Thấy lưỡi còn nguyên, anh ta vui mừng kêu lên: “Vậy là ta vẫn tiếp tục làm thuyết khách như xưa”. Tôi khen Tô Tần ở chỗ yêu nghề. Cũng như tôi cố gắng giữ cái thủ cấp để mà tư duy, để mà viết lách.

Đếm đúng mười tiếng, tôi nghe một tiếng “Oăng”. Đạn bay xa, nổ trong bìa rừng Tân Tịch...

Chuyến ra bờ sông Đồng Nai ngày ấy mất vui vì nạn moóc-chê. Minh nói thêm:

- Ra ngoài này nên coi chừng. Chớ ra sát mé sông, mặc dầu sông Đồng Nai rất đẹp như thơ anh Tám Nghệ.

Tôi chưa kịp hỏi, Minh cất tiếng ngâm:

*Bờ sông xanh chiều hôm nay buộc ngựa,  
Kiếm gối đầu, theo gió thả hồn cao.  
Thơ tôi đây cũng hoa bướm muôn màu,  
Lòng tôi đây, cũng vui sâu như bạn.  
Tôi cũng biết nhớ thương, tơ tưởng  
Nào chỉ là võ tướng hay thi nhân,...*

Đang đi, tôi vụt đứng lại. Vốn giàu tưởng tượng, tôi thấy trước mắt như có chàng kỵ mã phóng ngựa trong rừng. Ra tới bờ sông, anh ta buộc ngựa, gối kiếm nằm bên bờ sông... thả hồn theo nàng thơ. Một hình ảnh rất lãng mạn mà tôi ưa thích. Trước khi ra bưng, tôi cũng đã mê bản nhạc *Tiếng còi trong sương đêm* – bản rumba nổi tiếng của nhạc sĩ Lê Trực (sau này ra bưng lấy tên là Hoàng Việt).

Minh vụt hỏi:

- Bồ tình nguyện lên miền Đông là vì mê thơ anh Tám Nghệ hả?

Tôi thành thật:

- Tôi chưa biết anh Tám Nghệ là ai. Chỉ mới được nghe anh ngâm mấy câu thơ vừa rồi. Tôi lên miền Đông vì hào quang của trận Lã Ngà đầu tháng 3/1948. Báo *Tiền Đạo* ra số đặc biệt *Chiến thắng Lã Ngà* trong đó có bài bút ký “Khách đô thành viếng Chiến khu Xanh” của anh Bùi Thanh Khiết. Tôi đọc mê say rồi tình nguyện lên đây...

Minh lại nhắc đến anh Tám Nghệ:

- Mình biết anh Tám Nghệ từ hồi đầu kháng chiến. Khoái anh Tám đánh trận Tết Tây, đánh bốn mặt vô thị xã thật bất ngờ làm Tây trở tay không kịp. Trận đó giúp bà con Biên Hòa lên tinh thần...

- Lúc đó anh làm gì mà biết rành vậy?

- Mình là dân cạo mủ cao su. Mới gia nhập bộ đội, làm liên lạc...

\*  
\*   \*

Không bao giờ tôi quên được bài báo đầu tiên của tôi tại Chiến khu Đ. Năm đó – năm 1948 – các tỉnh đều ra báo tỉnh, in typô-tức in chữ chì, khuôn khổ thống nhất là 30x40cm. Phía trên đề tên tỉnh,

phía dưới là hàng chữ “Thông tin Quân Dân Chánh”. Giữa tháng chín năm đó, ta đánh bay đồn Thới Hòa trong quận Bến Cát. Tin điện cho biết đoàn quân chiến thắng sẽ về tới căn cứ vào xế chiều và đích thân anh Tám Nghệ sẽ tường thuật trận đánh cho mọi người nghe.

Anh Hoàng Tam Kỳ, Trưởng ty Thông tin bảo tôi:

- Tối nay anh Thân tới Ủy ban nghe anh Tám trình bày rồi viết bài đăng báo Biên Hòa Thông tin Quân Dân Chánh nghe.

Nghe qua thật là mừng: xuống núi cả nửa năm mà chưa có tác phẩm nào trình làng hết. Nay được giao nhiệm vụ viết bài báo tả lại chiến công của bộ đội tỉnh nhà, còn công tác nào hơn?

Chiều hôm ấy, trời vừa nhá nhem tối, từ phía dốc Bà Nghiêm thuộc xã Tân Hòa, cát bụi bỗng nổi lên như cơn lốc. Tiếng vó ngựa vang lên, càng lúc càng rõ. Từ trong vườn bưởi Mỹ Lộc, chúng tôi thấy một đoàn kỵ mã phóng ngựa trông sương chiều. Đủ thứ trang phục. Người mặc quân phục kaki vàng, người vận pyjama đen thắt lưng khăn rằn, kẻ quần đùi áo thun tay dài lấy của cầu thủ một hội banh nào đó. Đa số cột khăn rằn trên đầu như là một ám hiệu

của phe ta... Súng quàng vai, gươm đeo trước bụng. Từ sân trước hội trường tiếng vỗ tay vang vang, nhịp nhàng “Hoan hô anh Tám! Hoan hô anh Tám!”

Lần đầu tiên tôi biết anh Tám Nghệ như thế đó. Anh cỡi con ngựa hồng, dẫn đầu đoàn quân chiến thắng trở về căn cứ mà cũng về làng cũ của mình. Con tuấn mã vừa tới mí vườn, anh Tám đã nhảy xuống thật gọn. Thằng Phú, con người anh thứ Năm của anh Tám nhanh nhẹn chạy tới chộp dây cương trong tay chú Tám đưa con Hồng ra bãi cỏ xanh sau vườn cho nó gặm sau một hành trình mấy mươi cây số đường rừng.

Anh Tám đi thẳng vô hội trường, đưa hai tay lên cao chào toàn thể rồi tươi cười bắt tay từng người đang chờ đón anh. Tôi đang rụt rè nửa muốn bắt tay nửa không dám, ngồi trong một góc, nhưng trên đà đi giáp vòng, anh Tám đưa tay cho tôi bắt:

- Chú nào đây?

- Thưa anh Tám, tôi là phóng viên được Sở Thông tin Nam bộ tăng cường cho Ty Thông tin tỉnh nhà...

Anh Tám nhìn tôi vài giây, gật gù:

- Vậy bài báo ra mắt của chú là bài tường thuật trận Thới Hòa này đây. Tôi sẽ cố gắng kể cho đầy đủ chi tiết để chú viết cho hay...

Trận chiến thắng Thới Hòa cũng áp dụng chiến thuật cổ truyền của ta là “binh vận”, nói theo xưa là “nội công ngoại kích”. Năm được anh em trong đồn, tới giờ G, ngày N, trong mở cổng ngoài xông vào. Các phần tử ác ôn đã bị cô lập, kho đạn đã được mở. Tóm lại công tác binh vận càng chu đáo thì trận đánh càng được bảo đảm. Trong bài tường thuật của tôi ngày ấy, tôi viết nhiều về cái gọi là *Hào khí Đồng Nai*, cái khí thế của đoàn quân chiến thắng phi ngựa trong rừng chiều. Với một anh chàng học sinh mới rời ghế nhà trường, bức tranh “Mã đáo thành công” trong Chiến khu làm nô nức mọi tâm hồn. Không rõ thời Quang Trung đại phá quân Thanh như thế nào, có đúng là đội quân Tây Sơn tất cả đều áo vải cờ đào hay không, còn đội quân của anh Tám Nghệ hôm ấy có gì mặc nấy, làm gì có đồng phục – dù là áo vải cờ đào. Quần áo có gì mặc nấy thì tất nhiên súng ống cũng phải như thế. Có gì đánh nấy, rồi chiếm súng địch đánh lại địch. Đó là qui luật chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân...

Thêm một cảm nghĩ riêng của anh chàng phóng viên khoái thơ văn. Vài tuần trước chiến thắng Thới Hòa, tôi tìm được tập *Thơ Đồng Nai* in trên giấy vàng nghệ của anh Huỳnh Văn Nghệ. Tôi



đọc một mạch, rồi thỉnh thoảng đem ra đọc lại những bài mình ưa thích như bài *Nhớ Bắc*:

*Ai về Bắc ta đi với  
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng  
Từ độ mang gươm đi mở cõi  
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

.....

Riêng tôi thì thích bài *Cờ*:

*Đem cắm cờ kia trên đất tôi  
Người ta tuyên bố chiếm đây rồi  
Làm chi ai hỡi, trò con trẻ  
Chiếm đất đừng mong chiếm được người.*

Lại có người khen bài *Trốn học*:

...

*"Má ơi! Thầy của con  
Như là không biết thương  
Những trò nghèo áo rách  
Mỗi bữa mỗi đánh đòn.*

...

*Xấu hổ và sợ đau  
Không tiền may áo mới*

## CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI

---

*Nên con đành trốn học  
Để chờ ngày mẹ giàu.”  
Cành roi rời khỏi tay  
Khăn rằn lau nước mắt  
Mẹ ôm con vào ngực  
Chim rừng ngơ ngác bay.*

Anh bạn nhà văn lão thành của tôi lâu năm làm biên tập nhà xuất bản chấm bài thơ *Đám ma nghèo*.

*Đám ma ai giữa mưa dầm gió lạnh!  
Bốn người khiêng lắt lẻo chiếc quan tài  
Người vợ kêu trời khan cả giọng  
Ấm con thơ lần bước dưới mưa rơi.  
Sau góa phụ còn hai con trẻ dại  
Dắt díu nhau, nheo nhóc khóc không thôi.  
Và sau nữa... không còn ai nữa hết  
Đám chó theo sữa mãi đám ma cô.*

Về quân sự anh Tám nắm dân quân Tân Uyên, vừa đánh vừa học. Nhờ tài chỉ huy độc đáo mà bà con tín nhiệm anh. Chẳng hạn như sáng sớm anh đi đồng. Bất ngờ máy bay lên bắn dọn bãi để thả dù. Đạn đại liên nổ trên đầu, anh xách quần

chạy, nhảy xuống rạch Rớ nắm gốc cây nhìn lên quan sát rồi lần theo các vườn bưởi, rẫy mía tới trạm liên lạc gọi điện về Bộ chỉ huy bố trí dàn quân đánh địch khi chúng còn lơ lửng trên trời. Trận đánh bọn nhảy dù trên cánh đồng Mỹ Lộc thu cả trăm chiếc dù, cả Chiến khu Đ bộ đội lẫn cán bộ, cả đến dân chúng cũng có đủ võng dù, ba-lô dù, túi nhái (đựng thuốc rê lẫn tài liệu) cũng bằng vải dù.

Một lần tôi nghe chị chủ lò đường kể chuyện anh Tám chỉ huy đánh bay cái bót ở gần bến đò Tân Tịch. Chị kể: “Trời trưa nắng gắt, bọn lính uể oải làm cho có chừng dưới quyền chỉ huy của ba thằng Tây. Chúng quyết đóng bót để nắm bờ sông, đẩy lùi các cơ quan vào sâu trong rừng. Tôi thấy có một người khăn rằn quần cổ, đầu đội cái nón lá rách te tua, ông ta cầm roi tre lừa một con bò xám xám vô trại. Tôi chưa nhận ra ai. Ông ta giở nón lá ra quạt một lúc rồi xin tôi một tô nước mưa. Chừng anh bỏ khăn rằn ra, tôi giật mình kêu lên: “Anh Tám!”. Anh suýt suýt ra dấu cho tôi giữ im lặng. Anh vừa uống vừa nhìn cái bót đang xây nửa chừng. Anh uống tô nước mưa thật lâu, vừa uống vừa nhìn chung quanh cái bót như ước lượng gì đó. Khi anh trả tô và lừa con bò ra đồng, tôi nghĩ bụng: “Chết cha cái bót

này rồi! Đích thân anh Tám đi “điều nghiên” thì cái bót này phải bay thôi...”. Đúng như tôi nghĩ, ba ngày sau, bót Tân Tịch bị bộ đội đánh bay khi nó xây còn dang dở.

Rất nhiều chuyện có thể nói là huyền thoại về anh Tám Nghệ, nhưng để về sau kể tiếp.

Xin trở lại chuyện thơ văn của anh Huỳnh Văn Nghệ. Có kẻ chê thơ Huỳnh Văn Nghệ “xưa quá là xưa”, ở thời buổi tiểu liên súng máy mà còn cỡi ngựa với múa gươm.

Chính mắt tôi – anh phóng viên tờ báo “Biên Hòa Thông tin Quân Dân Chánh” đã chứng kiến đoàn quân chiến thắng phi ngựa từ Thới Hòa (Bến Cát) về căn cứ Chiến khu Đ vào xế chiều ngày ấy. Dưới ráng chiều đỏ rực, những thanh kiếm thép lấp lánh ánh hào quang chiến thắng trong đủ tư thế, cột vô thất lưng to bản tịch thu của quân thù giắt ngang lưng ngựa. Bộ đội Tân Uyên chủ yếu là dân quân du kích, không đủ súng tất nhiên phải dùng võ khí thô sơ – gươm dao, mã tấu, tầm vông vạt nhọn là chuyện bình thường. Thơ Huỳnh Văn Nghệ phản ánh thực tế đó: cỡi ngựa, múa gươm. Tại sao lại “xưa quá là xưa”?

Và bây giờ mời các bạn đọc lại bài thơ *Bên bờ sông xanh* mà tác giả cũng như nhiều thi hữu xem như “tuyên ngôn” của thơ Huỳnh Văn Nghệ:

**Bên bờ sông xanh**

*Bờ sông xanh chiều hôm nay buộc ngựa,  
Kiếm gối đầu, theo gió thả hồn cao.  
Thơ tôi đây cũng hoa bướm muôn màu,  
Lòng tôi đây cũng vui sâu như bạn.  
Tôi cũng biết nhớ thương, tơ tưởng  
Nào chỉ là võ tướng hay thi nhân,  
Tôi là người lăn lóc trên đường trần,  
Không phân biệt lúc mài gươm, múa bút.  
Đời chiến sĩ máu hòa lệ, mực  
Còn yêu thương là chiến đấu không thôi.  
Suốt một đời gươm chẳng ráo mồ hôi  
Thì không lẽ bút phải chờ kiếp khác.  
Trên lưng ngựa múa gươm vừa ca hát.  
Lòng ta say chiến trận đến thành thơ.  
Máu quân thù chảy đỏ quê hương ta  
Còn có vần thơ nào hay hơn nữa.  
Bạn đừng ngại rằng người thơ mê ngủ  
Quên cuộc đời, tìm mộng để làm thơ.  
Bạn đừng lo tôi say máu quân thù*

## CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI

*Quên ghi chép những vần thơ huyền diệu.  
Có chiến đấu thơ mới thêm vần điệu  
Càng hát ca, gươm càng sắc bén thêm.  
Nợ kiếm cung nghiên bút biết sao đền  
Nếu không biết vừa làm thơ, giết giặc.*

\*  
\*   \*

*Gởi lại bạn những vần thơ trên cát  
Và giờ đây tôi qua bến, lên đường.*

Xin mời các bạn đọc lại lời giới thiệu tập *Thơ Đồng Nai* của anh Tô Văn Cửa, Chủ tịch tỉnh Biên Hòa và là bạn chí thân của anh Tám Nghệ. Hai anh nằm trong bộ ba Nghệ – Cửa – Bồ (Cao Văn Bồ, Tỉnh đội trưởng Dân quân Biên Hòa) vừa là bạn học từ Trường quận Tân Uyên lên Trường trung học Pétrus Ký và sau cùng là công chức Hỏa xa Sài Gòn. Anh Sáu Cửa viết như sau: “*Khi đại bác nổ, nòng thơ im tiếng*”. Đó là quy luật chung. Nhưng với Huỳnh Văn Nghệ thì khác. Nhà thơ của chúng ta:

*“Trên lưng ngựa múa gươm vừa ca hát.  
Lòng ta say chiến trận đến thành thơ”*

Đây là truyền thống của cha, ông ta trong quá trình mở cõi dựng nước: *“Lên ngựa cầm thương, xuống ngựa cầm bút”*.

Tập *Thơ Đồng Nai* trong nhiều năm là người bạn chí thân của tôi. Tôi xếp nó trong ba-lô bên cạnh “bộ đồ nghề” của tôi và vào những giờ nghỉ ngơi, tôi đều đem nó ra đọc một bài, không chỉ đọc một lần mà lẩm nhẩm những khổ thơ hay, những khổ thơ mà mình tâm đắc nhất. Thét rồi thuộc lòng lúc nào không hay. Như các bài *Bến cũ* với những hình ảnh độc đáo, như:

*Đây bến cũ chốn muôn thuyền đợi gió  
Buồm phấp phồng như phổi nhịp bên hông  
Neo buông sâu như những sợi tơ lòng  
Thuyền lớn, nhỏ toàn chứa đầy hy-vọng...*

Đúng là “Thi trung hữu họa”: “Buồm phấp phồng” được ví với “phổi nhịp bên hông” và “Neo buông sâu” ví với “sợi tơ lòng”

Bài *Tết quê người*:

....

*Đêm hôm nay cũng có bà mẹ khổ  
Mỗi trông con quên cả lễ giao thừa*

*Đêm hôm nay chạnh đau lòng chinh phụ  
Đếm tuổi con để nhớ thuở chồng xa*

*Đêm hôm nay nơi tha phương lữ thứ  
Khách chinh phu dừng bước lại bên đường  
Ánh sao mờ phía chân trời xứ sở  
Như mũi gươm, ôi! Nhức nhối, đoạn trường.*

Cả ba nhân vật trong bài thơ đều gợi trong ta tình cảm thân thương: bà mẹ mãi trông con quên cả lễ giao thừa, người vợ đếm tuổi con để nhớ thuở chồng xa và khách chinh phu ngắm sao mờ để nhớ quê hương yêu dấu...

Và còn nhiều bài nữa, nhưng không tiện chép hết ra đây...

Tiếc thay ba năm sau, tôi phải “đóng nghĩa vụ” cho rừng: sốt rét kinh niên, đau gan và lá lách. Chạy Tây không mang nổi ba-lô, đành giấu cất dưới hầm... Kỳ đó Tây phát hiện miệng hầm, xịt xăng xuống đốt. Chừng về thấy hầm cháy đen, ba-lô cũng cháy. Không tiếc bộ đồ “nghỉ”, chỉ tiếc quyển thơ gối đầu giường!

Buồn cả tháng trời. May là mình đã đọc tới đọc lui nhiều lần đến thuộc lòng rất nhiều bài mình ưa thích nhất.



### CHƯƠNG III

Năm 1949, Ty Thông tin đóng ở Suối Sâu, cách cầu Tân Lợi khoảng ngàn mét. Anh Hoàng Tam Kỳ cho phát một khoảng trống trong rừng, cách con đường đá đỏ bên ngoài chừng trăm mét làm văn phòng, hội trường, nhà in. Còn nhà bếp thì đặt bên kia đường, gần bờ suối. Lên rừng chừng trên một năm, tôi bị sốt rét rừng, mỗi sáng phải qua trạm dân y của chị Tương để các y tá tiêm thuốc quinoblean. Loại thuốc này, như tên của nó chỉ rõ, là thuốc nước màu xanh. Tiêm vô rồi tiểu ra cũng xanh. Thú vị là đội nữ y tá của chị Tương. Các cô là nữ sinh Biên Hòa, cũng có đôi ba người từ Sài Gòn lên: trẻ, đẹp và ngây thơ. Bệnh sốt rét theo tôi là bệnh “tương đối dễ chịu” hơn hết trong rừng. Nó nhẹ hơn nhiều so

với bệnh đau gan đến mức da vàng như nghệ, bệnh sưng lá lách – trong rừng gọi là “sưng trái báng”, nếu ai chạm mạnh vào chỗ đó, người bệnh có thể ngã lăn bất tỉnh. Rồi còn các chứng khác như ghẻ lở, dễ sợ nhất là ghẻ hờm, mủ chảy tới đâu lở tới đó. Rồi bệnh thũng... Người bệnh sốt rét chỉ khó chịu vào cỡ sốt trước rồi cỡ rét sau. Khi rét thì cơ thể lạnh run, đắp mền cũng chưa đủ ấm, phải ra sân phơi nắng gắt mới thấy dễ chịu. Ngoài cỡ sốt rét thì con bệnh thoải mái như mọi người. Tới trạm dân y, tôi thích ngồi trong góc xem các cô y tá học trò chị Tương tập cầm kim lần mò tìm mạch con bệnh. Mạch nhỏ thì khó tìm. Mạch lớn đôi khi lại hay “chạy” như đùa giỡn với các cô mới vào nghề. Nhiều cô lo lắng tìm mạch đến đổ mồ hôi trán, trông thật tội nghiệp. Vì quá chăm chú vào công việc mà đôi khi cánh tay bệnh nhân hạ xuống, bàn tay vô tình chạm vào bộ ngực vun tròn của các cô. Tôi hay tò mò nhìn xem những chuyện trở trêu như vậy và hồi hộp chờ đón phản ứng của các cô như thế nào. Nhưng hoài công vì không cô nào quan tâm tới chuyện nhỏ ấy. Bàn tay bệnh nhân vô tình (hay hữu ý) chạm vào ngực các cô chẳng có nghĩa gì, bởi các cô có một đam mê cao quý hơn là làm tròn thiên

chức của người y tá, như khẩu hiệu treo trên vách “Lương y như từ mẫu”.

Tối phiên tôi. Cũng như các bệnh nhân trước. Cánh tay từ từ hạ xuống theo lệnh: “Anh xòè bàn tay ra khi tôi mở dây thun”. Tôi làm y theo lời dạy, bàn tay tôi từ từ xòè ra khi mũi kim đã đâm trúng mạch, mấy tia máu vọt ra trong ống tiêm và cô y tá nhẹ nhàng mở dây thun. Ba ngón tay tôi chạm vô ngực cô nàng. Tôi cứ để vậy vì không thể nào làm khác hơn. Cô y tá đã mò khá lâu mới xăm đúng mũi kim vô mạch của tôi. Mồ hôi rịn ra trên trán cô, một vầng trán cao, thông minh. Tôi cứ để mấy ngón tay chạm vào ngực cô nàng và mắt đăm đăm nhìn thẳng vào đôi mắt nàng để chờ xem phản ứng. Nàng lại rấn tới, đôi mắt không rời mũi kim và ống tiêm, theo dõi sát sao, không để mũi kim chệch ra ngoài mạch máu. Do nàng hơi ngả về phía trước, mấy ngón tay tôi càng chạm mạnh vô ngực và tôi cảm thấy được sự thích thú kỳ diệu khi bàn tay tiếp cận với bộ phận đẹp nhất trên cơ thể nữ giới... Tôi đang thích thú với cảm giác “thoát trần” thì cô nàng rút mũi kim ra, chà miếng bông tẩm alcohol lên nơi dấu kim, vui vẻ kêu lên:

- Xong rồi! Ôi, cái mạch của anh sao mà kỳ cục quá!

Tôi hơi chột dạ, hỏi:

- Mạch của tôi sao gọi là kỳ cục?

- Nó to hơn người ta mà vừa thọc mũi kim vô là nó chạy. Phải mò tới mò lui lâu ghê. Tiêm một mũi cho anh bằng tiêm hai mũi cho người khác.

Tôi bật cười:

- Vậy sao? Tôi lại thấy cô tiêm cho tôi sáng nay nhanh hơn mọi khi.

Cô nàng nhìn tôi mà không hiểu tôi muốn nói gì. Tôi cảm ơn rồi ra về, lòng lâng lâng, cười thầm: “Đúng là kẻ cố tình rình người vô ý”. Đó, kỷ niệm đi Dân y của tôi ngày ấy là như thế. Một chút tình cảm trai trẻ ngây ngô. Về già nhớ lại chuyện ngày xưa, tôi không nín được cười mà rằng: “Ôi, cái thằng dê lộ liễu! Mập béo gì cái thứ cọ quẹt sàm sỡ đó.”.

Tôi thường hay đi bách bộ vào buổi chiều trên con lộ đá đỏ từ cầu Tân Lợi đưa thẳng lên Sinh, đôi khi cầm một quyển sách. Nhưng quyển sách chỉ để làm dáng, vì tôi thích nhìn ngắm phong cảnh rừng già hơn. Đi dọc bờ suối nơi Quân y viện của bác sĩ Võ Cương, bỗng tôi nghe từ dưới suối, khuất sau lùm cây có tiếng hát vừa lạ vừa quen. Đó là bài

*Sérénade sans espoir*. Tôi đứng lại nghe. Tiếng thiếu nữ từ dưới suối cất lên:

*"Tsi tsi tsi, ce n'est qu'une sérénade*

*Tsi tsi tsi, sérénade sans espoir."*

*(Si si si, đó chỉ là tiếng ca ban chiều*

*si si si, tiếng ca ban chiều vô vọng)*

Tôi đứng chờ nghe hát tiếp, nhưng có lẽ người hát biết có người nghe trộm nên ngừng hát. Tôi lại bước đi, nhưng được vài bước thì dừng lại ngó xuống suối. Một cô gái đang tắm gội giữa dòng nước trong xanh. Nàng đang gội đầu, bọt trắng che cả mặt mũi. Tôi chỉ thấy mái tóc uốn của các cô gái trên thành. Chiều ấy, tôi cứ lải nhải hát bài *Sérénade sans espoir* và nghĩ tới cô gái đang tắm dưới suối.

"Nàng là ai mà biết bài hát tiếng Pháp rất trữ tình này?". Vài phút sau, tôi vỗ đùi khoái trá kêu lên:

- Euréka! Đúng rồi! Cô nàng là nữ sinh trường đầm trên Đà Lạt. Couvent des Oiseaux là tên trường. Trong chiến trận Là Ngà, ta đưa vô Khu năm sáu nữ sinh theo đoàn công-voa nhà binh Pháp lên Đà Lạt nhập học. Nghe nói có một người tình nguyện ở lại tham gia kháng chiến. Có phải cô nàng này không? Ôi, nữ sinh học trường đầm sao mà lãng

mạn không thua nam giới là anh chàng phóng viên “nhẹ dạ” đụng ai cũng thương, cũng yêu nầy! Và tôi thầm điểm bình những hình bóng cũ mà tôi đã “trồng cây si” trong một thoáng ngắn ngủi như gió thoảng qua đường: Cô Tám Mãn trong điền Bà Chủ Nghi ở Cái Nước; cô Lan, phụ nữ Cứu quốc hộ 17, và cô sau cùng là cô “Tsi tsi tsi, ce n'est qu'une sérénade”, cô nữ sinh Couvent des Oiseaux Đà Lạt...

Tôi đoán mò cô gái hát bài *Sérénade sans espoir* là nữ sinh trường đầm Đà Lạt mê Chiến khu Xanh đến nỗi quyết định “xếp bút nghiên” ở lại rừng xanh Chiến khu làm nghĩa vụ công dân thay vì lên xứ sương mù trên cao nguyên tiếp tục học hành. Tôi làm quen với các anh bên Quân y viện để thẩm tra nhận xét của mình. Và kết quả là tôi đã đoán đúng.

Cũng trong chương “hậu Là Ngà” tôi được nghe kể lại một nét hào khí Đồng Nai đã xảy ra vài tháng trước khi tôi lên vùng đất nầy. Câu chuyện như sau:

Trung úy Jeffrey là trưởng ban an ninh đoàn công-voa Sài Gòn Đà Lạt ngày 1/3/1948. Đoàn xe bị ta phục kích cách cầu Là Ngà vài cây số và Jeffrey

bị thương gãy chân. Chuyển đi đó, anh Trung úy này đưa cả vợ và đứa con gái hai tuổi theo. Cô đầm bế con đi theo chồng vô rừng già dưới sự điều khiển của bộ đội. Khi gặp bác sĩ Võ Cương, cô đầm khóc lóc năn nỉ bác sĩ cố cứu cái chân cho chồng cô ta vì “anh ấy còn trẻ quá, mới ba mươi thôi”.

Bác sĩ Võ Cương an ủi cô đầm: “Chúng tôi học nghề y từ người Pháp. Khi ra trường có thể trước Tổ nghiệp là ông Hippocrate luôn luôn cố gắng cứu người khi còn có thể cứu được. Để tôi xem, nếu có thể cứu trị lành lặn thì tôi sẽ cố gắng không cứa chân Trung úy chồng bà.”. Lúc đó anh Tám Nghê không đồng quan điểm với anh Võ Cương. Trên cương vị tư lệnh, anh không muốn ta giúp một sĩ quan địch lành lặn để rồi nó lại đánh ta còn hung bạo hơn trước. Nhưng bác sĩ Võ Cương thuyết phục anh Tám Nghê: “Đây cũng là binh vận. Nếu ta cứu được cái chân, giúp hắn trở thành một người bình thường có đủ hai chân, chắc chắn hắn sẽ mang ơn cách mạng và không thể tiếp tục làm lính đánh thuê cho tư bản. Có thể hắn sẽ có tư tưởng phản chiến.” Anh Tám Nghê gật gù: “Anh là bác sĩ, anh có lương tâm của người bác sĩ. Tôi chưa có được lòng tin nơi kẻ thù như anh, nhưng tôi tôn trọng lòng tin của anh.

Anh cứ làm thiên chức của anh. Để xem kết quả có như ta mong muốn hay không.”

Anh Võ Cương chữa trị chân Jeffrey lành lặn. Anh ta mừng quýnh, cứ cảm ơn rối rít. Chừng Jeffrey đi đứng dễ dàng như trước, ta tổ chức chuyến trao trả tù binh. Ta chọn bót Cây Đào có thằng Tây râu quai nón là thằng khát máu nhất trong vùng. Vấn đề là tìm cho được một người dũng cảm đưa Jeffrey tới đó giao cho thằng trưởng đồn ác ôn. “Sứ giả” phải biết tiếng Pháp để trao đổi vài ba câu với thằng trưởng đồn. Và nhất là phải thật bản lĩnh để “ăn miếng trả miếng” với Tây. Khó tìm ra “sứ giả” có đủ điều kiện nói trên. Nhưng vừa hay tin ta trao trả tù binh thì có người xung phong làm “sứ giả”. Người đó lại là một phụ nữ mới là chuyện hiếm thấy. Chừng “sứ giả” gặp hai anh Tám Nghệ và Võ Cương thì hóa ra đó là chị Tương, Lương Ngọc Tương, nguyên là y tá quốc gia do Pháp đào tạo, nay là Trưởng ty Y tế Biên Hòa kiêm Trưởng trạm Dân y tỉnh. Chị Tương không đẹp nhưng chị có đầy đủ điều kiện để làm “sứ giả”. Chị có nhiều nam tính như đi đứng chững chạc, ăn nói hùng hồn. Tiếng Pháp của chị đã khiến Jeffrey ngạc nhiên hỏi: “Trong Khu có mấy người thông thạo tiếng Pháp như chị?”



Vào giờ chót, có một thanh niên xung phong làm vệ sĩ cho chị Tương. Đó là anh họa sĩ Thọ, rất đẹp trai, là cầu thủ của đội banh Phòng chính trị Trung đoàn 310. Anh em gọi anh là Thọ Tây lai.

Tối ngày, anh Thọ chèo tam bản cặp bến cho chị Tương đưa Jeffrey qua bót Cây Đào. Jeffrey nai nịt quân phục, đeo lon Trung úy đang hoàng. Thằng Tây râu quai nón trưởng bót Cây Đào chỉ là Thiếu úy nên đưa tay chào kính cẩn. Jeffrey trang trọng giới thiệu chị Tương đại diện Bộ chỉ huy Trung đoàn 310 chánh thức trao trả tù binh nơi bót Cây Đào ngày hôm nay. Tên trưởng đồn nhìn chị Tương với vẻ xấp lác:

- Cô không biết sợ hay sao mà dám tới giang sơn của tôi?

Chị Tương cười lớn:

- Tại sao tôi lại phải sợ ông? Tôi có nghe danh tiếng của ông – nói đúng ra là tai tiếng chứ không phải danh tiếng. Ông có phân biệt được danh tiếng với tai tiếng không? Danh tiếng là cao quý còn tai tiếng là tồi tệ...

Cả Jeffrey và tên trưởng bót đều nhìn chị Tương không chớp mắt. Họ không ngờ chị có đủ từ ngữ tiếng Pháp để phân tách rõ ràng hai từ gần giống nhau nhưng lại khác xa.

Chị Tương nói tiếp:

- Chúng tôi có nghe ông thù ghét Việt Minh đến mức ngày nào không giết được một người Việt Minh là ông ăn không ngon, ngủ không yên, phải không? Nhưng chúng tôi không sợ ông. Tại sao? Cái đồn của ông nằm trong căn cứ của chúng tôi. – Chị xoè bàn tay ra. – Nó như quả trứng nằm trên bàn tay tôi. Ngày nào chúng tôi quyết định nắm bàn tay lại thì quả trứng sẽ nát vụn. Ông có thấy như vậy không? – Chị chỉ Jeffrey, nói thêm – Cả một đoàn xe ba mươi mấy chiếc, có đại đội hộ tống do Trung úy Jeffrey chỉ huy còn bị chúng tôi đánh tả tơi ở Là Ngà mấy tháng trước đây. Sá gì cái đồn cheo leo với quân số một đại đội như cái bót Cây Đào này!

Tới đây; chị cười vuốt dịu lại:

- Chuyện đánh đấm, xin để Trung úy Jeffrey bàn luận với ông. Còn tôi, trong ngày đáng ghi nhớ này, tôi chỉ muốn nói là mặc dầu hai bên đang lâm chiến, chúng tôi vẫn tôn trọng tính nhân đạo đối với tù binh. Cái chân bị thương của Trung úy đáng lý phải cắt bỏ, nhưng bác sĩ của chúng tôi được người Pháp đào tạo, đã thề trước ông tổ Hippocrate là luôn luôn cứu trị cho bệnh nhân, không phân biệt bạn hay thù...

Thằng Tây quai nón “thấm đòn” vẫy tay ra lệnh cho lính khuôn két la-ve tới đãi khách. Hắn đích thân trao ly la-ve cho chị Tương và anh Thọ, chuyển sang chuyện khác:

- Tôi thấy bên đó chiều nào cũng có đá banh. Anh có đáng vẽ cầu thủ quá, phải không?

Anh Thọ gật:

- Ông Thiếu úy trưởng đồn nói đúng. Tôi là đội trưởng đội banh bên đó. Nếu trong đồn có đội banh thì hai bên đấu giao hữu chắc sẽ vui hơn.

Thọ nói tiếng Pháp cũng giòn như chị Tương. Nghe anh nói, cả Jeffrey và tên trưởng đồn đều gật gù. Riêng Jeffrey thì mặt sáng rõ lên. Lần đầu tiên anh ta được nghe đại diện hai phe lâm chiến nói chuyện thân thiện với nhau. Và tự nhiên một ý nghĩ mới lạ vụt nảy ra trong đầu Jeffrey: “Tại sao hai bên không tìm cách hòa hợp với nhau thay vì đánh đấm nhau, giết hại nhau như từ trước tới nay?”. Anh ta muốn lên tiếng nhưng suy nghĩ thêm và thấy chưa phải lúc bày tỏ quan điểm của mình...

Uống cạn ly la-ve, chị Tương đưa bàn tay ra cho Jeffrey bắt:

- Xin tạm biệt! Chúc Trung úy về đơn vị bình yên. Cho tôi gửi lời chào bà Jeffrey và cô bé Alice.

Jeffrey bắt tay chị Tương mà lòng còn quyến luyến. Chị Tương chủ động bắt tay thẳng Tây trưởng đồn:

- Chào ông. Anh họa sĩ Thọ khi nãy nói rất hay. Ông nên gửi đội banh của ông qua bên chúng tôi đấu giao hữu. Chuyện đó sẽ vui vẻ hơn. Còn việc ông mong muốn giết hết Việt Minh thì ông đã lầm. Một lãnh tụ kháng Pháp đã tuyên bố: “Nghĩa quân chúng tôi như cây cỏ trong rừng. Chặt cây này còn cây khác.”. Làm sao chặt hết cây cỏ trong rừng cũng như làm sao giết hết Việt Minh như ông thường làm hằng ngày? Ông là người Công giáo chắc biết lời Chúa dạy: “Les hommes sont faits pour s’aimer et non pour s’entretuer.” (Chúa sanh con người để yêu thương nhau chứ không phải để giết hại nhau).

Lần đầu tiên tên trưởng đồn tiến đưa một “Nữ Việt Minh ” xuống tận bến nước. Chuyện hi hữu!

Chị Tương đưa Jeffrey qua bót Cây Đào, hai anh Tám Nghệ và Võ Cương lo sợ cho chị. Rủi thẳng Tây râu nổi cơn điên lên thì làm sao đây? Chừng Thọ đưa chị Tương về tổng hành dinh, hai anh xáp lại hỏi chuyện thật sôi nổi.

Chị Tương cười nói:

- Tôi đang mệt. Nhờ anh Thọ tường thuật lại cuộc gặp gỡ giữa hai bên trong bót Cây Đào. Anh Thọ là quan sát viên, lời lẽ khách quan hơn.

Thọ hồ hởi kể lại mọi chuyện, nhấn mạnh cuộc đấu lý giữa chị Tương và tên xếp đồn về vấn đề ai sợ ai thật là hào hứng. Nghe xong, anh Tám Nghệ tới bắt tay chị Tương, trịnh trọng nói: “Kể từ giờ phút này, tôi đặt cho chị cái biệt danh là “Nữ kiệt miền Đông”. Chịu không?

Võ Cương gật gù tán thưởng:

- Nữ kiệt miền Đông! Danh hiệu đó rất xứng đáng với chiến công thầm lặng của người nữ đồng nghiệp của tôi. Xin cho phép tôi được bắt tay chia vui.

\*  
\*   \*

Còn một giai thoại nữa cũng trong chủ đề *Hào khí Đồng Nai*. Đó là chuyện anh thương binh đầu tiên của tỉnh Biên Hòa, anh Bùi Xuân Tảo. Khi tôi lên Ty Thông tin Biên Hòa, anh Tảo là giao liên tuyến đường Mỹ Lộc, Tân Tịch qua Vĩnh Cửu. Anh Tảo cụt cánh tay mặt. Anh tập viết tay trái. Tôi có kỷ niệm vui với anh Tảo. Mỗi sáng, hai anh em thức sớm tập thể dục rồi kết thúc bằng một cuộc bơi đua

trên dòng Suối Sâu. Anh Tảo chấp tôi một cánh tay, nhưng bao giờ tôi cũng thua anh.

Trở lại chuyện cưa tay anh Tảo. Do hoàn cảnh Chiến khu thiếu thuốc tê và thuốc mê, thiếu cả cưa giải phẫu, bác sĩ Võ Cương yêu cầu anh Tảo hát một bài gì đó để giúp anh giữ vững tinh thần khi bác sĩ cưa cánh tay. Anh Tảo không biết bài ca nào ngoài bài *Tiến quân ca* nên anh hát bài chào cờ. Tập thể y sĩ, y tá phụ giúp bác sĩ Võ Cương trong ca mổ này cũng hát theo. Bất ngờ đúng lúc đó, anh Tám Nghệ cỡi ngựa đi ngang qua. Nghe hát Quốc ca, anh đứng nghiêm, nhưng bài Quốc ca cứ hát đi hát lại mãi, anh biết có chuyện bất thường, bước vào viện và chứng kiến ca giải phẫu hi hữu. Đêm đó anh làm bài thơ *Tiếng hát giữa rừng*:

*Ngựa bỗng dừng chân  
Bên Quân y viện.  
Giật mình nghe tiếng  
Quốc ca vang.  
Phải chăng giờ chào cờ huổi sáng .  
Hay hội nghị cơ quan?  
Sao chỉ một người cất giọng  
Hát đi rồi hát lại nhiều lần?*

Xuống ngựa, buộc cương  
Hỏi ra mới biết:  
Bác sĩ đang cưa chân  
Một chiến sĩ bị thương  
Bằng cưa thợ mộc  
Bác sĩ vừa cưa vừa khóc  
Chị cứu thương mắt cũng đỏ hoe  
Nhìn ảnh Bác Hồ trên tấm vách tre  
Anh chiến sĩ cứ mê mãi hát  
Cưa cứ cưa, xương cứ đứt  
Máu cứ rơi từng vết đỏ bông  
Hai bàn tay xiết chặt đôi hông  
Dồn hết phổi vào trong tiếng hát:  
“Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng  
cứu quốc...”  
Đã hát đi hát lại bao lần  
Vẫn chưa đứt xương chân  
Vẫn chưa ngừng máu đỏ,  
Vừa xong băng bó  
Anh lịm đi  
Hồi hộp cả núi rừng  
Tiếng hát mới chịu ngưng  
Ảnh Bác Hồ như rừng rưng nước mắt.

*Trở lên yên ngựa đi từng bước  
Cúi đầu nén nỗi đau thương  
Nhưng lửa căm hờn  
Bỗng dựng cao đầu ngựa dậy  
Vang trời ngựa hí  
Chí phục thù cháy bỏng tay cương.*

Mấy chục năm sau, anh Võ Cương và tôi đều đã “thất thập cổ lai hi”. Hai anh em UTQ (uống trà quau) đem bài thơ *Tiếng hát giữa rừng* ra mổ xẻ. Anh Võ Cương cười vang nhà:

- Nhà văn nghe nhà giải phẫu bắt giò nhà thơ đây. Bài thơ này anh Tám Nghệ viết về việc mình cưa cánh tay anh Bùi Xuân Tảo. Như vậy anh tả cảnh cưa chân là không đúng. Nhưng có thể cho qua vì là chuyện nhỏ. Tôi chỉ nói những sai lầm về kỹ thuật giải phẫu. Thứ nhất: Quân y viện ngày đó có một ít thuốc tê và thuốc mê do bác sĩ Hồ Văn Huê lấy từ Sở cao su Lộc Ninh đưa vô Khu. Chị y sĩ An (Bà xã của anh Bùi Cát Vũ) là chuyên viên gây mê. Trước đó tôi dặn anh Tảo: “Thuốc gây mê của mình ít nên anh phải tiếp sức với thuốc bằng cách hát một bài hát nào mà anh thích.”. Anh Tảo hát bài Quốc ca. Tôi làm hiệu cho chị An bắt đầu rắc thuốc gây



mê. Anh Tảo chỉ hát được câu đầu “*Đoàn quân Việt Nam đi*”, tới câu “*chung lòng cứu quốc*” thì giọng anh trầm xuống vì anh đã ngấm thuốc mê rồi. Cho nên anh Tám cứ cho anh Tảo hát mãi bài Quốc ca là sai về kỹ thuật. Thứ nữa, anh Tám đã hư cấu hơi nhiều về tình cảm của bác sĩ và y sĩ trong ca giải phẫu. Giải phẫu phải chính xác. Con mắt phải tinh tường. Làm sao giải phẫu chính xác được khi bác sĩ khóc? Để gây căm thù, anh Tám kéo dài thời gian cửa chân gần như dài lê thê. Sự thật thì tôi cửa rất nhanh. Nếu bác sĩ cửa chậm, máu sẽ chảy nhiều, làm sao anh Tảo chịu nổi?...

Nói một hơi, anh Võ Cương thấm mệt. Anh ngồi thở dốc một hồi, uống một ngụm trà rồi bật ngửa trên ghế nệm, hỏi:

- Nhà văn có đồng ý các nhận xét của tôi không?

- Hoàn toàn đồng ý vì hai điều: Thứ nhất, anh đóng vai chính trong ca cửa tay. Thứ hai, anh nhận xét với tư cách bác sĩ giải phẫu... Nhưng về phía anh Tám, mình nên thông cảm với nhà thơ. Chủ đề của bài thơ là gì? Nó nằm vồn vện trong sáu câu cuối mà câu chót đã nêu rõ: “*Chí phục thù cháy bỏng tay cương*”.

Võ Cương gật lia:

- Như trên tôi đã nói, vì muốn gây căm thù, anh Tám cố tình bi thảm hóa ca mỗ, nhấn mạnh hai chi tiết không có thật là bác sĩ, y sĩ khóc mắt đỏ hoe, rồi lại cho anh Tảo hát mãi bài *Tiến quân ca* như bây giờ người ta chạy mãi máy cassette... Nhà văn nhà báo các anh có quyền hư cấu, nhưng phải hư cấu sao cho hợp lý. Đúng không?

## CHƯƠNG IV

Chân ướt chân ráo lên miền Đông, tôi may mắn được mời lên Mã Đà dự lễ cưới của anh Tư Long. Phải giới thiệu sơ qua cảnh và người để các bạn hiểu được cái may trong nghề làm báo của tôi. Mã Đà là địa danh của vùng đất rừng núi ở phía Bắc Chiến khu Đ, bên kia con sông Bé. Đây là giang san của đồng bào dân tộc thiểu số. Với các nhà chiến lược thì vùng này là hậu cứ khi cần của Chiến khu Đ. Vùng Mã Đà là gạch nối giữa miền Đông Nam bộ lên cao nguyên Trung bộ... Thiệp mời do anh Bách, Trưởng phòng Quốc dân thiểu số tỉnh gửi anh Ba Kỳ. Nhưng anh Ba bận kiện toàn bộ máy Ty Thông tin, không đi được. Anh trao thiệp mời cho tôi:

- Chú Thân đi thay tôi. Là nhà báo, chú đi rất có lợi.

Tôi chưa rõ ý anh, anh nói thêm:

- Anh Tư Long là cán bộ hoạt động trong đồng bào dân tộc thiểu số. Vùng Mã Đà có bốn dân tộc thiểu số là S'tiêng, Châu Mạ, Châu Ro và Khơ-me. Anh Tư Long bám sát đồng bào dân tộc thiểu số S'tiêng từ nhiều năm nay. Bây giờ anh cưới vợ người S'tiêng để tiện bề công tác.

- À, tôi hiểu rồi. Đây là cuộc hôn nhân giữa người mình và người dân tộc thiểu số. Cũng như ở miền Tây có nhiều gia đình chồng người Hoa, vợ người Miên...

Đúng ngày giờ, tôi qua Phòng Quốc dân thiểu số gặp anh Bách để cùng đi Mã Đà với phái đoàn tỉnh dự lễ cưới của anh Tư Long. Anh Bách khoảng trên ba mươi, rất lịch lãm, quê miền Bắc, vào Nam trước năm 1940.

Biết tôi là nhà báo “mới ra ràng”, anh Bách thích thú nói:

- Có nhà văn nhà báo, đám cưới này trở nên xôm trò. Để giúp anh viết một bài báo thật hấp dẫn tôi kể anh nghe vài mẫu chuyện có thật về đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh mình...

Anh Đoàn Văn Sinh, Chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt tỉnh cười nói:

- Chú phóng viên này khai đúng cái tử của anh Bách rồi. Không ai rành chuyện “Mã Đà sơn cước anh hùng tận” bằng tay này.

Tôi dỏng tai nghe mà không hiểu: Cái gì là “Mã Đà sơn cước anh hùng tận?”

Bách giải thích:

- Chú Thân chắc chưa đọc sấm Trạng Trình. Trong bài sấm dài trên trăm câu có mấy câu được thiên hạ nhắc tới là:

*“Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh  
Can qua xứ xứ khởi đao binh  
Mã đề dương cước anh hùng tận  
Thân dậu niên lai kiến thái bình.”*

Tôi vẫn ngỡ ngác:

- Tôi không thấy có liên hệ gì giữa Mã đề với Mã Đà...

- Đây là anh em mình chơi chữ đó nhà báo. Đất Mã Đà này sơn lam chướng khí, cộp beo, voi gấu, rắn rít, rất nguy hiểm nên anh em mới mượn sấm Trạng Trình đổi là “Mã Đà sơn cước anh hùng tận”...

Chừng đó, tôi mới hiểu câu thơ được “chế biến” theo sấm Trạng Trình mà hầu như tất cả cán bộ tới Mã Đà đều thuộc lòng.

Đường lên Mã Đà cũng đáng tả để các bạn ở thành phố hình dung được. Phim *Tây du ký* có nhiều phong cảnh đẹp với rừng núi suối đèo vừa hùng vĩ vừa trữ tình thì Mã Đà cũng thế. Đường rừng quanh co, nhiều suối. Ngoạn mục nhất là đoàn phải vượt qua một con suối rộng cả trăm mét, lòng suối có nhiều hòn đá nhô lên vừa tầm một bước của người vượt suối. Sóng vỗ vào các tảng đá làm sỏi bọt trắng xóa. Người đi đầu chủ quan, nhảy từng bước qua các tảng đá đóng rêu trượt ngã xuống lòng suối ướt hết quần áo. Tức thì cả đoàn dừng lại. Trong đoàn không có phụ nữ nên không ai bảo ai, tất cả đều cởi quần áo cột lên cổ. Có người sợ quần đùi bị nước suối bắn lên ướt, làm liều cởi luôn ra. Một người làm đầu, nhiều người làm theo. Màn thoát y này là chuyện lạ với dân thành thị, còn với những tay dày dạn chốn hoang vu không người “Mã Đà sơn cước anh hùng tận” thì đó là “chuyện thường ngày ở huyện.”. Ai sao mình vậy, tôi cũng “cuồng trời”, quần quần áo lên cổ, một kỷ niệm khó quên trong chuyến lên Mã Đà. .

Ba mươi năm sau, tôi có dịp trở lại Mã Đà trong công trình thủy điện Trị An, tới ngay khúc suối mà mình đã đóng vai “sơn nhân ngâm ngải tìm trầm” thời thanh xuân, lòng bồi hồi thương nhớ những người cùng qua suối với mình nay đã không còn. Thế rồi vài tháng sau, dòng suối với các hòn đá giữa dòng biến mất dưới đáy hồ thủy điện Trị An.

Ấn tượng đầu tiên khi tới Mã Đà là các cô gái S'tiêng xinh đẹp ra chào đón đoàn. Các cô đã đô thị hóa, không còn để ngực trần như ta thường thấy trong các tấm bưu ảnh của hiệu ảnh Nadal in và bán khắp ba xứ Đông Dương trước Cách mạng tháng Tám. Các bưu ảnh này cho thấy các cô gái vùng cao hái trà, ngực để trần. Còn nay thì chị em mặc áo ngắn và váy ngắn bằng thổ cẩm tự dệt lấy. Ngay trạm gác đầu tiên, các cô hăm hở hát theo tiếng đàn măng-đô của anh cán bộ. Tiếng đồng ca vang vang khắp núi rừng:

*“Đây trời Việt Nam ngàn năm tươi sáng,  
Thanh niên xung phong đấu tranh vì non  
nước...”*

Bài *Việt Nam mới* rất được chị em ưa thích vì các chị em tự nhận mình là người Việt Nam mới.

Tôi thích “lặn” ra trạm gác để làm quen với các cô và mượn cây đàn măng-đô trở tài với những người đẹp miền sơn cước. Anh Đoàn Văn Sinh thấy tôi vắng mặt trong đoàn liền đi ra ngoài tìm kiếm. Khi thấy tôi tán các cô Việt Nam mới, anh điểm mặt:

- Cậu thanh niên tính quá!

Bị phê nhẹ, tôi chỉ cười. “Thanh niên mà không có thanh niên tính thì là ông cụ non rồi!”.

Đám cưới của anh Tư Long cử hành theo phong tục của người S’tiêng, khác lạ với người mình. “Cây đình” của buổi lễ là tục lệ cột chỉ đỏ hai cườm tay – một của chồng, một của vợ – giữa tiếng ban phước của già làng. Tôi nhìn thấy anh Tư Long và chị Tư mặt mày tươi rói như ta thường thấy nơi tân lang và tân giai nhân trong lễ tân hôn...

Sau đó là tiệc liên hoan. Ban tổ chức làm một con heo trên tạ, dọn ra vài món ăn do đầu bếp tỉnh đứng nấu. Món ngon hai vùng xen nhau, món ngon rừng núi có gà nấu lá giang và món canh xiêm nấu bằng đọt mây với bột gạo. Còn món đồng bằng có lòng heo xào và thịt ba rọi kho... Rượu cần trong cả chục ché tha hồ nút.



Khuya đêm ấy, nhiều khách xách quần ra trắng tranh xỏ bầu tâm sự. Tôi cũng nằm trong số đó. Chuyện cũng dễ hiểu. Lâu nay bao tử chỉ quen bầu bí, rau muống, khô sặt. Nay “quất” mấy khúc ba rọi chặt to kho mặn, bụng dạ nào chịu nổi! Vừa đau bụng vừa buồn cười: “Bụng làm dạ chịu chớ khá than vãn!”

Sáng hôm sau, ngồi nói chuyện với chị Tư, mình mới giật mình thấy cái vốn nghèo nàn của mình về văn hóa của đồng bào dân tộc S'tiêng. Chuyện phụ nữ vùng cao để ngực trần có ý nghĩa lớn mà người dân dưới đồng bằng không am hiểu. Hãy nghe chị Tư nói:

- Xấu che, tốt khoe. Cái ngực của phụ nữ mới lớn lên vun tròn, tươi mát. Đó là vốn quý của đàn bà, là bầu sữa thơm ngọt nuôi con. Cho nên mình phải khoe ra. Phụ nữ chưa chồng là của chung, ai cũng nhìn ngắm được. Còn khi đã lấy chồng rồi thì bộ ngực đó thuộc về của riêng chồng mình, phải che giấu không cho người khác thấy.

Đó là chuyện mới lạ của đồng bào dân tộc S'tiêng mà tôi thu thập được. Chuyện lạ thứ hai là lòng thủy chung của người vợ S'tiêng. Chồng đi vắng, có ai cho thịt đi săn được thì treo đó, chờ

chồng về cùng ăn. Nếu chồng lâu ngày không về thì cứ để miếng thịt đó hôi thúi, nhất định người vợ không ăn một mình...

Chỉ kể hai chuyện nhỏ đó thôi, mình thấy văn hóa của đồng bào dân tộc S'tiêng cũng hay hay.

Sau ngày giải phóng 30/4/1975, tôi có dịp tham quan vùng Lộc Ninh, Bà Rá tới các làng Tân Lập của đồng bào dân tộc S'tiêng nay được định cư trong các làng mới lập sống theo đời sống mới với nhà – vườn theo kiểu bà con đồng bằng thật khang trang sạch sẽ. Cũng có người cất nhà sàn, nhưng làm chuồng trâu riêng phía sau, rất vệ sinh.



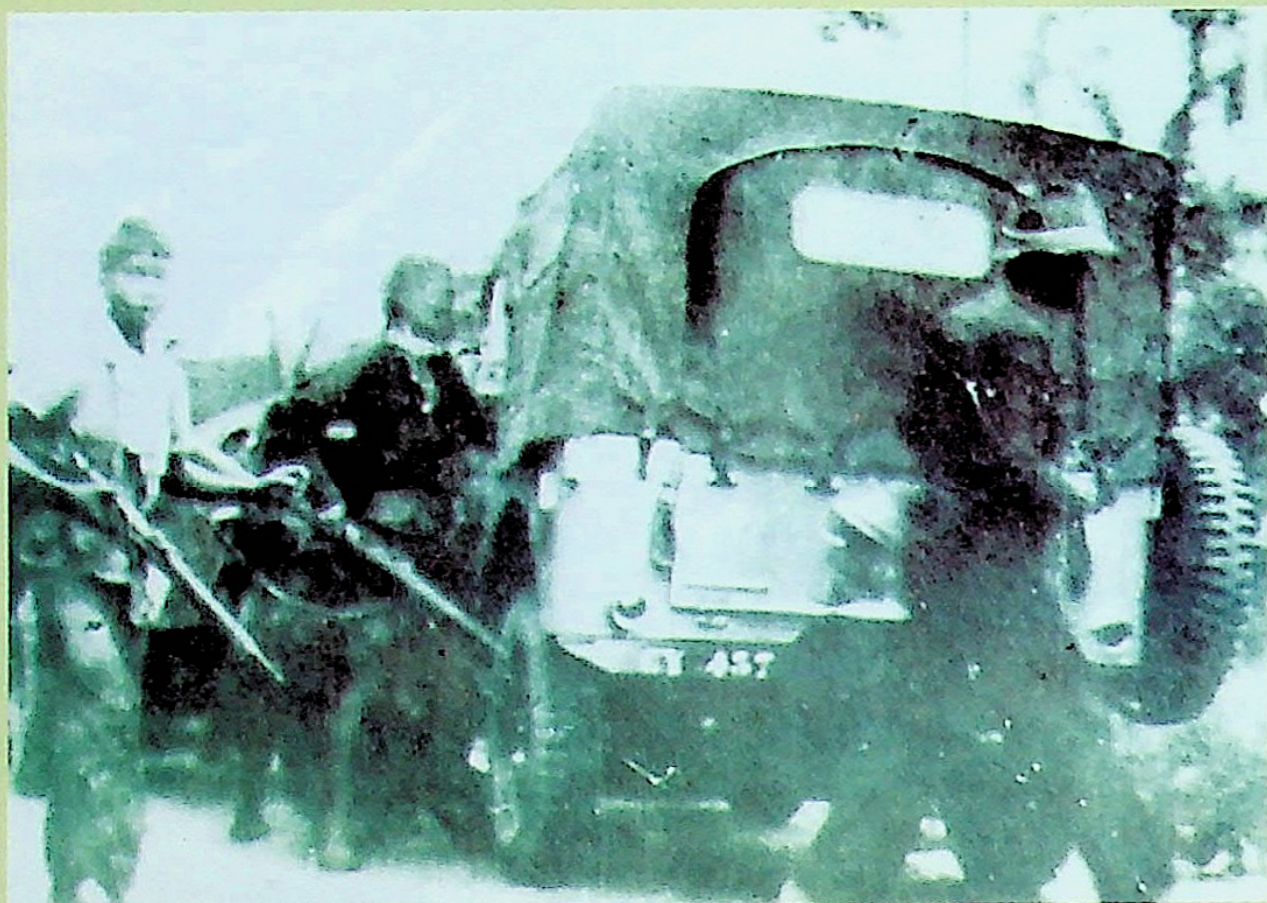


*Rừng Chiến khu Đ.*

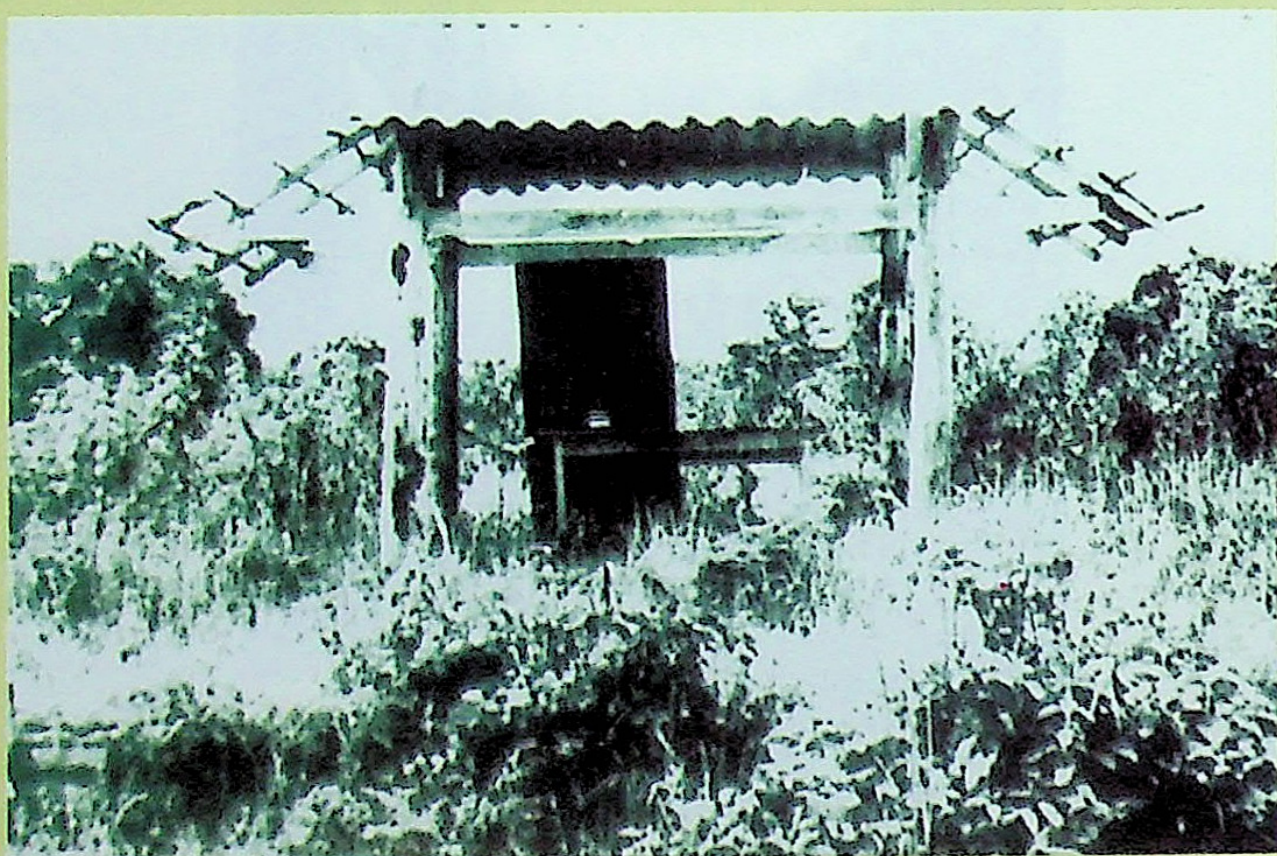


*Đánh trận Bàu Cá, 14-7-1947.*



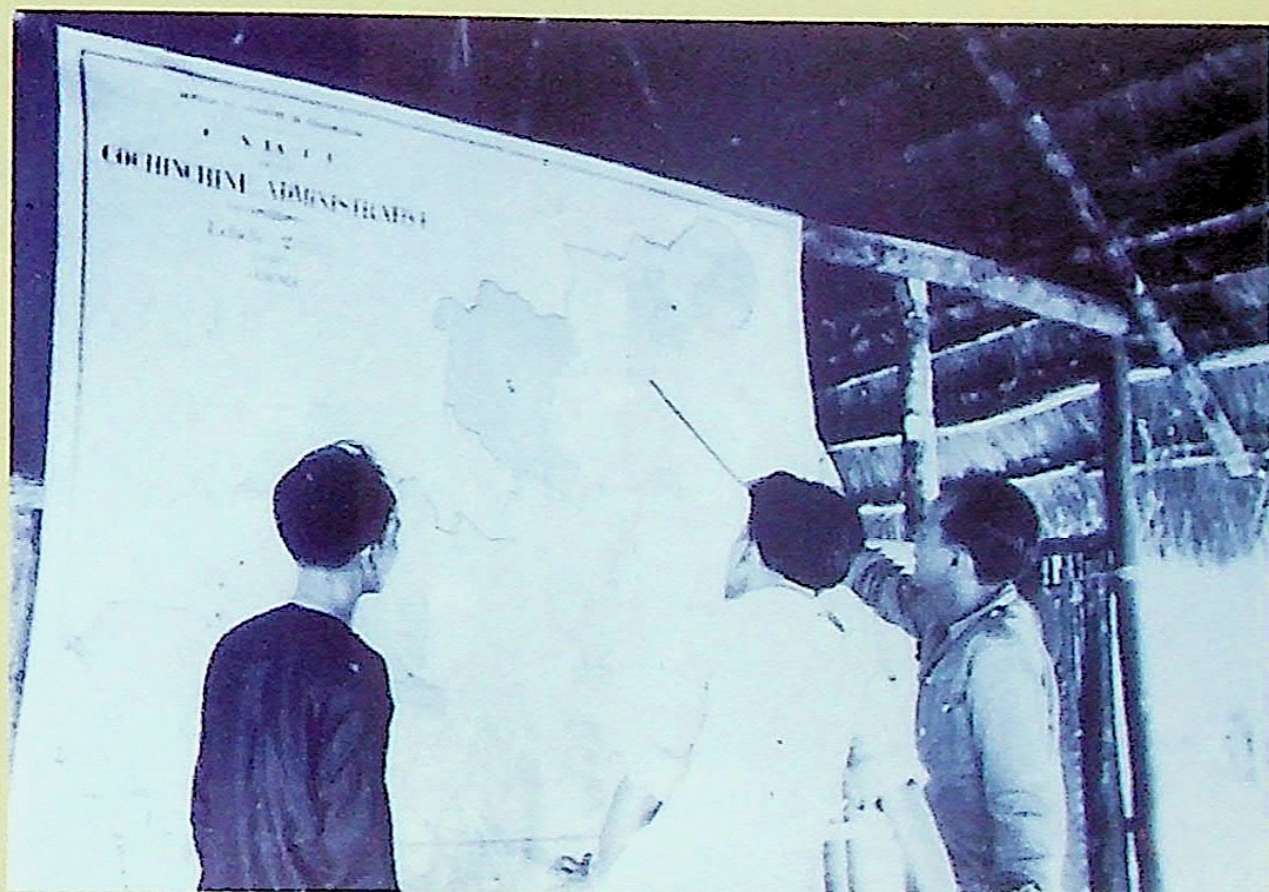


*Chiến thắng La Ngà, 01-3-1948.*



*Di tích Đất Cuốc - Trường huấn luyện du kích tỉnh Biên Hòa.*





*Đ/c Huỳnh Văn Nghệ và đ/c Phan Trọng Tuệ họp bàn  
kế hoạch tác chiến, 1949.*



*Đ/c Huỳnh Văn Nghệ và đ/c Phan Trọng Tuệ đi công tác  
ở chiến Khu Đ.*





*Chiến khu Đất Cuốc ở Khu 7, 1949.*



*Gặp gỡ đồng bào thiếu số dự Hội nghị Khu ủy Khu 7, 1949.*



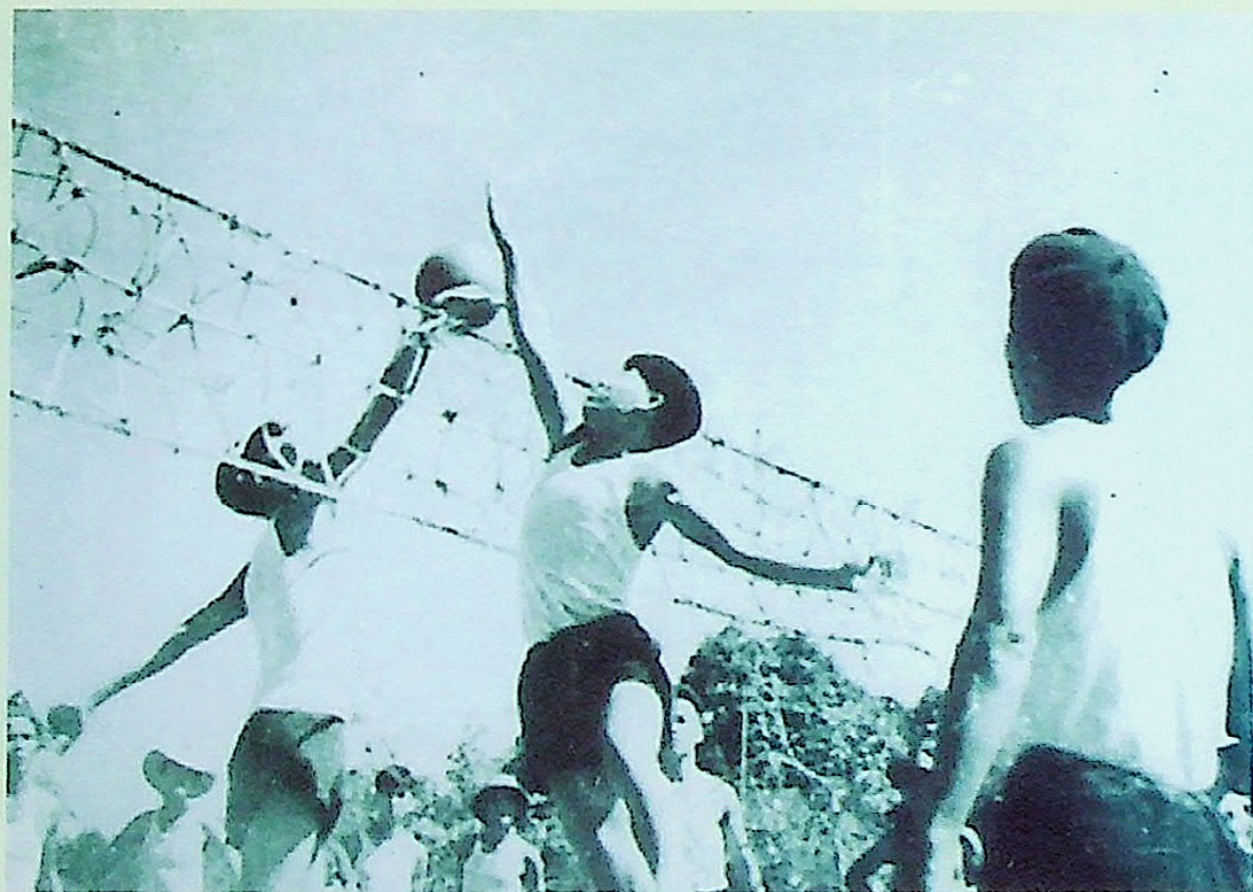


*Đồng bào và cán bộ ở Đất Cuốc, 1949.*



*Đ/c Huỳnh Văn Nghệ  
gọi điện thoại trong  
chỉ huy sở Bộ tư lệnh  
Khu 7, 1949.*



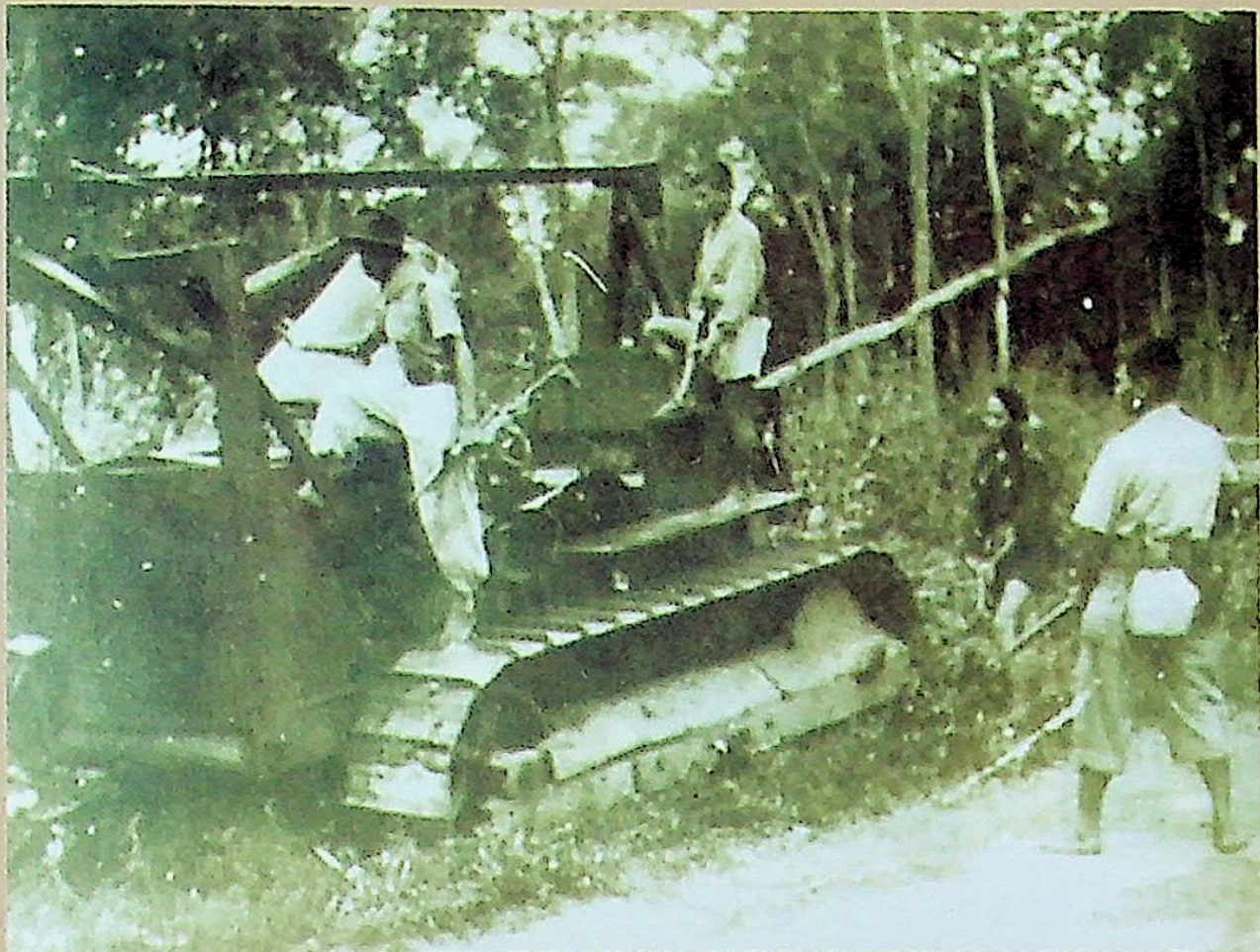


*Đội bóng chuyền Bộ tư lệnh Khu 7 đấu với đội phòng Tham mưu, 1949.*



*Bình công xưởng Chi đội 10 Biên Hòa.*





*Tiểu đoàn 303 tiêu diệt xe bọc thép trên đường 13.*



*Diệt còp  
3 móng,  
1950.*





*Đồng bào miền Đông đưa tiễn con em lên đường tập kết.*



*Bộ đội miền  
Đông Nam bộ  
hành quân đến  
Xuyên Mộc để  
tập kết ra Bắc.*



## CHƯƠNG IV

Ty Thông tin Biên Hòa có một đội văn nghệ thiếu nhi, tuổi trung bình của các em không quá mười lăm. Các em đã được tập luyện từ lâu do hai anh Lê Như Huỳnh và nhạc sĩ Vân Sơn phụ trách và đào tạo. Đội văn nghệ nhí này lấy tên là Đoàn tuyên truyền lưu động tỉnh Biên Hòa – Đoàn Đuốc Sáng.

Anh Hoàng Tam Kỳ củng cố Đoàn thông tin tuyên truyền lưu động tỉnh nhà bằng cách bổ sung “vài dòng máu mới”. “Vài dòng máu mới” đó là anh phóng viên tờ “Biên Hòa Thông tin Quân, Dân, Chính.”. Khi nghe anh Ba Kỳ đề nghị chuyển công tác từ báo chí sang văn nghệ, tôi giật mình:

- Tôi đâu có khả năng kịch nghệ!

Anh Ba Kỳ cười:

- Hãy nghe tôi trình bày tình trạng chung của Đoàn Duốc Sáng – là tên Đoàn văn nghệ nhí. Nhân sự của Đoàn gần hai tiểu đội mà Ban chỉ huy chỉ có hai người. Trưởng đoàn là Lê Như Huỳnh, tên thật là Lương Công Tại, con của ông Lương Văn Hầu, chủ trường thương mại lớn nhất Sài Gòn. Anh Tại cũng là học sinh Pétrus Ký năm thứ tư như anh vậy. Phó đoàn là nhạc sĩ Ngô Huỳnh cũng là người Sài Gòn, trình độ văn hóa cũng cỡ trung học.

- Chính trị viên làm những gì trong Đoàn?

- Chính trị viên lo nội bộ của Đoàn. Trước nhất, anh lo dạy văn hóa cho các em. Đa số các em học cỡ lớp nhì. Anh chỉ dạy cho các em vài môn thôi, như Toán và Văn. Hai môn đó ra đời rất cần thiết. Mình dạy văn hóa giúp các em để khi nào Đoàn giải tán thì các em có trình độ đi học trung học bổ túc ở miền Tây như các trường Nguyễn Văn Tố, Thái Văn Lung... Vừa rồi có một bà mẹ ở Bình Mỹ dẫn thẳng con nhỏ mồ côi cha tới nhờ Ty mình giúp dạy bảo, để sau này nó trở thành người hữu ích cho đất nước. Nó tên là Đỗ Văn Hải... Bao nhiêu đó cũng đủ cho anh thấy vai trò dạy văn hóa cho các em trong Đoàn là vô cùng quan trọng.

Tôi nghĩ ngay tới Toán là môn tôi kém nhất. Nhưng lại suy nghĩ thêm, thấy đây là dịp ôn lại cái mình yếu cũng là điều hay. Dạy các em cũng là cách tự luyện cho mình. Để đủ sức dạy người, trước nhất mình phải ôn lại kiến thức của mình. Tôi gật đầu:

- Ngoài việc dạy văn hóa, tôi còn làm công tác gì nữa?

- Dạy văn hóa là chánh. Thứ hai, anh giúp các em viết báo tường. Anh sở trường về món này mà.

Thế là tôi tạm thời rời tờ báo để dẫn thân vô cuộc sống rày đây mai đó của Đoàn Duốc Sáng. Công tác này đáp ứng “máu xê dịch” của tôi. Trong vòng một năm theo Đoàn, tôi đi hết các quận Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Châu Thành, Long Thành. Thú vị nhất là những tháng công tác ở Long Thành với xã Phước An là nơi các cơ quan cấp quận đóng, xã Phước Khánh, nơi có sở dừa rộng bốn mẫu. Vùng xôi đậu, ngày địch đêm ta nên chủ sở dừa bỏ của chạy ra thành sanh sống. Sở dừa bỏ hoang, mạnh ai nấy hái, uống đã rồi rửa mặt rửa chân. Đặc biệt là xã Phước Đức vào mùa lúa chín, bà con trúng mùa đón tiếp Đoàn văn nghệ nhí thật xôm. Hai bữa cơm đều có thịt vịt. Sau đêm ca nhạc và diễn kịch, có



màn cháo khuya cũng là cháo vịt. Vùng này nuôi vịt bấy. Kỷ niệm khó quên là lần Đoàn gặp ban nhạc Bình Xuyên với đầy đủ nhạc cụ như ở thành. Hai nhạc sĩ trong Ban chỉ huy tôi làm quen ngày ấy là anh Ngọc Thới, tác giả bài *Chiến binh ca vũ khúc* rất phổ biến.

Sau giải phóng 1975, anh Ngọc Thới là Tổng thư ký Hội Âm nhạc Thành phố. Người thứ hai là ông Chín Minh, một nghệ sĩ già đa năng. Ông chơi đủ thứ đàn, từ violon, ghi-ta tới accordéon. Ông chuyên nhạc cổ điển. Tại Bàu Bông, tôi đã nghe ông Chín biểu diễn các bản cổ điển như *Danube bleu*, *Flots du Danube*, *Forêt de Vienne*, *La Cumparsita*, *Grénada*. Khi đàn, ông Chín như xuất thần. Ông sống hết mình với tiếng nhạc không lời. Anh Ngọc Thới cười nói:

- Nếu muốn nghe ông Chín rút ruột tằm, phải thết rượu. Có chút men, ông đàn quý khóc thần sầu.

Bộ ba chúng tôi hội ý và nhờ anh Châu ròm, quản lý của Đoàn đi mua la-ve.

Vân Sơn xách mấy chai la-ve đặt lên bàn trước mặt ông Chín:

- Không có Martell, Cognac, xin đại ca dùng đồ la-ve con cộp trên Chợ Lớn thấm giọng.

Ông Chín nhìn đám đàn em, cười cười rồi bưng ly cối la-ve ực ngon lành. Đúng như anh Ngọc Thới giới thiệu, có chút men, tiếng đàn của ông Chín như réo rắt hơn, quyến rũ hơn.

Về sau tôi mới biết, khi Bảy Viễn về thành đầu Tây, Chi đội 9 của ông bị giải thể, tách ra, nhập với đơn vị khác. Ban nhạc của hai anh Ngọc Thới, Chín Minh được rút về Khu 7.

Thêm một kỷ niệm khó quên là Đoàn Duốc Sáng ra xã Phước Khánh thì bị Tây bố. Phước Khánh tuy thuộc quận Long Thành, nhưng lại nằm sát sông Lòng Tàu, ngó qua xã Phú Xuân của quận Nhà Bè, nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Do vị trí sát Sài Gòn, Phước Khánh thường bị tàu Tây tuần tiễu ngoài sông cái áp sát. Ngày ấy, đích thân ông Chủ tịch chèo ghe đưa Đoàn Duốc Sáng đi trốn Tây. Ông chèo ghe trong các con rạch ngoằn ngoèo, đi sâu vô trong ngọn. Từ trên ghe, chúng tôi thấy tàu lồng cu chạy bình bình ngoài sông cái. Nếu thẳng đường chim bay, khoảng cách chỉ vài trăm thước, nhưng đây là rừng sác, bần, đước, dừa nước mọc rậm rì, tàu lớn không vô được, chỉ bắn đại liên bừa vô mà thôi...

Nhờ sống trong các làng Phước Khánh, Phước Đức, Phước Lý, Phú Hữu với những kỷ niệm không

phai mờ, tôi viết rất sinh động về rừng Sác trong *Người Bình Xuyên*, tác phẩm thành công của tôi. Những người thật việc thật như anh Ngọc Thới, ông Chín Minh hiện ra rõ nét trong quyển truyện đầu tay của tôi sau ngày giải phóng. Viết tới đây, tôi xin cảm ơn anh Ba Kỳ đã đưa tôi sang Đoàn Duốc Sáng năm 1949.

Xin điểm qua vài “nhân tài” trong Đoàn Duốc Sáng. Trưởng đoàn Lê Như Huỳnh là dân Tân Định, con nhà tư sản trí thức Lương Văn Hầu đã mở trường thương mại lớn nhất Sài Gòn từ thập niên 30. Trường thương mại Lương Văn Hầu tọa lạc tại đường Đặng Dung, nay hãy còn ngôi biệt thự xưa với vòng thành cửa sắt kín cổng cao tường. Ông theo xưa, đặt tên con trước khi con ra đời, giống như gia đình cô đào trứ danh Năm Phỉ là Công, Thành, Danh, Toại, Phỉ, Chí, Nam, Nhi. Còn ông Hầu thì đặt là Tích, Đức, Tại, Gia, Trung.

Tên thật của Huỳnh là Lương Công Tại, cùng tuổi với tôi và cũng là bạn cùng khóa ở Trường Pétrus Ký.

Niềm đam mê lớn nhất trong đời anh là âm nhạc. Do đó, anh Ba Kỳ chọn anh làm Trưởng đoàn Duốc Sáng là đúng.

Anh phó đoàn Vân Sơn rất đẹp trai, cái đẹp của người Minh Hương. Anh là dân Dumortier nay là Cô Bắc quận I, thành phố Hồ Chí Minh. Hai anh em cùng theo ngành nhạc. Anh Vy Luân là Trưởng phòng Nhạc Sở Thông tin Nam bộ. Sau khóa báo chí đầu tiên của Nam bộ, tôi được anh Tư Phú bố trí làm thư ký cho anh Vy Luân. Anh Vy Luân giao cho tôi chép nhạc cho anh vì tôi biết ký âm pháp và biết đàn mandoline. Tôi chuyên trực ở nhà, còn anh Vy Luân có một ghe tam bản và một anh trạo. Hai thầy trò tha hồ đi khắp nơi trong vùng giải phóng để “tìm thi hứng sáng tác nhạc”.

Vân Sơn tài hoa hơn anh Huỳnh, có ngón đàn giòn với “hòa âm” nên đàn banjo hay ghita nghe như nhiều cây đàn cùng hòa với nhau. Ngày tôi lên Biên Hòa, anh Vân Sơn đã có bài *La Nha*, ca ngợi chiến thắng Là Ngà. Hồi đó ta gọi Là Ngà là La Nha theo cách đọc của Tây. Vân Sơn “lả lướt” hơn hết trong Đoàn, hay xách violon tới sát vườn chị em phụ nữ đóng, kéo những bài lãng mạn tiền chiến như *Thiên thai*, *Suối mơ*, *Con thuyền không bến*, *Đêm đông*, *Buồn tàn thu* làm bao trái tim chị em thổn thức. Về sau, khi Đoàn Đuốc Sáng giải tán, Vân Sơn về Đồng Tháp Mười, đổi tên là Ngô Huỳnh và đã sáng tác một bản nhạc để đời: *Con kinh xanh xanh*.



Anh đã “bất tử hóa” con kinh Dương Văn Dương với ca khúc đồng quê trữ tình này.

Hàng ngũ nhạc công của Đoàn còn có hai anh nữa. Anh Phạm Ngọc Lực chuyên đàn ghita. Anh là dân Tây, cũng là dân Sài Gòn, nghe đâu gia đình có lưu lạc sang đất Chùa Tháp.

Còn có Châu cà lăm. Chú này khoảng mười bảy, là đàn anh các em trong Đoàn. Châu có biệt tài ca và diễn kịch không cà lăm. Ngón đàn mandô của Châu cũng tươi. Không ai thích hợp với sân khấu bằng Châu. Sau ba tiếng cộp cộp cộp, màn nhung kéo lên, Châu hoàn toàn “thăng hoa”. Thay vì anh chàng cà lăm, Châu biến thành nghệ sĩ rất có duyên sân khấu. Châu đóng vai Tám Tàng trong vở kịch thơ rất có duyên và được khán giả mến mộ.

Chuyên giả gái có chú Nghiệp. Em này đóng vai nữ rất đạt và có người mê. Đó là anh cán bộ địa chánh chuyên vẽ bản đồ quân sự cho Khu. Anh này chừng hăm lăm, chưa vợ, đang tuổi bị khủng hoảng sinh lý. Anh ta cứ tới nơi Đoàn đóng để trò chuyện với Nghiệp.

Khi Đoàn giải tán, tôi trở lại nghề cũ là phóng viên và dự một phiên xử của Tòa án Khu trong Sở Cao su Bình Chánh, tôi gặp lại anh này trước vành móng ngựa. Anh ta can tội phản động vì say mê một

nữ gián điệp trẻ đẹp Tây tung ra Khu làm chim mồi. Đúng là một cái chết rất lãng.

Dễ thương nhất trong Đoàn là em bé Thắng. Đọc xướng hay diễn kịch em đều hay. Học hành cũng chăm chỉ.

Nhưng nghệ sĩ độc đáo nhất của Đoàn là một anh lính Lê dương hàng binh tên René. Không hiểu sao Tỉnh đội lại giao anh hàng binh này cho Đoàn. Có lẽ anh Ba Bỏ (Cao Văn Bỏ) Tỉnh đội trưởng thấy anh chàng René này có khiếu ca hát và thấy trong Đoàn có ba anh học sinh nói được tiếng Pháp. Tôi được phân công bám sát anh hàng binh. Rất thú vị vì René là trí thức chứ không dốt nát như đa số lính Lê dương. Anh là kế toán viên trước khi vô lính. Lý lịch trích ngang của René như sau: tới tuổi lính, anh bị động viên. Bị Đức bắt, anh đào ngũ và để chắc ăn, không bị Đức bắt lại, anh gia nhập binh chủng Lê dương.

Đổi sang Việt Nam, thấy chiến tranh kéo dài và không hy vọng thắng, anh nhả ra Khu. Sống với nhau vài ngày, tôi nắm được tính tình René. Anh Lê dương trí thức này rất nhất. Móc-chê bót Tân Uyên bắn vô Khu, đến đàn bà con nít cũng đoán được đường bay của đạn. Chỉ cần nghe tiếng ụp “đề pa”

đếm mười tiếng là đạn nổ. Chỉ quan trọng nơi trái đầu. Còn René thì không biết quy luật đó. Hễ nghe “ụp” là nhào ra chạy, hai tay ôm đầu, tìm gốc cây lủi vô nằm chịu trận như con đà điểu trước bão cát trong sa mạc. Dứt đợt pháo kích, tôi giải thích kinh nghiệm tránh mọc-chê trong Khu, René lắc đầu:

- Tôi từng ở đơn vị pháo binh. Tôi biết sức tàn phá của cà-nong và mọc-chê. Không đùa giỡn với chúng được!

Qua câu chuyện này, mình rút ra được lý luận hay hay: bọn ỷ lại vào vũ khí tối tân sẽ mất tinh thần khi mất vũ khí tối tân đó. Như vậy về tâm lý, bọn ỷ lại nơi vũ khí hiện đại rất nhất. Mà đánh giặc, kẻ nhất nắm chắc phần chiến bại.

Chuyện buồn cười là René không chỉ nhất với súng đạn mà còn nhất với con cọp Ba Móng. Năm Đoàn Đuốc Sáng về Ty nghỉ dưỡng sức thì đúng vào lúc cọp Ba Móng hoành hành. Có chuyện huyền thoại về con cọp thành tinh này: trong một đêm nó xuất hiện ở hai nơi cách xa nhau hằng mấy chục cây số, như đầu hôm ở trên Cây Chanh – Hàn Dài dọc con sông Bé, nửa đêm về tới Tân Hòa, Mỹ Lộc. Dân rào nhà bằng cây to cỡ bắp tay, vạt nhọn hai đầu, cao trên hai mét, cọp vẫn nhảy vô tha con bê ra

rừng. Rất nhiều cán bộ, chiến sĩ và thường dân trong Khu bị cọp Ba Móng vồ, tha vô rừng xé xác. Danh sách nạn nhân lên tới con số trăm. Sau cùng, Bình công xướng hạ quyết tâm diệt con ác thú này. Anh em xin thân nhân một người bị cọp Ba Móng vồ chết mà chưa kịp ăn, bố trí mìn dưới xác và cho xạ thủ kích chung quanh. Và ta đã trừ được “con thần hổ” đã gieo khủng khiếp cho cả Chiến khu mà Tây không làm được công việc đó.

Trở lại thời điểm cọp Ba Móng tác oai tác quái trong Khu. Một đêm khuya, anh em trong Đoàn đang ngủ say sau một ngày vừa học tập văn hóa vừa công tác văn nghệ. Bỗng có một tiếng động bất ngờ làm cả lán trại lung lay. Xin tả thêm một chút về cái lán trại của Đoàn Duốc Sáng. Lán làm trong vườn, gần đường cát trắng chạy từ mọi nước vô nhà bà Bún, là nơi Ty Thông tin đặt văn phòng. Lán trại cất kiểu một mái xiên xiên, sàn lát mật cật, anh em nằm sát bên nhau, trái tấm ri đô lệm mền đắp chung cho cả chục người. Chàng René giành nằm bìa, kế bên là tôi. Thật tình tôi rất mến anh chàng hàng binh này. Anh ta cỡ trên dưới ba mươi, hơn tôi bảy tám tuổi, nhưng dễ xấp nhau. Trong mối cảm tình đó, về phía tôi có vụ lợi. Lâu nay tôi rèn Pháp văn trên báo chí, trên tác phẩm của các nhà văn lớn đọc trong thư



viện Lagrandière. Học sinh ngữ mà không giao tiếp với người dân chánh quốc là thiếu sót lớn. Nên gặp René, tôi bắt anh ta hằng ngày đàm thoại giúp tôi thực tập tiếng Pháp như một gia sư người Pháp chánh cống. Đi đâu cũng hai đứa chúng tôi. Về năng khiếu thanh nhạc, René có giọng tốt, giọng cao của thanh niên, gọi là “alto”. Anh sở trường một bài mà thôi, và hát rất truyền cảm tuy không hiểu từng lời thơ mà chỉ đoán được chủ đề bản nhạc. Đó là bài “Mờ trong bóng chiều, một đoàn quân thấp thoáng. Núi cây rừng thấp thoáng bao hình dáng của người anh hùng lạnh lùng in nét buồn...”. Đặc biệt dễ thương khi René phát âm tiếng “Núi”, anh kéo dài thành ba âm (triolet) “Nu-í-núi”. Mấy má và mấy chị khoái chí cười mỗi khi nghe chữ “Nu-í-núi” của René. Với tư cách “Chính trị viên”, tôi đem bản nhạc ra, dịch từng câu để René hiểu sâu hơn và nhấn vào những đoạn truyền cảm. René thích lắm. Và khi hiểu sâu sắc bài thơ phổ nhạc, René ca có chất lượng hơn... Nhưng xin trở lại kỷ niệm khó quên trong những ngày anh hàng binh Pháp sống với Đoàn tuyên truyền lưu động Đuốc Sáng.

Nửa đêm, nghe tiếng động khác thường làm cả lán trại rung rinh, René nghĩ ngay tới “con thần hổ” có khả năng di chuyển mấy chục cây số trong

một đêm. Lập tức anh ta tốc mền choàng dậy, phóng “cái đui” xuống đất, mọp sát cây mít cổ thụ, hai tay ôm chặt lấy cái thủ cấp!

Tiếng động khác thường cộng với việc René phi thân ôm gốc mít làm cả Đoàn thức giấc. Lê Như Huỳnh bật đèn pin lên sáng rực cả một góc vườn. Phải mất năm bảy phút mới phát hiện nguyên nhân gây ra tiếng động khả nghi: Một cành cây mục bị gió rừng bẻ gãy rơi ngay trên mái lán trại. Chừng biết rõ chuyện không có gì mà âm ỉ, René mắc cỡ nói liền miệng “Fausse alerte” (Báo động giả)...

René ở với Đoàn Duốc Sáng không được lâu. Ngay từ đầu chúng tôi được biết như vậy vì Tỉnh đội chỉ “gởi tạm” thôi để chờ chánh sách tù binh của Khu. Sau một tháng, René phải ba-lô lên vai tới nơi tập trung tù hàng binh theo quyết định của Khu. Ngày chia tay thật cảm động. René bắt tay tất cả, kể cả các em bé trong Đoàn. Riêng với tôi thì anh tâm tình: “Không biết nơi khác có được sự cảm thông dễ chịu như tỉnh Bi-ê-noa (René đọc chữ Biên Hòa theo kiểu phát âm của người Pháp) và nhất là không khí vui tươi trẻ trung của Đoàn Duốc Sáng các anh hay không?”

Cũng trong dịp này, René nhắc lại kỷ niệm những ngày làm tù binh trong quân đội Đức Quốc

xã. Chế độ lao động cường bức ác nghiệt không chịu nổi.

Tù binh đồng loạt khai bệnh. Riêng tôi thì mạnh khoẻ như con bò đực, biết khai bệnh gì cho hợp lý đây? Khi bác sĩ quân y Đức hỏi, tôi vờ nhăn mặt chỉ đại vô bụng. Không một chút suy nghĩ, lão ta ghi một cái rẹt “blenddarmentzundung”. Tôi giật mình than thầm: “Chúa ơi! Mình khai ầu, nó cũng đoán ầu. Cái chữ dài sọc đó là bệnh đau ruột dư. Mình đang lành mạnh, nó dè mình ra nó mổ. Nguy hiểm quá!...”

Đúng như tôi lo nghĩ, lính lừa những người khai bệnh tới Quân y xá, lột hết áo quần, lên nằm dài trên giường giải phẫu. Không phải một mình tôi đâu mà cả một tiểu đội. Và một chuyện gần như thần kỳ xảy ra trước mắt tôi. Chỉ trong vòng năm phút, ca mổ đã xong. Đúng là bác sĩ đã mổ lấy một khúc ruột dư của tôi vứt xuống xô kẽm dưới giường. Băng bó xong, bệnh nhân được nghỉ vài ngày cho lại sức rồi tiếp tục đi làm khổ sai.

René kết thúc câu chuyện vui: “Từ đó, tôi đánh giá kỹ thuật mổ bụng của Đức là số một thế giới!”.

## CHƯƠNG VI

René đi rồi, tôi vẫn còn nặng nợ với Tây. Anh Ba Kỳ bảo tôi: “Chú Thân lên gặp anh Sáu Cửa, có công tác mới cho chú đó.”

Anh Sáu Cửa tên thật là Tô Văn Cửa, Chủ tịch tỉnh Biên Hòa với bí danh Lê Minh Thành ký trong công văn giấy tờ, trong giao tiếp anh em gọi là anh Sáu Cửa, hay anh Sáu ngắn gọn. Tôi tới gặp anh Sáu mà lòng phân vân, không đoán được công tác gì mà anh Ba Kỳ gọi là mới. Công tác cũ của mình là viết báo, là dạy văn hóa cho các em trong Đoàn Duốc Sáng. Vậy công tác mới là gì đây?

Văn phòng của Chủ tịch tỉnh cũng không hơn gì văn phòng các cơ quan khác, cũng mái lá đơn sơ, một bàn viết lớn ở giữa, phía sau là lá quốc kỳ.



Chung quanh hai bên có vài ba bàn viết nhỏ. Anh Sáu chỉ ghế đối diện mời tôi ngồi, cười nói vui vẻ:

- Anh phóng viên trẻ lên miền Đông gần hai năm rồi, vẫn mạnh khỏe chớ? Chưa “đóng nghĩa vụ” cho rừng hả?

“Đóng nghĩa vụ” cho rừng? Cụm từ này tôi mới nghe.

Đoán biết tôi chưa hiểu, anh Sáu giải thích:

- Cán bộ chi viện cho tỉnh nhà sau ba năm đều bị chứng sốt rét rừng, để lâu biến thành chứng đau gan, sưng lá lách, rồi thiếu máu chuyển sang bệnh vàng da, thường được gọi là nước da huỳnh đản. Chú chưa hề hấn gì, xin chúc mừng chú... Nhưng chớ có chủ quan. Phải ngủ mùng hay ngủ nóp. Đừng để muỗi cắn. Chớ uống nước suối. Cơ quan có nấu nước chín?

- Dạ có. Hằng ngày uống nước rế tranh với hà thủ ô anh em làm rẫy đưa về...

- Tốt lắm! Nước rế tranh với hà thủ ô còn hơn nước Artichaut trên Đà Lạt nữa đó... Bây giờ bàn chuyện công tác với chú đây... Một tháng kể cận với ca sĩ chỉ có một bài ca René, chú thấy thế nào?

- Dạ rất vui, thưa anh Sáu. Nhờ có anh ta mà tôi dượt lại Pháp văn...

Anh Sáu chỉ vô ngực mình, cười nói:

- Chính tôi nói với anh Ba Bỏ giao René một thời gian cho Đoàn Duốc Sáng. Tôi muốn chú ôn lại tiếng Pháp để dùng chú sau này...

Đúng như anh Ba Kỳ nói mình có công tác mới. Tôi hỏi:

- Công tác anh Sáu định giao cho tôi là công tác gì?

- Dịch vận. Ban dịch vận chuyên thảo truyền đơn tiếng Pháp, tiếng Đức để các đội công an xung phong rải chung quanh các đồn bót, các thị trấn có lính Pháp và Lê dương. Truyền đơn tiếng Đức cho lính Lê dương do Giáo sư Hoàng Xuân Nhị, Thạc sĩ ở Đức về soạn thảo, nhà in Sở Thông tin Nam bộ in gửi cho các tỉnh. Còn truyền đơn tiếng Pháp thì các tỉnh tự lo lấy. Chú liệu có đủ sức làm được không?

- Thưa anh Sáu, hồi học ở Pétrus Ký bốn năm, Pháp văn là môn mạnh nhất của tôi. Nhưng hồi nào tới giờ, tôi chưa soạn thảo truyền đơn dịch vận...

Anh Sáu gật gù:

- Tôi biết. Bản thân tôi cũng chưa viết truyền đơn dịch vận bằng tiếng Pháp. Nhưng... mình có những mẫu truyền đơn cũ, mình có thể coi theo đó

mà viết, sửa đổi đôi chút cho thích ứng với tình mình. Tôi nghĩ là chú có khả năng đó.

Tôi gật đầu:

- Tôi xin làm thử với điều kiện là phải được anh Sáu duyệt trước khi đưa qua nhà in.

- Dĩ nhiên là như vậy rồi. Xong một vấn đề. Còn chuyện nầy nữa. Có một lính Lê dương từ Tân Uyên nhảy ra Khu. Hiện nó đang là khách quý của Huyện đội Bình Chánh. Ngay ngày hôm nay chú phải tới Huyện đội, phỏng vấn tên hàng binh đó, hỏi nguyên nhân nào nó bỏ ngũ chạy ra đây với mình. Sau đó biểu nó viết vài lời kêu gọi đồng đội noi gương nó, ra Khu sẽ được tiếp đón tử tế như nó vậy. Chú ngồi chờ tôi viết mấy chữ cho anh Huyện đội trưởng.

Nhận thư giới thiệu, tôi nói:

- Anh Sáu cho tôi một người liên lạc. Tôi chưa hề tới Huyện đội Bình Chánh tuy biết nó không xa lắm.

- Cứ hỏi anh Ba Kỳ. Bên Thông tin, dân Bình Chánh thiếu gì. Thôi chú đi cho sớm.

Anh Sáu bước ra cửa tiễn tôi:

- Chúc chú may mắn. Đây là công tác đầu tiên của chú trước khi về Ban địch vận của tỉnh.

Tôi ra về với một thích thú đặc biệt. “Pháp văn! – Nhờ Pháp văn mà mình ra đời như có “quối nhờn độ mạng.”

\*  
\*   \*

Anh Cao Bạch Xinh quê Bến Cát nhưng thông thạo địa hình Tân Uyên đưa tôi từ Mỹ Lộc tới Huyện đội Bình Chánh. Đường đi không xa nhưng có phần nguy hiểm vì phải băng qua con đường đá xanh từ thị trấn Tân Uyên vô các sở cao su trong vùng xã Bình Chánh. Khúc đường nguy hiểm chừng năm trăm mét, hai anh em chúng tôi chạy lúp xúp. Qua được vài phút thì súng đủ loại bắt đầu rộ lên ở phía sau chúng tôi. Anh Xinh nói:

- Tụi nó hành quân vô Bình Chánh bắt lại thằng Lê dương đào ngũ mà anh tính tới phỏng vấn.

- Chết cha! Vậy là mình với Tây đang cùng chung mục tiêu là Huyện đội Bình Chánh.

Chân vẫn bước nhanh như sải, Xinh gật:

- Đúng. Moóc-chê Tân Uyên bắn dọn đường đó, nghe không? Mình đi nhanh lên!

Chúng tôi đang đi trong các sở cao su. Cao su được trồng ngay hàng thẳng lối, bên ngoài có các con đường đá đỏ xe Jeep và xe bò có thể đi lại dễ.



dàng nhanh chóng. Chiến đấu ở miền Đông, nhất là các tỉnh có sở cao su, ta dễ lẩn tránh địch nhờ cao su mọc như rừng, chỉ khác rừng một chút là rừng cao su do người trồng ngay hàng thẳng lối, hàng này cách hàng kia bốn hay năm mét tùy theo giống cây chịu nắng hay thưa. Đạn móc-chê nổ chạn chát phía trước, từng bựng, cây cao su ngã rào rào trước mắt chúng tôi.

Xinh nêu kinh nghiệm chạy Tây:

- Thằng Tây đánh giặc theo lối cổ điển: cho pháo binh dọn đường trước, bộ binh sẽ đi sau. Như vậy là chắc ăn, không gặp đối phương phục kích dọc đường tiến quân. Nhưng cái hay theo liền cái dở là mình biết trước đường đi nước bước của nó mà ứng phó. Móc-chê mở đường, phải mười phút sau chúng mới tới. Mình đến Huyện đội trước chúng nó. Kia ngôi nhà ngói đằng kia, trước mặt mình đó.

Chúng tôi bước nhanh lên. Chỉ còn vài trăm mét cuối cùng. Bỗng tôi giật mình đứng lại lắng nghe.

Xinh ngạc nhiên:

- Sao đứng lại?  
- Có tiếng đàn banjo alto. Hình như từ ngôi nhà đó.

Xinh bật cười:

- Cái ông này lạ quá! Tiếng đàn thì có gì lạ mà...

- Nhưng đây là tiếng đàn giữa lúc Tây kéo tới! Ai đàn trái giờ giấc vậy?

Xinh vừa phi nước đại vừa nói:

- Còn ai trồng khoai đất này? Ông Chương chờ ai!

Trước khi gặp Huyện đội trưởng Cổ Tấn Chương, tôi được biết một chi tiết nhỏ về anh: giống như Khổng Minh tọa lâu khảm đàn, cửa thành mở toang khi nghe Tư Mã Ý tới. Hào khí Đồng Nai ở đây rồi, có đâu xa mà phải cất công tìm kiếm!

Tôi hỏi ngay sau khi anh Chương đọc thư giới thiệu của anh Sáu Cửa:

- Tây sắp tới bắt lại thằng Lê dương đào ngũ, anh không sợ sao mà ngồi đàn tỉnh rụi vậy?

Anh Chương móc cây banjo alto lên vách, cười to:

- Minh đàn là dụ tụi nó vô đây. Mà tôi đố nó dám vô! Chung quanh đây mình gài mìn hết rồi. Hễ thấy chúng mò vô là châm điện. Tụi nó bị nhiều lần rồi nên chỉ giỏi tài ở xa pháo kích vô thôi.

Nghe nói, tôi giật mình. Anh Xinh và tôi không hề nghĩ tới chuyện Huyện đội đã gài mìn trên đường mình đi. Nhưng anh Chương đi ngay vô đề:

- Anh muốn gặp thằng Herri hả? Có ngay! Nó đang ở dưới hầm đằng sau nhà....

Đúng như anh Chương nói, moóc-chê nổ “ùng oăng” cấp tập một lúc rồi êm luôn. Đúng là thằng Tây chỉ đứng xa mà diệu võ giương oai chớ không dám vô cửa tử.

Chờ dứt tiếng pháo, anh Chương bảo lính đưa Herri lên văn phòng gặp nhà báo trên tỉnh xuống phỏng vấn.

Vừa thấy Herri, tôi biết ngay anh ta là dân quê, khác xa anh kế toán René ca sĩ của Đoàn Duốc Sáng.

Tôi tự giới thiệu và đề nghị Herri kể chuyện vì sao nhẩy ra Chiến khu. Dưới đây là nguyên nhân:

- Tôi không chịu được kỷ luật nhà binh quá khắt khe nên công khai chống đối như khai bệnh không làm việc, tổ chức đánh bài trong bệnh xá. Do vậy mà bị phạt bốn chục ngày trọng cấm. Quá bức, tôi đào ngũ ra đây. Chỉ có vậy thôi!

Đúng là Herri không có tư tưởng phản chiến như René. Anh ta thuộc loại lính “ba gai”, vô kỷ luật, vô tổ chức, nghĩ sao làm vậy, thiếu suy nghĩ chín chắn. Như vậy, muốn lời kêu gọi của anh ta có giá trị thuyết phục đồng đội noi theo, tôi phải mớm ý chính trị:

- Có khi nào anh nghĩ là chiến tranh sẽ kết thúc và anh được sớm trở về quê không?

- Minh là lính chiến, trên sai đâu đánh đó. Chiến tranh kéo dài hay chấm dứt là do tướng lãnh hai bên tính toán với nhau, mình là lính, đâu có quyền nghĩ thay mấy ông.

Anh Chương ngồi nghe, bật cười:

- Tôi quên nói trước cho anh biết, thằng này dốt can không nổi! Anh mới nghe nó nói thôi, chùng biểu nó viết thì anh sẽ bật ngửa ra. Nó viết tiếng Pháp trật lất, lỗi chính tả lên như trấu.

Tôi lặp lại ý của anh Sáu Cửa:

- Miễn là nó chịu viết theo ý mình yêu cầu. Còn hay dở, đúng sai là do mình biên tập lại.

Anh Chương gật:

- Ý anh Sáu hay.

Tôi đề nghị Herri viết một trang giấy học trò kêu gọi các bạn anh ta đóng tại thị trấn Tân Uyên

vác súng vô Khu, vì đó là cách phản chiến, sớm kết thúc chiến tranh, mở lối hồi hương gặp lại gia đình vợ con thay vì tiếp tục kiếp đánh thuê cho thực dân đế quốc.

Herri lắng nghe, tỏ ý thích thú vì đây là lần đầu anh ta nghe nói đến chuyện làm thế nào để thoát kiếp đánh thuê trong đội quân Lê dương có kỷ luật sắt máu dễ sợ này.

Tôi xé sổ tay mấy tờ giấy trắng, trao cây bút chì cho anh ta. Herri cầm bút, cẩn thận vuốt thẳng tờ giấy. Người không quen cầm bút thì Đông Tây gì cũng giống nhau: hai tay vụng về, cầm bút như sử dụng một vũ khí xa lạ, không gọn gàng chút nào.

Anh Chương kéo tôi ra ngoài vườn:

- Thằng này rặn cho anh một trang giấy học trò có thể tới chiều mới xong. Mình ra ngoài vườn hóng gió...

Nhân dịp này tôi hỏi thăm gia cảnh anh Chương.

- Trước cách mạng, tôi sống với nghề khai thác lâm sản, cụ thể là mua gỗ súc trên rừng chở về thành phố. Do sống với nghề “nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá”, mình tập luyện thể dục, — anh kéo tay áo lên, gồng cánh tay cho thấy bắp thịt nổi cuộn lên.



– Và ở rừng thì phải có món giải trí: đó là cây đàn này. – Anh xách cây banjo đưa lên. – Nhờ ngày đêm làm bạn với nó, tôi bỗng trở nên nhạc công có hạng trong giới xe be với xe cần trục.

Tôi gật gù thích thú: người hùng Tân Uyên trong hồi ký “Hào khí Đồng Nai” của tôi sau này, không thể thiếu được anh Huyện đội trưởng Bình Chánh.

Trong khi tôi nghĩ chuyện viết lách, anh Chương say sưa đàn. Trong khu rừng nằm ngoài ranh giới các sở cao su, sát bên bờ suối đầy vẻ hoang vu, bản nhạc Tây Ban Nha *La Cumparsita* được mệnh danh là “Le roi des Tangos” (vua loại Tango) như đem không khí thành thị tới nơi rừng xanh đất đỏ.

Dứt bản nhạc, tôi hỏi:

- Hình như anh lạm nhạc Tây?

- Nên nói tôi lạm tân nhạc thì đúng hơn. Nhạc nào hay thì tôi chơi, bất kể nó thuộc thể giới nào. Hồi là học sinh, sinh viên, mình khoái nhạc Pháp như *J'ai deux amours*, *C'est à Capri...* Sau đó mình biết mấy bản của Châu Phi rất tình cảm mô tả kiếp nô lệ đáng thương như bài này.

Anh đàn bài *Tabou*. Dứt bài, tôi nói:

- Bài Tabou này là một trong những bản ruột của tôi. Tôi thuộc cả lời. Lời thơ rất hay.

Chương cắt ngang:

- Anh chàng nhà báo này cũng nghệ sĩ dữ quá!

Tôi khoái chí nói tiếp:

- Học nghề báo, thầy dạy phóng viên muốn khai tin thiên hạ phải có cái gì độc đáo khiến mình không giống ai. Để tạo ấn tượng. Cho nên có người để râu dê hết sức buồn cười như anh Thu râu vừa từ Paris về kháng chiến ở Đồng Tháp Mười. Còn tôi thì đem mấy bài hát ra hát để ra mắt với bà con, kết thân và săn tin.

Chương lại đàn bản nhạc Hoa để đổi không khí. Lại cũng là bài ruột của tôi. Đó là bài “Hà nhật quân tái lai”, cũng được gọi là Tango Chinois. Tôi ca theo tiếng đàn, lại ca tiếng Tây để gây ấn tượng với anh Chương.

Chương buông đàn, lắc đầu:

- Giỏi, giỏi lắm! Cái gì “toa” cũng biết hết!

Khi người đối thoại bật tiếng Tây, dùng từ “toa” và “moa” (toi, moi là mày, tao) đó là lúc anh ta khoái mình đến mức “mày tao chi tở”, tôi rất vui

được kết làm thằng em kết nghĩa với một ông anh “gan lì tướng quân”.

Trời đã nhá nhem, tôi vô xem thằng Herri “rặn” bức thư kêu gọi đồng đội trong bót Tân Uyên xong chưa. Anh ta trao cho tôi trang giấy gạch xóa bậy bạ, ngượng ngùng nói:

- Lâu quá không cầm tới cây bút. Viết khó khăn lắm. Chắc là có nhiều lỗi, nhờ các anh sửa giùm.

Tôi liếc sơ, thấy Herri viết đúng như mình gợi ý, xếp trang giấy bỏ túi, bắt tay cảm ơn anh ta. Rồi chào tạm biệt anh Cổ Tấn Chương, tôi cùng anh Cao Bạch Xinh về Ty Thông tin.

Anh Chương tiến một khúc, bảo anh Xinh:

- Tây hay kích ở khúc đường đá xanh vào đầu hôm. Anh nên thận trọng, nhất là có anh bạn nhà báo cùng đi với anh.

Tôi chỉ gặp anh Cổ Tấn Chương có một lần đó mà thôi. Gần ba chục năm sau, tôi gặp lại anh tại hồ bơi Yết Kiêu, sát cầu Thị Nghè, kế bên Sở Thú. Bây giờ tôi là phóng viên thể thao từ Sài Gòn Giải Phóng. Còn anh Chương là quản lý hồ bơi Yết Kiêu kiêm Huấn luyện viên trưởng đội vận động viên bơi lội trẻ của thành phố.

Tất nhiên là anh Chương không nhận ra tôi. Còn tôi thì không sao quên được cái tên Cổ Tấn Chương của anh vì nó đồng nghĩa với người Huyện đội trưởng Bình Chánh “gan lì tướng quân”.

## **CHƯƠNG VII**

Giữa tháng 9/1949, tôi đang làm công tác đào tạo cán bộ thông tin xã cho quận Long Thành thì được lệnh ra đảo Long Sơn dự khóa chính trị viên đại đội. Đây là quyết định “tréo cẳng ngỗng” vì từ đầu kháng chiến tới bây giờ tôi chưa hề theo bộ đội. Dường như có “quối nơn độ mạng” tôi chỉ được phân công làm một công tác duy nhất là thông tin-báo chí. Có lúc bị tách khỏi tờ “Biên Hòa Thông tin Quân Dân Chánh” để làm Chính trị viên Đoàn tuyên truyền lưu động Đuốc Sáng thì cũng còn nằm trong gia đình thông tin. Rồi làm công tác địch vận, phỏng vấn tù hàng binh, soạn thư kêu gọi hay viết truyền đơn phản chiến cũng không tách rời chức năng Thông tin báo chí. Nay lại được lệnh đi học



“ké” khóa đào tạo chính trị viên đại đội. Lĩnh này không rõ của ai nhưng do anh Ba Kỳ, Trưởng ty Thông tin chuyển tới. Tôi bàn với Ban phụ trách khóa đào tạo cán bộ thông tin xã. Ngoài tôi ra còn có hai anh Lâm Minh Văn và Vũ Thái Phong. Hai nhân vật này cũng cần giới thiệu ngắn gọn. Lâm Minh Văn là sinh viên Sài Gòn ra Khu kháng chiến từ đầu, là cán bộ tuyên huấn của Ty Thông tin Biên Hòa. Tánh tình dễ thương.

Còn anh Vũ Thái Phong quê miền Bắc, từng là võ sĩ Quyền Anh lại là nhà thơ. Anh có làm bài thơ *Mùa đông binh sĩ* mà tôi thuộc được vài khổ nhờ nghe anh ngâm nga mỗi khi cao hứng:

*Đây mùa mưa gió mùa mưa gió,  
Chiến sĩ sa trường có rét không?  
Đây mùa mưa gió mùa mưa gió,  
Êm ấm gia đình có biết không?*

Sau khi xem thư của anh Ba Kỳ, hai anh Văn và Phong nói:

- Anh cứ đi. Lớp học để chúng tôi lo.

Vậy là tôi lại ba-lô lên vai, theo liên lạc lên đường thiên lý. Gọi là thiên lý không ngoa đâu. Nơi chúng tôi mở lớp là Bàu Bông, Vũng Gấm thuộc xã

Phước An. Từ đó ra đường 15 tới Thái Thiện, Thị Vải, Ông Trịnh, Phước Hòa. Con đường huyết mạch Sài Gòn – Vũng Tàu bị dân quân phá hoại triệt để. Đá xanh và lớp nhựa phía trên bị cuốc tróc lên thành những hố sâu để trồng tre. Khi chúng tôi đi tới Thái Thiện con đường nhựa hoàn toàn biến mất. Những bụi tre dày bịt mọc dày trên đường. Những nơi không trồng tre, dân quân đốn cây hai bên đường cho ngã phủ lên mặt lộ, thân cây và cành nhánh xoắn vào nhau, rậm rạp thuận tiện cho rắn rít làm hang ổ. Có một chuyện lạ là tại Thái Thiện, sát bên con lộ, có một sở xoài tháp mấy mẫu, lúc chúng tôi đi ngang, xoài đang trổ trái bằng nắm tay. Nghe liên lạc kể, vườn xoài này của tên đốc học Révertégat làm chủ. Nó thuê một trung đội lính Tây canh gác giữ vườn, nhưng ta đánh mạnh, trung đội này “phón” bỏ cuộc. Vậy là chủ Tây mất trắng sở xoài trị giá cả triệu đồng. Tôi sức nhớ Révertégat có tòa nhà ngay cổng Trường Normale mà Trường Pétrus Ký xin ở nhờ. Mỗi cuối tuần, gia đình Révertégat đều đi xe nhà lên vườn xoài nghỉ mát và chở về những giỏ xoài chín vàng thơm lừng.

Tới Phước Hòa, liên lạc đưa đoàn học viên ra xóm chài sát bờ sông Lòng Tàu. Ăn cơm tối xong,

anh em xuống thuyền ra đảo Long Sơn. Long Sơn là tên trên bản đồ, dân trong vùng Phước Hòa gọi là Núi Nứa hay Bà Trao. Đây là một cù lao nằm cách Phước Hòa và Bà Rịa vài cây số. Vị trí của cù lao này rất quan trọng về chiến lược vì nó nằm giữa Vũng Tàu và Bà Rịa. Khóa học được đặt trên núi Long Sơn. Trên đỉnh núi có ngôi chùa. Từ đó có thể thấy bãi trước của Vũng Tàu bằng mắt thường. Về sau tôi mới biết đảo Long Sơn là cái nôi đạo ông Đạo Trần. Ngôi đền được gọi là Nhà Lớn rất to rộng, kiến trúc kiểu cổ, cột to cả ôm tay, vách ván, có gác, lợp ngói. Trong đền có nhiều bàn thờ danh mộc chạm xà cừ, trên vách có treo quạt cán dài, trên ván gõ phòng nghỉ có gối vuông cao ba tấc kiểu xưa. Ông Đạo Trần tên Lê Văn Mưu, người Châu Đốc, là một trong các đệ tử của Phật Thầy Tây An Đường Minh Huyền. Khi nghĩa quân Gia Nghị của Cố Quản Thành bị Pháp đánh tan ở Láng Minh và Bảy Thưa, Sáu Lọng, ông Đạo Trần rời Thất Sơn đi chu du và sau cùng chọn được đảo Long Sơn mở đạo và tuyển chọn nghĩa quân.

Đạo ông Trần có vài lối tu khác các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo như để râu tóc dài, đàn ông cũng bới tóc như đàn bà, lưng trần, chân đất. Ngôn ngữ có

vài từ dùng riêng trong vùng như cau gọi là lộn, đường gọi là mật. Riêng ông Trần thì giữ đúng phong cách Đạo nhà là khi mất mồ mả không đắp cao hơn đất chung quanh, chỉ cắm bốn trụ đánh dấu nơi nằm.

Những tư liệu trên chỉ nghe kể trong thời gian hai tuần của khóa chính trị viên đại đội. Sau giải phóng, tôi cộ theo anh Mai Văn Vĩnh (Hai Vĩnh) nguyên Chi đội trưởng Chi đội 7 suốt chín năm đánh Tây đóng trên đảo Bà Trao, được con ông Đạo Trần mời về Nhà Lớn làm nơi chỉ huy. Cách Nhà Lớn vài trăm mét là nghĩa trang gia đình. Mộ ông Đạo Trần được nâng cao hơn mặt đất khoảng hai tấc, có bia khắc ngày sinh và ngày mất. Chung quanh mộ có xây vòng rào thấp cỡ năm tấc, hình chữ nhật. Ngôi mộ ở trên gò cao, thoáng mát với các chậu hoa đủ sắc nhiều hương.

## CHƯƠNG VIII

Chiến khu Đ là căn cứ lớn, địch muốn tấn công phải huy động hải lục không quân. Đôi khi cả nhảy dù. Đường sông, chúng dùng tàu “lồng cu”, tiếng bà con trong Khu gọi pháo đĩnh bố trí đại liên trước mũi và sau lái. Tây tập trung các pháo đĩnh tại Biên Hòa, khuya hay sáng sớm hôm sau ngược dòng Đồng Nai lên Tân Uyên, từ đó thọc sâu vô Khu, bắn yểm trợ bộ binh hành quân qua các làng Tân Dân, Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An...

Còn bộ binh thì Tây tập trung từ sáng sớm ở Tân Uyên. Các loại máy bay Spitfire, Mosquito, Hellcat xuất phát từ sân bay Tân Sơn Nhứt cũng từ sáng sớm. Trên trời có con đầm già quần đảo suốt



cuộc hành quân làm tai mắt cho bộ binh và các giang đình.

Năm 1950, Ty Thông tin đóng ở Đất Đạo, dưới dốc Bà Nghiêm thuộc xã Tân Hòa. Khoảng nửa đêm, anh em nghe vó ngựa rầm rập trong rừng. Biết là có tin hỏa tốc, anh Ba Kỳ cho lệnh đánh thức anh em cơ quan chuẩn bị chống càn. Bộ phận nào làm theo kế hoạch bộ phận đó. Văn phòng giấu máy đánh chữ, công văn giấy tờ vô kho sâu bên trong rừng. Bên nhà in cũng di tản đồ nghề, khuôn in và các học chữ sang bên kia bờ suối... Đội bảo vệ chuẩn bị gài trái vào những nơi địch có thể thọc vô đốt cơ quan.

Không bao lâu sau, liên lạc tới. Trong đêm rừng, hình ảnh người liên lạc hỏa tốc thật độc đáo và ấn tượng ấy theo đuổi tôi suốt đời. Làm sao quên được người liên lạc khoác áo mưa, tay cầm đuốc cháy đỏ, súng trường đeo vai, phi ngựa trong rừng. Qua thư hỏa tốc, quân báo tỉnh cho biết ba giang đình đã tập trung tại Biên Hòa, trước Tòa bố (Tòa hành chánh), bộ binh với hai chục chiếc GMC (chữ tắt của hãng xe hơi Mỹ General Motor Company) chở bộ binh tới thị trấn Tân Uyên hành quân vào

sáng sớm... Do tin tới cận giờ, liên lạc phải “hỏa tốc” mới báo kịp các cơ quan đóng trong Khu.

Anh Ba Kỳ nguyên là Trưởng phòng chính trị Chi đội 10 trước khi được đề bạt làm Trưởng ty Thông tin hỏi liên lạc:

- Ban chỉ huy Trung đoàn có kế hoạch cho thông tin tản về phía nào?

- Anh Tám dặn các anh nên lên Ba Hố ngay trong đêm nay.

Việc trao đổi kết thúc nhanh. Liên lạc lại quờ đuốc lên ngựa phóng sâu trong rừng già.

Công việc cất giấu đồ nghề đã xong, trừ ban bảo vệ dưới sự chỉ huy của tổ trưởng, tất cả theo anh Kỳ thẳng hướng Ba Hố. Vùng này tôi có tới một lần. Như tên chỉ rõ, vùng này có ba hố sâu không xa mấy ấp Bà Đã, cũng nằm giữa hai làng Tân Hòa và Bình Mỹ. Nơi đây rừng xanh dày bịt, Pháp ngại xông pha vô đây vì đã đụng bộ đội 310 một vài lần. Anh Ba Kỳ và Cao Bạch Xinh đi đầu, đoàn đông theo sau, lạng lẽ bước. Tôi đi khúc đuôi, sát bên ông già Cần. Ông cấp dưỡng – hồi đó chưa có từ anh (hay chị) nuôi – là phu cạo mủ, ta gọi là công nhân cao su. Ông là người Bắc, dân contrat (ký hợp đồng đi phu Nam Kỳ, lãnh tiền trước nhấm mớ, làm trừ lương

sau). Cách mạng nổi lên, anh em cạo mũ thoát cũi sổ lồng, tham gia bộ đội. Ông Cần bị thương nơi bắp chân, rất may đạn trúng phần mềm. Mổ lấy đạn ra, khi lành lặn, ông được phân công làm cấp dưỡng cho vừa với sức khỏe. Người ông gầy đét, hai tay hai chân như que củi, nhưng có sức khỏe mỗi ngày đi từ cơ quan xuống dốc Bà Nghiêm, ra tận sông Đồng Nai trong làng Tân Hòa mua rau muống, cà chua về làm cơm canh cho anh em ăn ngon miệng. Lần đầu tiên có dịp sống chung với dân contract miền Bắc lưu lạc vào các địa ngục trần gian là các sở cao su của chủ Tây, tôi bám sát ông Cần mỗi khi rảnh rỗi, hỏi đủ thứ chuyện để tích lũy về cuộc sống lầm than của dân cạo mũ, sau này có thể dựng lên chân dung những người khốn khổ miền Bắc đổ xương máu vun đắp cho các vườn cao su miền Đông Nam bộ thêm xanh tươi, mát mẻ. Qua thời gian gần bó với nhau, ông Cần thích tôi vì thấy tôi thật sự quan tâm tới cuộc sống tinh thần của ông. Tôi thường đem sách báo xuống, khuyến khích ông đọc để mở mang kiến thức văn hóa và chính trị. Vốn văn hóa thì tất nhiên mình hơn ông Cần, nhưng tinh thần chịu đựng gian khổ, hết lòng với nhiệm vụ người cần vụ, tôi thua ông Cần xa. Và tôi nghĩ ngay tới việc tuyên truyền,

giáo dục giới thiệu ông vào Đảng. Ông Cần là người duy nhất tôi làm nhiệm vụ đảng viên là giúp những người tốt tiến bộ cùng với mình. Tôi hỏi ông chọn bí danh là gì, ông đáp ngay: Mẫn.

- Hay! Tôi kêu lên, ông tên Cần, chọn bí danh Mẫn là quá hay. Hai đức tính này dính liền như anh em sanh đôi.

Chuyến chạy Tây từ Đất Đạo lên Ba Hố kỳ ấy không có trục trặc nào. Tây thọc vô Đất Cuộc kiểm Binh công xưởng, cách xa Ba Hố. Chúng bị bộ đội chặn đánh từng chập nên co cụm lại trong rừng nghỉ đêm để sáng hôm sau rút về theo ngả Bàu Cá Trê.

Đã từng sống ở Tháp Mười đồng không mông quạnh, chung quanh toàn đứng, lác, năng, đế; không có mấy cây cao, máy bay làm chúa tể nơi này, nay lên miền Đông với rừng cao su bát ngát xen lẫn rừng già âm u, mình thấy vững vàng hơn. Không còn “lạnh lừng” như cảnh chạy Tây giữa đồng trống. Ở chương này xin kể lại vài chuyến chạy Tây của tôi, mỗi chuyến có một vài nét đặc trưng khác nhau. Chuyến chạy lên Ba Hố hấp dẫn với hình ảnh người giao liên trinh sát phi ngựa quơ đuốc trong đêm khuya giữa rừng già. Và mỗi khi nhớ đến hình ảnh

này, tôi càng mê thơ Huỳnh Văn Nghệ với rừng xanh, tuấn mã... Đó là chi tiết hiện thực được đưa vào thơ ngọt ngào nhờ thi pháp lãng mạn cách mạng mà lời thơ cất cánh bay vút tận trời xanh. Cái đẹp có vô vàn hương sắc, dáng vẻ, tùy cái tạng của từng người mà bình luận khen chê.

\*  
\*   \*

Có một lần tôi bị “sung công” về Bộ chỉ huy chống càn ngay trong xã Mỹ Lộc là nơi văn phòng Trung đoàn 310 đóng. Lần đó, ta biết trước ý đồ của địch muốn đập tan đầu não Chiến khu Đ. Ban chỉ huy đã huy động thanh niên các xã trong Khu, mỗi người đốn mười cây chông vạt nhọn hai đầu đem cắm trên các cánh đồng Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, không cho Tây nhảy dù xuống những nơi đó. Dù màn nhảy dù bị loại, Tây vẫn xúc tiến cuộc hành quân thủy lục không quân. Đây là một dịp may cho đời viết báo của tôi vì thành thật mà nói, tôi làm phóng viên mà không được huấn luyện về bộ môn viết phóng sự chiến trường. Tôi chỉ “làm ăn” trong hậu phương như dự các phiên Tòa án binh hay quân khu, viết về chiến sĩ thi đua hay chiến sĩ nông



nghiệp, tường thuật nguội những trận đánh thắng theo lời kể... tóm lại là phóng viên ở hậu phương.

Tôi được Ban chỉ huy Trung đoàn “sung công” với tư cách là cán bộ dịch vận. Trong lán chỉ huy, anh Tám Nghệ ngồi cặm cùi nghiên cứu bản đồ, tay cầm ống nghe điện thoại đã chiến từ các nơi gọi về. Đạn đum đum từ mé sông Tân Hòa nổ ran trên đầu. Thấy tôi nhìn dáo dác, anh Tám cười:

- Đạn đum đum đó chú em. Đạn bay tới đây nhưng bọn Tây ở cầu Rạch Rổ. Còn xa cả cây số. Đây là công tác của chú. Xấp truyền đơn này có ba loại: tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Đức. Chú đem dán ở những nơi địch có thể tới, anh em đã khuấy hồ trong cái lon này. Chú cùng đi với một người nữa cho có bạn. Mỗi gốc cây, chú dán ba tấm cho đủ ba thứ tiếng Việt, Pháp, Đức.

Trao cho tôi xấp truyền đơn, anh Tám chỉ lên bản đồ:

- Không cần đi xa, chỉ dán chung quanh đây thôi. Chú ý nhất là mọi nước, vì thế nào chúng cũng xáp vô mọi rửa mặt rửa tay... Làm nhanh nhanh rồi trở về đây, còn có công tác khác giao cho chú... Sẽ nói sau!

Tôi cùng anh lính được phân công hăm hở chạy ra mọi nước nằm giữa làng Mỹ Lộc. Mọi nước này là nơi tôi thường tới để gặp anh sinh viên Châu Kim Phú. Anh Phú là anh ruột của Châu Kim Nhân, bạn học bốn năm của tôi ở Pétrus Ký. Gia đình họ Châu ở Tân Uyên khá nổi tiếng vì thân phụ các anh Phú, Nhân là công chức trung cao phụ trách ngành IPP (chữ tắt của Information – Presse – Propagande! Thông tin – Báo chí – Tuyên truyền). Nghe đâu cả gia đình chỉ có anh Phú là theo ta. (Sau hòa bình 1954, về thành làm báo, tôi gặp Châu Kim Nhân, Bộ trưởng Tài chánh chánh phủ Sài Gòn, bạn thân Tổng thống Giscard d'Estaing khi ông này còn là Bộ trưởng Tài chánh Pháp.) Cái cách kháng chiến của anh Phú này cũng lạ, ngày ngày chỉ ra ngồi ngoài chòi trong vườn bưởi, ít tiếp xúc với ai ngoài mấy bà má chiến sĩ. Kiểu cách lêu têu kháng chiến, cà nhổng chống xâm lăng như anh Phú rất hay gặp ở miền Tây Nam bộ...

Vừa tới mọi nước, chúng tôi dựng đầu với con đầm già. Chúng tôi nhẩy vô chòi của anh Phú, quét hồ dán ba tấm truyền đơn lên mấy cây cột chòi. Biết máy bay sẽ lên bắn chòi, chúng tôi chạy vô vườn rồi đâm ra sở cao su. Nơi đây tha hồ dán

truyền đơn trên thân cây cao su thẳng đuột. Lúc này, máy bay bay quần trên đầu, chúng tôi vừa dấn vừa chạy tránh xa cái vòng xoắn của mấy con Khạc Lửa (Spitfire), mấy con Muỗi (Mosquito) v.v.. Bỗng một chuyện lạ đập vào mắt tôi. Tại một ngã ba đường làng, có hai bà má đang gồng gánh chạy khá nhanh trong mí vườn. Trong thúng có nhiều đòn bánh tét, bánh ú, xen lẫn mấy nải chuối chín vàng, mấy trái bưởi xanh xanh. Tôi nhanh chân chạy theo:

- Hai má gánh bánh tiếp tế cho ai vậy?

- Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa. Tụi nó đóng quân trong xóm trong kia kìa.

Tôi chạy theo hai má vô xóm trong. Nơi đây có chừng năm sáu mái tranh nghèo. Anh em bộ đội đứng ngồi quanh nhau trong tư thế chờ địch tới. Vừa trông thấy hai má, anh em reo ầm lên:

- Má, má! Má Tám, má Hai...

- Hoan hô hai má!

Hai má đặt gánh xuống, kéo khăn rằn lau mồ hôi mặt:

- Tụi bây ăn ngay đi, ăn cho chắc bụng trước khi tụi nó vô tới đây.

Vừa ăn, anh em vừa tranh nhau hỏi hai má:

- Làm sao hai má biết sáng nay Tây tấn công Chiến khu mà gói bánh tét bánh ú cho mấy con?

Má Tám cười thật vui:

- Nửa đêm tao nghe vó ngựa chạy ngang qua nhà, đuốc cháy đỏ rực, tao biết ngay là có tin thương khẩn liên lạc mới chạy hỏa tốc như vậy. Tao chạy qua rủ chị Hai kiếm nếp với đậu xanh, chuối xiêm nấu vài chục đòn bánh cho bây đó...

Má Hai cũng góp chuyện:

- Đưa nào ăn bánh ú tao gói có thấy gì không? Mấy anh lính ngừng nhai, nhúu mày suy nghĩ.

Má Hai nói:

- Tụi bây không biết đâu! Bà Tám rủ gói bánh cho tụi bây bất ngờ quá, trong nhà không còn đậu xanh làm nhưn, tao phải luộc khoai lang hột gà quết làm bột thay đậu xanh. Bây ăn mà có biết không?

Bấy giờ mấy anh lính mới gật gù:

- Má Hai nói, tụi con mới biết. Không có đậu xanh, có thể lấy hột mít luộc tán nhuyễn làm nhưn bánh ích, bánh tét, ăn cũng ngọt, cũng bùi. Bữa nay lại biết thêm nhưn bánh khoai lang hột gà.

Anh em bộ đội ăn chưa xong, máy bay đã lao tới xóm trong. Anh Đại đội trưởng lật đật kéo hai bà má xuống hầm trước khi ra lệnh:

- Không được bắn máy bay nghe không!

Sau khi ném hai quả bom, đại liên tuôn cả băng nổ điếc tai, cành gãy, lá bay rào rào, hai chiếc Spitfire nối đuôi nhau chúi xuống bắn vô xóm nhà bỏ trống. Sau hai vòng quần bắn, chúng quay về Tân Sơn Nhứt.

Đám *Khạc lửa* vừa về thì bọn Junker tới. Loại này nặng nề, không lao chao như đám *Khạc lửa* mà bay rì rì khá thấp. Chúng có nhiệm vụ đốt rừng bằng bom napalm cũng gọi là bom xăng đặc. Từ dưới đất nhìn lên có thể thấy thằng Tây cỡi trần nằm co người đập những thùng bom xăng đặc chất sát cửa máy bay. Đây là chiến thuật mới Tây áp dụng ở Chiến khu Đ. Chúng thường bị đánh đau khi băng qua hai cánh rừng. Bộ đội ta chuyên phục kích trong rừng đánh ra. Để đối phó, Tây cho Junker lên đốt rừng trong khu vực hành quân. Bên ta linh động, nghe hơi Junker là rút ra bìa rừng, tập trung mọi thứ súng bắn vào thằng Tây đập các thùng napalm xuống rừng.



Tạm biệt Đại đội địa phương quân lấy tên Nguyễn Văn Nghĩa – nhà cách mạng lão thành của đất Biên Hòa – tôi trở về nơi anh Tám với Bộ chỉ huy Trung đoàn 310 làm nơi chỉ huy chống càn.

- Chú đã dán hết truyền đơn?

- Đã xong từ lâu rồi, thưa anh.

- Nãy giờ chú ở đâu?

- Trong xóm trong với Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa. Khi nãy anh Tám nói sẽ giao công tác cho tôi...

- Tôi muốn chú viết một bài bút ký về cuộc chống càn ở Chiến khu Đ, đăng trên báo tỉnh. Tôi cho liên lạc đưa chú tới các đại đội đang chặn địch ở khắp nơi. Chú sẽ tổng hợp lại thành một bài đầy đủ các khía cạnh...

- Tôi đã gặp hai bà má gánh bánh tét, bánh ích tiếp tế cho Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa ở xóm trong.

- Vậy thì chú khỏi phải trở vô đó nữa. Nhớ viết về tinh thần của các má trong Chiến khu. Tinh thần các má cũng đáng kể ra cho mọi người biết về truyền thống “giặc tới nhà đàn bà cũng đánh”.

Đây là kỷ niệm khó quên khi tôi gặp nhà thơ-chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ.

Bấy giờ Chiến khu Đ được lập thành huyện Thanh Lâm, huyện lỵ là xã Tân Dân, lấy một phần đất của xã Tân Hòa, Bình Mỹ. Tôi được đưa về làm Thông tin huyện mới mở này. Nói là huyện mới mở, nhưng chỉ trên giấy tờ, còn trên thực tế thì chưa có công trình gì mới. Chính ủy Khu 7 trước kia là Nguyễn Văn Trí (Hai Trí) được đề bạt về đây làm ủy trưởng căn cứ địa. Và trước khi bắt tay vào việc, ông Hai Trí tổ chức cuộc họp báo giải thích ý nghĩa và sự cần thiết phải xây dựng một căn cứ. Trước hết, đó là nơi đào tạo, bổ sung, bồi dưỡng lực lượng ta đồng thời là nơi xuất phát các cuộc hành quân tiêu trừ quân địch. Tôi có dự cuộc họp báo có tính cách huấn thị này.

Có tin Tây sẽ bố lớn và lần này có chiến xa từ Tân Uyên thọc sâu vô căn cứ. Tôi cùng cán bộ thông tin xã Tân Dân đi dán truyền đơn khắp nơi. Tối xế chiều ghé nhà anh Hoàng Pháp, Chủ tịch xã ăn cơm và nghỉ đêm tại đây chờ giờ G, ngày N để xem kết quả trận chống càn. Chiều đó có “khách không mời mà đến” (là tôi) anh Chủ tịch bảo con nấu cơm rồi khai hai hộp cá mòi dầm nước mắm ớt ăn “cho xong bữa”.

Lâu quá tôi mới được nếm vị ngọt của cá mòi nhãn hiệu Sardine đóng hộp ở Maroc. Cái cốt học sinh tiểu tư sản của mình không thể giấu ai được. Khi gặp môi trường cũ là nó thò cái đuôi dài ra. Vừa đói, vừa gặp món ngon, tôi ăn rất hào hứng:

- Giữa rừng, làm sao “câu” được loại cá mòi cao cấp này, hử anh Hai?

Ông Hoàng Pháp thật tình nói:

- Trạm kiểm soát tịch thu của mấy bà đi chợ Tân Uyên đó chú. Mình đã ra lệnh cấm, không lẽ mình lại đi mua?

Nghe nói, tôi mất hứng, nuốt không còn ngon như trước.

Sáng sớm hôm sau đã nghe tiếng động cơ gầm rú từ đồn Tân Uyên. Chúng tôi kéo nhau dậy, chạy ra con đường đá đỏ – Tây gọi là đường piste – đủ rộng cho xe bò, xe hơi và thiết giáp chạy. Tôi kiểm tra các truyền đơn xem có cái nào tróc vì sương đêm để dán lại. Tình cờ tôi gặp một toán bộ đội – sau này mới biết là đặc công chuyên gài mìn. Một anh xách cái niềng xe mô tô lăn nhẹ lên mặt đường đất cát đỏ... Tiếng gầm rú của đoàn xe cơ giới và thiết giáp nghe càng lúc càng gần. Chúng tôi quay trở về nhà anh Hoàng Pháp nghỉ và nghe

ngóng. Anh Chủ tịch xã cũng nai nịt gọn ghẽ, đưa chúng tôi ra hầm cách nhà không xa.

“Có gì mình xuống đây. Nếu mình nổ ngoài đường mà mình không xuống hầm có thể bị miếng găm đó.”.

Con đầm già đã lên, bay rù rì ngay trên đầu chúng tôi. Vẫn theo binh pháp cổ điển, đầm già trinh sát, pháo binh dọn đường. Tiếng cà-nong và moóc-chê Tân Uyên nện như giã gạo chày ba chày tư. Êm tiếng pháo tới tiếng rộ của thiết giáp... Một lúc sau, nghe tiếng bọn Tây la ó ngoài đường kiểm. Anh Hoàng Pháp đứng lên nói nhỏ:

- Tụi nó tới rồi đó! Mình xuống hầm mau lên!

Đã xuống hầm rồi mà tim tôi còn đập mạnh. Như đã nhiều lần tâm tình với các bạn, tôi không được ngon lành như các bạn trẻ khác: tinh thần tôi dưới trung bình. Biết chắc miếng mìn không bay lọt vô hầm, tôi lại sợ khi đụng độ, lính Tây chạy tán loạn và có thể vài tên đi lạc vô đây. Nếu thế thì vô cùng nguy hiểm: chúng có súng, còn mình tay không.

Nhưng một tiếng nổ kinh thiên động địa khiến vách hầm rung rinh như đưa văng. Nhánh cây, cành lá bay rào rào chung quanh.

Hoàng Pháp tươi cười nói:

- Thiết giáp đụng ông Địa rồi!

Tiếp theo tiếng nổ là tiếng lính Tây la ó vang rân. Rồi tới bọn partisan... Có tiếng cắc bùm bắn sể của ta và tiếng nổ giòn giã cả băng đại liên, trung liên của địch...

Chúng tôi ngồi riết dưới hầm cho tới khi im tiếng súng. Khá lâu sau, anh Hoàng Pháp mới chui ra khỏi hầm, rón rén tiến từng bước nhỏ hướng ra con đường kiểm. Chúng tôi lặng lẽ bước theo sau...

Chừng ra tới nơi chiếc thiết giáp trúng mìn thì anh em cán bộ các cơ quan đã tới trước mình khá lâu. Từng nhóm lần theo dấu máu đi tìm thiệt hại của địch. Có người chạy riết về báo tin:

- Xác Tây văng lên ngọn cây kia kìa các cha!

- Đâu? Đâu?

Thế là mọi người ùn ùn đi về phía đó. Một cánh tay dính tòn ten trên một nhánh cây, tay áo kaki vàng dẫm máu đã chuyển sang màu nâu sậm.



## CHƯƠNG IX

“Đóng nghĩa vụ” cho rừng – cái thứ “nghĩa vụ” ác ôn này không ai trốn tránh được. Tôi đã cố gắng ăn ở đúng vệ sinh ở rừng như không bao giờ uống nước suối, cố gắng không để muỗi cắn, không bao giờ ngủ trưa tới xế chiều, và lâu lâu qua Dân y xá của chị Tương xoè tay cho các cô y tá tập sự tiêm thuốc – như đã kể ở các chương trước. Thế nhưng “đúng hẹn lại lên”. Có lẽ mấy năm đầu lên miền Đông, sức khỏe của tôi còn dồi dào, sức đề kháng còn mạnh nên vi trùng gây bệnh sốt rét bị đẩy lui. Nhưng sau ba năm, vì ăn uống thất thường, không đủ dinh dưỡng nên sức khỏe kém đi, đội bạch huyết cầu trong người suy yếu không đủ sức tiêu diệt đám vi trùng gây bệnh sốt rét rừng. Thế là “ai sao mình

vậy” bắt đầu là nóng như nung, vài giờ sau lại lạnh, đắp mấy cái mền cũng không đủ, phải ra ngoài nắng mà phơi. Trị mãi không hết, người cứ suy yếu và buồn ngủ thất thường, giữa giờ làm việc lại ngáp dài, không tập trung được tinh thần, đọc trước quên sau.

Anh Ba Kỳ phát hiện tôi bệnh nặng, gửi tiền xanh cho liên lạc ra chợ Tân Uyên mua thuốc ngoại cho tôi. Quinobleu thì quá yếu còn Quinomax thì quá mạnh. Mỗi lần tiêm, tôi quắn mình đau nhức như “cá trê trắng chém” (cụm từ này tôi nói theo thiên hạ chớ chưa biết cụ thể cái nhức không chịu nổi của nạn bị cá trê trắng chém. Cho tới khi về Ba Sao, đi tát đìa mới biết cụ thể nó ra làm sao).

Bệnh đã lậm mà thuốc không đủ nên chẳng đi tới đâu. Tôi mất máu, người tái mét, rồi nước da trở thành màu vàng, bụng sưng to lên phía bên trái. Dân trong rừng gọi là sưng trái báng (y bác sĩ gọi là sưng lá lách)...

Anh Ba Kỳ nảy ra sáng kiến: vừa tiêm thuốc ngoại vừa đưa ra bờ sông đổi gió, vừa ăn uống đầy đủ có thể trị dứt bệnh nhanh hơn là tiếp tục ở trong rừng sâu (Lúc đó Ty Thông tin đóng ở Suối Sâu, giữa Tân Lợi và Bàu Cá Trê.)

Một sáng đẹp trời, anh Ba Kỳ đưa cho tôi mấy hộp thuốc trị đau gan Hépagyl và bức thư giới thiệu tôi với đồng chí Chủ tịch xã Tân Tịch nhờ giúp. Đồng thời anh bảo ông Cần cấp dưỡng xúc đúng mười mấy lít gạo tiêu chuẩn hàng tháng của tôi đưa tới tận nhà ông Chủ tịch Chín Nghĩa.

Khi hai chúng tôi tới nơi thì anh Chín Nghĩa đang họp ngoài đình. Chị Chín đọc thư anh Ba Kỳ, nhìn tôi từ trên xuống dưới rồi gật đầu nói:

- Anh Thân cứ yên tâm ở đây với vợ chồng tôi.

Rồi chị nhìn xuống hai thúng gạo cười, hỏi ông Cần:

- Gạo gì đây ông?

Ông Cần chỉ tôi:

- Gạo tiêu chuẩn của anh Thân...

Chị Chín cười lớn:

- Mấy ông ở cơ quan nguyên tắc quá! Thôi, ông gánh về đi. Anh Thân ở đây, vợ chồng tôi ăn sao, anh Thân ăn vậy. Không có chuyện nấu cơm riêng hay hùn gạo.

Cả tôi và ông Cần phân vân trước quyết định của chị Chín. Đang đắn đo suy nghĩ thì may sao anh Chín quên thứ gì đó quay về nhà. Nghe chị Chín tóm

tất câu chuyện Ty nhờ Chủ tịch xã cho tôi ở nhờ để trị bệnh, anh Chín vui vẻ ôm chầm lấy tôi:

- Anh Thân cứ ở đây với vợ chồng tôi. Còn số gạo này đã lỡ gánh ra đây thì để lại đây. Không lẽ bắt ông già gánh về cả chục cây số? Nhưng tháng sau thì dứt khoát không gánh gạo ra đây... – Anh chỉ bồ lúa – Không lẽ bồ lúa như vậy nuôi thêm một người không đủ?

Ông Cần an tâm quay trở về Tân Hòa mua rau cải lo hai bữa cơm cho cơ quan như thường lệ.

Anh Chín chỉ cái hầm núp đào ngay trong nhà. Hầm có nắp dày cỡ năm tấc. Đất sét trắng đã khô cứng. Anh lấy chiếc chiếu trải lên nắp hầm:

- Chú Thân ngủ đây. Hễ nghe moóc-chê Tân Uyên “đề pa” thì nhảy xuống hầm. Nếu moóc-chê thì mười giây sau mới nổ, còn cà-nong thì nổ ngay tức khắc. Mình chỉ sợ trái đầu mà thôi. Nếu chú muốn nằm vững thì cứ giăng từ cột này qua cột kia, ngay trên nắp hầm này.

Anh Chín đi rồi, chị Chín lại tiếp tục giới thiệu sanh hoạt trong nhà:

- Dưới bến sông có bắc cầu để tắm giặt và gánh nước. Nhưng mấy lúc này Tây hay kích bên kia bờ bắn sang. Bà con mình chỉ xuống bến sông vào

ban đêm. Nếu chú muốn tắm giặt thì ra giếng, kế bên gốc cây sa-bô-chê. Tắm giếng an toàn hơn...

Thấy tôi lục ba-lô, chị Chín nói tiếp:

- Nếu chú muốn tiêm thuốc thì tới cầu Rạch Rớ. Có ông thầy chích mới về cất nhà ở đó. – Chị cười thật hồn nhiên – Không biết ông ta ở đâu tới đây mà thấy bà vợ còn trẻ măng với đứa con chưa dứt sữa.

Tôi xin phép được giăng võng như anh Chín đã gợi ý. Chị Chín gật:

- Chú giăng sát nắp hầm, có gì tuột xuống cho lẹ.

Thấy tôi có mang theo cây đàn Mandoline, chị cười thích thú:

- Lát nữa thằng Long, thằng Trung về, tụi nó thấy chú có đàn, thế nào tụi nó cũng bắt chú dạy hát...

Ban đầu tôi hơi ngại cảnh ăn nhờ ở đậu với những người mình không quen. Nhưng ngay phút giây đầu tới đây, tôi không thấy xa lạ mà có cảm tưởng như đã gặp nhau ở đâu đó. Nằm võng nghĩ mãi một lúc mới biết mình là cán bộ dân vận, quen công tác quần chúng, học ở anh Tư Phú khi làm công tác làng kiểu mẫu ở Nhơn Hòa Lập. Nhà nào



mình cũng vô được và kiếm chuyện làm quen, nói năng thế nào cho họ chịu tiếp mình trong nhà. Cái khó là vô nhà dân, còn vô nhà cán bộ, nhất là nhà Chủ tịch xã lại càng dễ hơn, vì Chủ tịch xã cũng là cán bộ ở cấp xã. Đã cùng một hiệu cán bộ với nhau thì dễ hòa hợp với nhau.

Một lúc sau, hai thằng Trung và Long đi học về. Thấy nhà có khách, chúng bu quanh dòm ngó và khi thấy cây đàn tôi treo trên vách, thằng Long khoái chí nắm chân tôi, hỏi:

- Cây đàn của chú hả? Lấy xuống đàn vài bản nghe đi chú.

Chị Chín rầy lấy lệ:

- Để chú Thân nghỉ. Chú đang mệt. Chiều mát rồi chú đàn cho bây hát.

Nhưng tôi xuống võng, lấy đàn so dây:

- Hai đứa muốn hát bài gì?

- Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng.

Tôi dạo đàn rồi đếm một, hai: Ai yêu Bác...

Hai đứa nhỏ hát theo, hăng hái, say mê lắm.

Hết bài này kế tiếp bài kia, đàn hát khá lâu. Tới lúc chị Chín giao con bé đang nằm trên võng cho thằng Long để chị đi nấu cơm, cuộc đàn ca mới

tạm ngưng. Hai đứa nhỏ càng giúp tôi thanh thản khi tá túc trong ngôi nhà lá nhỏ mà ấm cúng này.

Đến ngày thứ hai, tôi mới biết vợ chồng Chủ tịch Chín Nghĩa là ai.

Đêm khuya, gió sông thổi mát lạnh làm tôi thức giấc. Lắng nghe tiếng lá trong vườn lao xao, lòng tôi man mác buồn: sức khỏe suy kém là trở ngại lớn trên con đường phấn đấu của mình. Tôi nhớ anh Nguyễn Trạc, Phó ty Thông tin Biên Hòa khi tôi lên miền Đông. Anh hơn tôi vài tuổi, trình độ văn hóa trung học, quê miền Trung, rất tích cực, đảng viên đảng Dân chủ. Anh Trạc rất thích tôi, cố thuyết phục tôi vô đảng Dân chủ. Nhưng tôi đã từ chối. Vì tôi đã được anh Bảy Định kết nạp vào Đảng Cộng sản ở báo *Chống Xâm lăng* (dự bị) và anh Tư Phú kết nạp ở Sở Thông tin Nam bộ (chánh thức). Không bao lâu anh Trạc bị sốt rét ác tính rồi chết, chôn ở bìa rừng. Mỗi khi đi ngang qua mộ anh bên khóm hoa rừng nở tím, tôi lại nghĩ đến phiên mình. Những lúc đó, tôi lại càng mang ơn anh Ba Kỳ. Ngay từ đầu, anh Ba đã coi tôi như người em. Tôi không thể quên đêm hai anh em ngủ ở Trạm Tổng phát hành-kinh Ba, đầu hôm, anh lấy khăn rằn đắp lên bụng tôi, bảo: “Giữ cái bụng cho ấm. Mình đi đường xa, nên giữ gìn sức khỏe.”

Về Ty, anh luôn luôn chăm sóc tôi, trước nhất vẫn là sức khỏe. Khi tôi bị bệnh, anh lo thuốc men và sau cùng nẩy ra sáng kiến gởi tôi ra bờ sông nhờ anh Chín Chủ tịch xã chăm sóc giùm...

Tôi đang nghĩ tới đó thì con bé Thanh khóc ré lên. Chị Chín cất tiếng ru, giọng khàn khàn:

*“Bờ sông xanh chiều hôm nay buộc ngựa,  
Kiếm gỏi đầu theo gió thả hồn cao...”*

Tôi giật mình. Sao chị Chín biết bài thơ này?  
Con bé ngủ rồi, chị Chín mất giấc ngủ. Chị hỏi nhỏ anh Chín:

- Anh Tư, thức ngủ?

Anh Chín Nghĩa là dân Chợ Quán, thứ Tư. Anh đã có gia đình rồi, nhưng vì lý do nào đó mà ly dị, lên Tân Uyên lập nghiệp. Do duyên trời định, anh gặp chị Chín tại Tân Tịch. Chị Chín là y tá Nhà thương Diên Biên Hòa, cũng không rõ vì sao chán nghề bỏ cuộc (Những chi tiết trên tôi được nghe chị Chín kể mấy tháng sau, khi tôi đã trở thành người nhà.)

- Còn thức. Có gì không?

- Hai đứa nhỏ coi bộ mển chú Thân.

- Ờ, con nít mê đàn hát.
- Anh có thấy chú Thân có gì khác thường?
- Không thấy. Cái gì khác thường?
- Tôi thấy chú ấy có vẻ trí thức...
- Ờ, chắc là vậy. Dân Sài Gòn mà...
- Cho nên tôi thấy tội nghiệp cho chú ấy quá!
- Sao tội nghiệp?
- Anh không thấy chú ấy đắp mền bằng cái võng bao bố sao?
- Vậy à? Chắc không được gia đình tiếp tế.
- Tôi tính khi nào có tiền, mình mua cho chú hai thước kaki may võng...
- Ờ, chừng có tiền sẽ tính...

Nghe hai vợ chồng anh Chín bàn trong đêm, tôi thấy đỡ tủi thân. Trong Ty có vài anh em quê Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, Biên Hòa được gia đình gửi tiền bạc, quần áo, thuốc men, sống thoải mái, lâu lâu rủ nhau ra xóm mua gà nấu cháo đậu xanh cải thiện. Khi biết chuyện “xé lẻ” này, tôi không nói gì, chỉ âm thầm tách ra xa, đồng thời có phản ứng kiểu anh hùng rơm hay quân tử Tàu: “Uy vũ bất năng khuất, bần tiện bất năng di, phú quý bất năng dâm”. Về sau, khi đọc tuồng “Tiết Cương chống búa”, tôi rất tâm đắc hai câu thơ hay:

*“Lao xao sóng vỗ ngọn tùng,  
Gian nan là nợ anh hùng phải vay”.*

Đúng vậy! Kháng chiến mà no đủ quá thì lấy gì mà hãnh diện? Rồi chợt nhớ kịch *Le Cid* của Corneille “À vainere sans péril, on triomphe sans gloire” (Chiến thắng không nguy hiểm, khả hoàn không vẻ vang).

\*  
\*   \*

Sáng hôm sau, tôi đi ngược về cầu Rạch Rổ nhờ ông thầy chích tiêm cho một mũi Héparyl. Đúng như chị Chín nhận xét, ông thầy đã năm mươi mà cô vợ chưa tới ba mươi. Lúc trở về, tôi gặp bà má Hai ở mái lều kế bên nhà chị Chín. Lều dựng tạm trên nền gạch cao, trước đây là nhà ngói ba căn, bị đốt trong những năm đầu kháng chiến theo chủ trương tiêu thổ, không để nhà nguyên vẹn cho Tây chiếm làm nơi đóng quân. Gặp tôi ngồi trên vông ngay nắp hầm, má Hai hỏi chị Chín:

- Ai đây hả Chín?

- Chú Thân ở Ty Thông tin, ra đây dưỡng bệnh.

Bà cụ nhìn tôi gật gù rồi đi tới bờ lúa, lấy ra một nải chuối chín vàng rực, một trái măng cầu



xiêm, mấy trái sa-bô-chê. Bà đặt tất cả lên một cái rá mây, tươi cười nói với chị Chín:

- Bữa nay anh Tám mầy về, mầy có món gì ngon cho nó ăn? Còn tao thì có mấy thứ này. Toàn là cây nhà lá vườn.

- Hôm qua con có ngâm bột rồi, chút nữa con đổ vài cái bánh xèo cho ảnh thay đổi khẩu vị.

Tôi chưa biết anh Tám mà hai má con bà má Hai nói là ai. Chừng khoảng chín giờ, có tiếng vó ngựa phía sau vườn. Rồi tiếng vó ngựa đi chậm lại từng bước, tới sát bên nhà. Người kỵ mã xuống ngựa, cột dây cương vào gốc cây sa-bô-chê trước giếng, thong thả bước vô lều. Má Hai chạy nhào ra ôm lấy. Từ trên cánh võng trong nhà chị Chín, tôi nhận ra anh Tám mà má con má Hai nhắc hồi nãy là anh Tám Nghệ, nhà thơ-chiến sĩ tôi yêu mến, thơ cũng như người. Bất giác, hai hình ảnh trái ngược hiện ra trong mắt tôi. Một Tám Nghệ võ tướng chiến thắng phi ngựa trở về trong cát bụi tung bừng, là hình tượng của dũng tướng trong chiến chinh và giờ đây, trước mắt tôi một Tám Nghệ ngoan hiền, dịu dàng là đứa con hiếu thảo trước bà mẹ già.

Bà mẹ lằng xằng xẻ măng cầu xiêm hối thúc con ăn. Chưa xong lại gọt sa-bô-chê trao tận tay.

Thấy cảnh sanh tình, tôi chợt nhớ tới má tôi. Chuyện buồn cười lúc lên bảy mà nay nhớ lại cũng còn lằng lằng. Thuở sơ sinh, tôi èo uột, thuộc loại “tiên thiên bất túc” bệnh hoạn, khóc nhây tới một trăm ngày. Má tôi cực khổ với tôi hơn bất cứ đứa con nào hết. Vậy mà trở trêu thay, người mẹ lại thương những đứa con “cầu tự” nhất nhà. Muốn gì được nấy. Không chiều không được trước tánh đồ lý của tôi. Mỗi khi má tôi đi xóm, tôi níu áo xin theo. Nói cách nào cũng không được, bà đành cởi áo nằm nhà. Còn chuyện này mới “thất cười”. Tới mùa xoài, má tôi thường mua cả chục cho cả nhà. Chưa ngã giá, tôi đã xấn bản bên gánh, thúc giục: “Mua đi má”. Mua rồi má gọt một trái ăn thử. Phần tôi hết nửa trái.

Vẫn chưa đủ. “Gọt nữa đi má!...”. Thấy tôi “xấu chứng”, bà gọt luôn ba bốn trái. Ban đầu tôi ăn ngon lành. Đến khi no rồi mà vẫn bị dứt nhét, chừng đó mới biết là mình bị trừng trị bằng cách ép ăn hết sức ngọt ngào nhưng không tài nào ngốn thêm được nữa!

Nhìn thấy bà má Hai xăng xái bồi dưỡng cho anh Tám Nghệ, tôi thấy bà mẹ nào cũng thương yêu con. Thật là có phước có phần được sống lâu bên

mẹ. Tự nhiên tôi thầm đọc bài thơ *Mộ bia* vừa xem hôm qua.

*Khi mẹ chết, con làm thơ bằng máu.  
Đá mộ bia khắc đậm nét bài thơ  
Chạm hình mẹ, áo khăn tơ tả rách  
Và chung quanh nheo nhóc đám con khờ.*

*"Dưới mồ sâu mẹ hiền đang an nghỉ  
Giấc đầu tiên từ độ có con thơ.  
Đời tần tảo mồ hôi chưa kịp ráo  
Con chưa khôn mà mẹ đã xuống mồ."*

*"Giờ nằm đây thân khô như cây sậy  
Vì mồ hôi đã chảy hết vì con  
Cạn nước mắt khóc đứa con thi sĩ  
Triệu vắn thơ vương vấn mãi tâm hồn."*

*"Khách qua đường ơi, khóc giùm tôi với!  
Lệ thơ tôi dù sẽ chảy ngàn năm,  
Chảy muôn năm cũng không sao chuộc nổi  
Một nụ cười cho mẹ dưới mồ câm!"*

Đến trưa, chị Chín bưng mâm bánh xèo qua cho anh Tám. Sau đó mang bình trà ngon cho anh tráng miệng. Xong đâu đấy, anh ôm má Hai khá lâu trước khi lên ngựa trở về văn phòng Trung đoàn. Vẫn đi phía sau vườn...

Suốt ba tháng nằm điều dưỡng nơi nhà anh chị Chín, tôi được chứng kiến tình mẹ con như thế rất nhiều lần. Và mỗi lần như thế, tôi lại nhớ một bài thơ của anh Tám viết về mẹ mình. *Bà bán cau*, theo tôi là một trong những bài hay nhất của anh.

*Nắng hạn đường xa nổi chân mây...*

*Còn đi đâu, đi mãi hỡi ai?*

*Mặc gánh nặng oằn, hai vai chịu,*

*Dưới trời mưa lửa chỉ chau mày.*

*Mẹ ơi! Cảnh ấy dẫu trăm năm,*

*Ngàn năm, hay muôn vạn ngàn năm*

*Một phút sau này con còn sống*

*Cảnh kia còn đốt mãi lòng con.*

*Con đường xe cong uốn trên đồng khô,*

*Xóm làng xa, nắng chang, lim dim ngủ,*

*Trời cao, cao vút điểm mây khô,*

*Từ giữa trời xanh: nguồn nắng đỏ.*

*Trên đường cát xa thăm thẳm ấy,  
Bà bán cau, gánh nặng trên vai oằn,  
Lẹ làng đi, dưới chân cát cháy  
Nón, dù đâu? Nắng đốt chiếc khăn rằn.*

*Gió bốc khói tung lên cuộn bụi trắng,  
Xóm mờ xa khuất dạng sau rừng tre.  
Mồ hôi chảy vòng quanh đôi má rười  
Bà bán cau bước mãi dưới trưa hè.*

*Động lòng, bóng cây thâm nhắc nhủ  
“Bà má ơi! Ghé gánh nghỉ chân già!”  
Nhưng không nghe, bà cứ đi, đi mãi,  
Nhớ chiều nay, trước ngõ, đảm con chờ.*

Suốt mấy tháng tôi ăn dầm nằm dề nơi bờ sông Đồng Nai, tàu lồng cu lên bán phá nhiều lần. Lần đầu thì sợ lắm, nhưng mấy lần sau thì quen. Gia đình anh Chín có kế hoạch “chạy Tây” rất khoa học. Luôn luôn đồ đạc được sắp xếp có thứ tự, thứ nào chỗ nấy. Hễ nghe hơi tàu lên thì chuyện ai nấy làm. Tân Tịch được lợi thế nằm cách thị trấn Tân Uyên khoảng mười cây số. Khi mấy chiếc lồng cu xuất phát từ Tân Uyên, chúng phải tới Tân Hòa rồi mới

tới Tân Tịch. Nghe tiếng cà-nong và đại liên trên tàu nổ ở Tân Hòa, chị Chín quơ hai thúng, một thúng có sẵn bao gạo, khô mắm, chén đĩa, dưa muống, muối, tiêu, nước mắm... Một thúng nhét quần áo mấy đứa nhỏ rồi đặt con Thanh lên trên, gánh chạy trên bờ ruộng thẳng vô mí rừng khoảng một ngàn thước. Anh Chín dắt cặp trâu theo sau chị Chín. Thành Long quất con heo chạy theo cặp trâu. Con heo đã từng chạy Tây nên ngoan ngoãn chạy, không cần cậu chủ nhỏ quất roi vô dít. Còn tôi đi sau cùng, trông coi bé Trung... Cứ chạy lúp xúp như vậy cho tới bìa rừng thì tàu lồng cu cũng vừa vắn tới nổ súng như vãi trấu vô xóm. Trong bìa rừng, gia đình nào cũng dựng một chòi lá đơn sơ để tránh nắng đụt mưa. Nếu tàu chỉ lên bắn phá chớ không có bộ binh cần quét, bà con yên trí lớn, giảng võng nằm nghỉ. Riêng anh Chín thì có sáng kiến nhúm lửa bắc chảo rang vài nhúm đậu phộng nhai cho đỡ buồn. Có lần anh cao hứng thắt đường móng trâu làm kẹo đậu phộng. Không gì thú vị bằng nằm võng nhời kẹo đậu phộng ở bìa rừng chờ tàu Tây rút về Tân Uyên.

Tôi học được nhiều điều hay nhờ tá túc ở gia đình anh Chín. Sau vườn là đồng lúa. Anh Chín có làm một cái sa cá. Đêm đêm, tôi xách đèn bão theo



anh ra sa bắt cá về cải thiện. Chỉ có các loại cá nhỏ, lớn nhất chỉ bằng hai ngón tay, nhưng nhờ nhiều nên cả nhà ăn không hết.

Nhờ tiêm mấy hộp Hépagyl và nhất là “ăn theo” chế độ gạo trắng (thay vì gạo ẩm) cá tươi (thay vì khô sặt từ kinh Ba tải về) tôi hết chứng sốt rét kinh niên, hết sưng lá lách và da cũng bớt vàng. Sức khỏe khá dần, tôi theo anh Chín ra miếng đất trước nhà sát bờ sông trồng dưa hấu chuẩn bị ăn Tết. Không gì vui bằng mỗi sáng ra vườn chăm sóc mấy dây dưa. Trái lớn trông thấy từng ngày. Nhìn những trái to bằng bình tích bên các cọng dây mỏng mảnh, mình mới thấy sự diệu kỳ của thiên nhiên: trái to hơn dây, thế hệ sau sung mãn hơn thế hệ trước. Con hơn cha, nhà có phước. Ngồi trong đám dưa mà mình nghĩ vớ vẩn đủ thứ chuyện trên đời.

Là người nhà của anh Chín, chị Chín, tôi thường qua lều bà má Hai để nghe bà kể chuyện đời xưa.

Chồng chết sớm, bà bán cau nuôi bảy con thơ – Tám Nghệ ăn học thành tài nhưng không giúp gì được các anh chị em vì hoạt động cách mạng. Bà tần tảo làm ăn, dành dụm cất được ngôi nhà ngói ba căn, ở chưa được lâu, phải tiêu thổ kháng chiến. Lúc

đầu còn cất nhà khang trang, Tây đốt mấy lần, nay chỉ che chòi. “Ăn nhiều chớ ở bao nhiêu.”

Bà đưa tôi thăm vườn cà của bà. Cuốc đất ngay trên nền nhà, bà trồng cà tím, trái sai và to. Bà nói:

- Mình học mấy thằng lính Nhựt. Hồi đầu kháng chiến tụi nó theo anh Tám mấy cả tiểu đội. Tụi nó nói trồng cà trên nền nhà cũ, trái nhiều và to. Đúng là như vậy. Ăn hết lứa này mình trồng lứa khác. Thêm phân tro cho cây sung lên...

Má Hai già rồi vẫn giữ tác phong lao động, không thấy ngồi không bao giờ. Chính nhờ lao động chân tay mà sức khỏe của bà bình thường, ít khi cảm cúm. Tánh bà tự lập, không muốn cậy nhờ ai. Chị Chín ở kế bên mà bà lại nấu ăn riêng.

Có một điểm tôi phục bà “sát đất”: bà không hề chạy Tây. Mỗi lần tàu Tây lên bắn phá hay đổ bộ, bà chỉ xuống hầm anh chị Chín đào ngay trong lều, sát bên cái giường tre của bà (Sau hòa bình, má Hai ở lại Tân Tịch cũng như anh chị Chín. Chòi của bà là điểm hẹn tiếp tế thuốc men do anh chị Chín cung cấp cho anh em trong Khu. Bà má Hai đã để lại giai thoại cực kỳ hấp dẫn trong trận Phước Thành (8/9/1961).

## CHƯƠNG X

Tháng Tám năm 1951, được tin Trung tướng Nguyễn Bình chuẩn bị ra Bắc, anh Tám Nghệ vội vàng phi ngựa lên Long Nguyên gặp anh Ba. Đôi bạn mới biết nhau có mấy năm, cụ thể là từ tháng 10/1945 tới nay được năm năm, nhưng hai người ở Chiến khu Đ chừng trên một năm. Chỉ trong thời gian đó, được gần gũi nhau, hai tâm hồn đồng điệu gắn bó với nhau thân thiết như Bá Nha - Tử Kỳ. Anh Tám mẫn tài chỉ huy quân sự, chiến lược thấy xa cộng với lòng dũng cảm của anh Ba, còn anh Ba kính trọng khí phách hiên ngang và tâm hồn thơ giang hồ mã thượng của anh Tám. Tin anh Ba Bình về Bắc đến quá đột ngột khiến anh Tám ngẩn ngơ.

Tối căn cứ Long Nguyên trên Bến Cát, đôi bạn ôm choàng thắm thiết. Anh Ba Bình ngâm một câu trong bài thơ *Rừng nhớ người đi* với giọng ồ ồ: *Ngày đi có bướm chim đưa tiễn* để tạo không khí tươi vui, nhưng anh Tám đã kéo anh Ba ra nơi khuất.

Nhìn anh Ba, anh Tám thấy lo ngại:

- Sức khỏe anh Ba không được tốt?
- Máy ngày nay mình cảm sốt.
- Hay là ta hoãn ngày lên đường? – Anh Tám đề nghị.

- Khó lắm! Đâu đấy đã chuẩn bị xong xuôi. Ngày lễ chia tay cũng đã làm rồi. Phải xúc tiến thôi. Người chiến sĩ không có thói quen lùi bước. Mình chỉ cảm xoàng thôi. Rồi sẽ khỏe mạnh lại như bao lần trước đây.

### Tám Nghề lác đầu:

- Anh Ba chớ chủ quan. Lên đường lúc đầu yếu là không hợp lý. Đường về Bắc xa xôi ngàn dặm, lại băng rừng, lội suối, trèo núi, lại phải tránh địch mà đi. Mạnh khỏe còn thấy mệt cầm canh, huống gì đang ươn yếu. Anh Ba nên suy nghĩ lại.

**Nguyễn Bình như sức nhớ:**

- Có chuyện này nữa... Trước đây tôi đề nghị cho anh Tám cùng đi với tôi với cương vị bảo vệ

đoàn về Trung ương nhưng không được chấp thuận vì anh Tám đang là Tỉnh đội trưởng tỉnh Thủ Biên, một địa bàn chiến lược trong đó có Chiến khu Đ. Thay vì anh, đã có anh Võ Bá Nhạc làm phó đoàn và anh Trung đoàn phó Nguyễn Văn Sĩ (Sĩ Kiếng) làm Trưởng ban bảo vệ phái đoàn.

Tám Nghệ suy nghĩ:

- Anh Nhạc đi với anh cũng có điều hay vì anh Nhạc lâu nay ở sát bên anh, với cương vị Chánh văn phòng Bộ Tư lệnh Nam bộ. Nhưng đi đường xa, sợ sức khỏe anh Nhạc không chịu thấu. Còn anh Sĩ Kiếng thì tôi có biết. Anh này quê Gò Công, cha là thầy giáo, trình độ văn hóa tú tài, tánh tình điềm đạm có lúc là chỉ huy Tiểu đoàn chủ lực Ba Lẻ Bảy lừng danh ở Khu Tám. Giao anh ấy bảo vệ đoàn là được.

Ngày hôm sau, đôi bạn bịn rịn chia tay. Nhìn anh Ba Bình ngồi trên ngựa chậm chậm đi từng bước, anh Tám như được linh tính báo trước đoàn sẽ không may mắn trên đường thiên lý.

Và đúng như linh cảm ấy, đó là lần chia tay vĩnh viễn. Mấy tháng sau, vào cuối năm 1951, Trưởng ban Quân báo Bùi Trọng Nghĩa gửi về cho anh Tám tờ tạp chí Paris-Match số đặc biệt về cái

chết của Tướng Nguyễn Bình, Ủy viên Quân sự Nam bộ.

Cầm tờ báo lên, hai bàn tay anh Tám rung rung, nước mắt tuôn tràn. Trời ơi, người bạn kết nghĩa của anh đã ra đi không bao giờ trở lại. Linh cảm bi quan ngày ấy đã là sự thật. Tờ tạp chí đã đăng đầy đủ hình ảnh của anh Ba và viết khá nhiều bài về cái chết của anh nơi rừng già vùng ba biên giới. Đặc biệt là trích đăng những trang cuối tập *Nhật ký hành quân* của anh. Theo đó thì chuyến đi cực kỳ gian nan – hết gạo giữa rừng cả đoàn phải ăn cháo. Dù đau yếu, anh Ba Bình vẫn nhin ăn để nhường khẩu phần cho đồng đội. Những trang viết cho vợ là chị Hoàng Thị Thanh thật xúc động...

Mấy ngày liền anh Tám không ăn ngủ được. Anh tự trách mình thiếu cương quyết. Nếu ngày tiền đưa anh Ba Bình tại Long Nguyên, anh cương quyết hơn, có tinh thần trách nhiệm hơn với sanh mạng của một vị tướng ở Nam bộ thì có thể đã thuyết phục anh Ba Bình hoãn lại chuyến đi.

Chiến khu Đ càng vững vàng, không quân Pháp càng oanh kích ráo riết. Các cơ quan không bao giờ đóng lâu một nơi. Phải dời đi luôn mà vẫn bị gián điệp bám sát mật báo cho Pháp lên ném bom,



như vụ oanh kích hội nghị Đảng bộ Thủ Biên tại hội trường Ty Giao liên ở gần cầu Tân Lợi năm 1951. Hội nghị này có đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy tham dự. Rất may là phi cơ lên sau khi hội nghị nghỉ họp mười lăm phút nên không ai thiệt mạng.

Ty Thông tin dời từ Suối Sâu lên Suối Nước Trong xã Bình Mỹ. Do mật độ cơ quan đóng trên Chiến khu rất dày nên chỗ mới của người này lại là chỗ cũ của người kia. Mới về Suối Nước Trong vài tháng thì Ty bị máy bay lên tấn công ngay. Chúng tôi đang làm rẫy bên bờ suối thì con đầm già lên. Lập tức chúng tôi xuống hầm. Con đầm già quần đảo rồi ném một trái khói nơi chuồng gà cách chúng tôi năm mươi mét. Mọi người xanh mặt. Khói bốc lên từ đâu thì nơi đó sẽ lãnh bom. Vài anh em thót lên, chạy ra xa nơi nguy hiểm. Trong hầm chỉ còn tôi và một anh bạn. Cả hai đều lượng sức mình không chạy đua nước rút hơn những chiếc máy bay mà từ trong hầm mình đã nghe hơi hầm hừ của chúng. Vài phút sau một chiếc Hellcat (Mèo quỷ) xẹt tới, đánh một vòng trên đầu chúng tôi rồi chúi xuống. Một tiếng “ầm” long trời lở đất. Hầm rung rinh như lắc văng. Chừng nó đi rồi, chúng tôi lò mò lên. Một cảnh tượng làm chúng tôi lạnh xương sống:

cách chúng tôi năm mươi mét, một hố sâu và rộng bằng bốn cái nền nhà. Miếng đất trồng khoai mì bị phát ngang, nơi sâu nhất khoảng ba mét. Nếu thẳng phi công tính sai một chút thì cái hầm của chúng tôi đã bay mất như đám rẫy khoai mì và chúng tôi cũng theo ông theo bà từ lúc đó rồi. Phản ứng đầu tiên là đi thật xa nơi chết chóc này. Nhưng đi đâu rồi cũng không bằng ở nhà. Lại quanh trở về cơ quan...

Nhưng thiên tai còn ghê gớm hơn địch họa. Đêm 20/10/1952 nhằm 2/9 Nhâm Thìn, chúng tôi giăng võng ngủ ngon như thường lệ. Về khuya có mưa giông lác đác. Gió rừng thổi vi vu dưới tàng cây cầy cổ thụ sát bên lán cơ quan. Khí trời trở nên lạnh. Càng hay! Đêm càng lạnh, mình càng ngủ ngon... Chừng thức dậy, thấy mái lán xiêu một bên, nhưng may làm sao, nó chưa đổ. Nhìn ra ngoài, cây cầy đã tróc gốc ngã nghiêng một bên. May là nó nghiêng bên kia. Nếu nó ngã bên này thì đã đè nhẹp ruột anh em tôi rồi. Chui ra khỏi lán trại thì một cảnh tượng lạ lùng hiện ra trước mắt. Cả khu rừng biến mất. Cây cối ngã liệt địa. Bước thêm vài bước nữa thì thấy con suối trước nhà phình ra, rộng gấp đôi ngày thường và dòng chảy của nó thẳng băng chớ không uốn khúc như trước. Nước suối chảy như thác.

Chuyện lạ, trời đã dứt mưa từ bao giờ nhưng nước suối vẫn dâng tràn bờ. Đây là lần đầu tôi biết lũ là gì. Nó khác với lụt.

Anh Ba Kỳ tập hợp anh em lại, bàn những chuyện cần phải làm ngay như sửa chữa lại các lán trại, thu dọn đồ nghề, nhất là bên ấn loát. Riêng tôi thì anh bảo cùng đi với anh lên dốc Bà Nghiêm xem tình hình bão lụt như thế nào. Nhà báo ưu tiên được tới những nơi mà những kẻ hiếu kỳ muốn tới trước tiên.

Từ suối Nước Trong tới dốc Bà Nghiêm xã Tân Hòa khoảng năm cây số, nhưng đi lâu hơn ngày thường vì phải vạch cành, leo cây ngã ngang cản đường. Đứng trên dốc Bà Nghiêm mới thấy rõ tầm vóc ghê gớm của cơn lũ. Các làng Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, chìm dưới làn nước đang cuộn cuộn chảy về xuôi. Trên sông Đồng Nai, nhiều vạt đất bị cuốn trôi, đặc biệt có vạt đất còn chở một con nai vàng ngơ ngác đứng bên gốc tre rừng. Nước vẫn chảy xiết dưới chân dốc. Nhà cửa dưới đồng đã bị ngập cả thước nước và còn có thể bị chìm sâu thêm nữa. Quay lại thì thấy bộ đội đang dựng lều bạt và các bà má đang lui cui nấu cơm tiếp tế cho bà con bị

ngập lụt dưới đồng. Một chiếc tam bản cặp bến. Anh Tám Nghê nhảy lên bờ:

- Tập trung ghe xuống rước bà con dưới đồng lên đây. Nước còn dâng lên mấy ngày nữa. Ưu tiên cho bà già và con nít...

Lính đã truyền, các đơn vị lần lượt chèo ghe ra rước bà con dưới đồng lên dốc Bà Nghiêm. Nơi đây đã có cơm nước nóng và võng dù cho người già nghỉ lưng. Nước cứ dâng, bộ đội cứ chèo ghe cứu nạn. Các bà má, các chị chiến sĩ cứ lo cơm nước, lều võng cho bà con chạy lụt. Một cảnh tượng “lá lành đùm lá rách...”

Mấy ngày sau tôi còn biết thêm chuyện hấp dẫn hơn. Lính thân binh kẹt trên các lô cốt ven bờ sông chờ đợi hoài mà không thấy cấp trên tới tiếp tế hoặc di tản. Nước cứ dâng cao, ngập tháp canh, chúng phải trèo lên nóc phát khăn trắng xin dầu hàng và xin được cứu khỏi “cái nhà mồ cao cẳng” đang bị hà bá thủy quan nhận chìm từng phút, từng giây. Có ai ưa đám lính ăn cướp cạn này. Chúng như đám thủy khấu ỷ có súng bắt nạt ghe thương hồ nạp tiền mãi lộ, không tiền cũng chuối, bưởi, khoai củ v.v... Nhưng anh Tám bảo anh em bộ đội:

- Đây là dịp “thêm bạn bớt thù”. Mình đâm xuống ra cứu vớt anh em. Cái lợi trước mắt là được súng tốt. Cái lợi lớn hơn súng tốt là loại bớt quân số trong hàng ngũ quân đánh thuê...

Tôi thích thú trước những khám phá trên dốc Bà Nghiêm tạm thời biến thành trung tâm cứu nạn nhân bão lụt Nhâm Thìn. Lúc này không phải là lúc viết báo, tuy nhiên tôi vẫn tích lũy các thông tin đầy tình nghĩa và nhớ ngay hai bài thơ *Bờ sông bị chiếm* và bài *Chiến khu Đ chống bão* để đối chiếu:

*Mất cả bờ sông xanh  
Mất luôn con đường đá đỏ  
Thôi hết rồi nước ngọt  
Thôi hết rồi gió mát bờ tre  
Gái Tân Uyên ứa lệ trưa hè  
Thương vườn cũ dâu, chè không ai tưới.  
Trai Tân Tịch về bờ sông hái bưởi  
Cũng chết oan dưới mũi súng quân thù.  
Mỗi mòn thương nhớ người xa,  
Vườn xơ xác gốc trầu buồn ủ rũ  
Dây kềm gai rồi nuôi đường bến cũ  
Mắc cỡ tây chụp phủ bãi rau lang  
Hàng tháp canh như chó dữ nhe răng*

## CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI

---

*Từng loạt súng dọa ánh trăng, dòng nước.  
Tàu há mồm, chuyển xuôi, chuyển ngược  
Chỉ sâu thêm mặt nước, vết cãm hờn.*

.....

**(Bờ sông bị chiếm)**

Cãm thù lữ giặc trên tháp canh như chó dữ  
nhe răng, nhưng trong cơn bão lụt... lòng nhân đạo  
đã quên lời thù hận:

.....

*Đồn Rạch Đông nước ngập sắp trôi  
Lính ngụy lên nóc đồn kêu cầu cứu:  
“Huyện đội Vĩnh Cửu ơi.... Vĩnh Cửu,  
Cứu chúng em, ơn trả, nghĩa đền”  
Chiến sĩ ta, cười reo lên  
Nghe lệnh đồng chí chính trị viên:  
“Chèo nhanh lên, cứu chúng nó...”.*

.....

**(Chiến khu Đ chống bão)**

Trận bão lụt năm Nhâm Thìn (20/10/1952)  
gây tai họa to lớn cho miền Đông Nam bộ mà nặng  
nề nhất là Chiến khu Đ. Gạo khan hiếm, quân và  
dân trong vùng chỉ trông cậy vào các rẫy khoai mì



trồng như rừng nơi các nông trường Cây Chanh, Hàn Dài dọc bờ con sông Bé. Nhưng lũ lụt tràn ngập các nông trường này quá lâu khiến củ mì chạy chỉ và mục thúi, không ăn được. Phải cấp tốc tăng gia trồng các thứ lương thực ngắn ngày như khoai lang, bắp, và đậu xanh.

Bấy giờ, tất cả các cơ quan trong Khu đều ngưng hoạt động chuyên môn để tập trung nhân lực vô công tác cứu đói. Tất nhiên chủ trương này linh động bố trí các ngành thực sự cần thiết như: y tế, giao liên, quân báo tiếp tục làm công việc chuyên môn của họ.

Riêng ngành thông tin thì đưa hết nhân viên lên nông trường Cây Chanh và Hàn Dài tăng gia sản xuất.

Tôi được bố trí trong nhóm trồng đậu xanh tại Cây Chanh. Xin giới thiệu qua về nông trường này. Cây Chanh là một ấp bên bờ sông Bé, thuộc vùng Phước Hòa. Đất ở đây là đất bột màu đỏ. Cực kỳ màu mỡ, phì nhiêu... Ty đã có cơ sở tại đây với một đội sản xuất chuyên nghiệp, có lán trại, vũng dù dàng hoàng. Nay được tăng cường cả đội ba chục người, công việc đầu tiên là dọn cây, cắt tranh về xây dựng lán trại mới. Việc này được phân công hợp

lý: trẻ đốn cây, già cắt tranh, nữ lo cơm nước. Đêm ở nông trường thật vui. Vong giảng chỉ chút, nhóm này giao đầu với nhau tâm tình, nhóm kia đốt lửa kể chuyện tiểu lâm, ngọt có, mặn có. Đây là những lúc vui nhộn hết cỡ, không còn ai nghĩ tới chuyện ăn cơm độn, một củ mì công vài hột cơm.

Trong tổ trồng đậu xanh, công việc của tôi rất nhàn. Một người đi trước cuốc lỗ, tôi đi sau bỏ vài hột đậu vô đó rồi quơ chân khỏa lấp lỗ lại. Cứ vậy mà làm cho tới lúc keng báo hiệu hết giờ.

Lao động vừa phải, tắm sông mát mẻ, ăn cơm ngon miệng, tối sanh hoạt vui vẻ, đêm ngủ ngon giấc, tôi thấy khỏe ra. Thú vị nhất là mỗi sáng, trước khi ra rẫy, anh em lãnh vài củ khoai ăn sáng, lãnh một ống tre nước rễ tranh nóng để giải khát. Rễ tranh nấu chung với dây và củ hà thủ ô mọc đầy trảng. Mỗi ngày, các tổ cuốc tranh dọn bãi có người yếu theo sau lượm rễ tranh cột thành bó đồng thời nhổ dây hà thủ ô đem về cho nhà bếp nấu đầy chảo. Nước rễ tranh là thứ nước uống duy nhất trong nông trường. Hàng ngày, tôi uống ba ống nước rễ tranh. Không hề biết đó là một thứ “cam lồ” có tác dụng bồi bổ cơ thể. (Nay tôi đã bảy mươi ba – nói theo Nguyễn Công Trứ “Ngũ thập niên tiền, nhị thập

tam” (Năm mươi năm trước tứ hăm ba) mà kỳ lạ thay, mái tóc cổ lai hy vẫn đen mượt, khiến nhiều chị bạn tò mò thò tay sờ nắn xem tôi có nhuộm hay không.)

Trở lại những ngày làm nông trường viên tài tử của tôi ở Cây Chanh. Cuộc sống ở đây thật đúng là vô sản chân chính. Ai cũng như ai, đồng cam cộng khổ. Làm việc theo sức mình, hưởng thụ theo sức mình. Chẳng hạn như tôi, yếu nhất, mỗi ngày ra rẫy bỏ hạt đậu xuống lỗ rồi đưa chân khỏa lấp, lao động nhẹ, hao ca-lô-ri ít hơn người cuốc lỗ, nhưng tới bữa ăn vẫn lãnh khẩu phần như nhau. Đẹp quá!

Về già nghĩ lại, đó là chế độ cộng sản trại lính, xã hội đồng hạn, ai cũng như ai. Tuy công bằng nhưng chế độ đó chỉ phù hợp vào lúc ấy. Không có nhân tài vượt lên để có sáng chế phát minh, nâng cao khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất. Xã hội cần nhân tài. Vì nhân tài là vốn quý của đất nước. Nói nôm na là “một người biết tính bằng chín người làm.”. Đến thời mở cửa, ta theo kinh tế thị trường “có định hướng xã hội chủ nghĩa” thì mới thấy vai trò của nhân tài trong môi trường công kỹ nghệ và kinh tài là tối cần thiết.

Tuy biết vậy, con người tôi vẫn thích sống những ngày đó. Thế mới là lạc hậu một cách khó hiểu (nhưng với tôi thì đó lại là một thời kỳ cao đẹp nhất đời: thời kỳ Nghiêu Thuấn, của rơi không ai nhặt, nhà nhà không đóng cửa, khách lỡ đường có thể ghé vào xin tá túc dễ dàng.)

## CHƯƠNG XI

Sau bão lụt Nhâm Thìn, chưa bao giờ chúng tôi ăn sang như vậy. Đậu xanh thu hoạch đem ra ăn thay cơm. Thứ đậu này trước đây mình chỉ ăn chút ít-như bánh tét bánh ích, nay ăn cả chén. Ban đầu còn thấy thơm, ngọt, béo, bùi, nhưng ăn mãi cũng bắt ngán...

Thời gian và lao động hàn gắn tất cả mọi gian khổ trên đời. Vài tháng sau, không ai còn nhớ tới trận lũ lụt lớn nhất trong vòng đôi ba chục năm qua. Các cơ quan bắt đầu hoạt động chuyên môn trở lại.

Lúc đó có chủ trương đưa cán bộ xuống huyện và xã củng cố từ cơ sở. Trong Chiến khu Đ có xã Lạc An là tương đối sung túc hơn hết nên tôi xung phong về Lạc An. Trong những năm đầu chiến tranh, Lạc

An chính là nơi đặc phái viên Trung ương Nguyễn Bình lập đại bản doanh cho tới khi ông được chỉ định làm Khu trưởng Chiến khu 7. Cán bộ thông tin xuống xã – nói xin lỗi – chuyên môn ăn chực đồng bào. Tuy có mang ruột ngựa lưng lưng vài lon gạo, nhưng có nhà nào cho mình trút gạo vô nồi của họ đâu. Lãnh đạo khuyên nên tới các nhà nghèo mà ở vì bản cổ nông là đồng minh khăng khít của cách mạng. Riêng tôi chọn nhà có ăn. Vì người ta đã nghèo, mình vô chia cơm sao đành? Còn vô nhà giàu thì chưa chắc người ta thích cán bộ. Thế là tôi theo thuyết trung dung, chọn những nhà vừa đủ ăn.

Trước tiên tôi tới trình diện anh Chủ tịch xã Lạc An. Có chuyện lạ, anh này là người tỉnh khác tới sanh sống ở đây, được bà con tín nhiệm bầu lên làm Chủ tịch. Anh và gia đình sống thoải mái, có ruộng sâu, trâu nái. Với tư cách là người từ xa tới lập nghiệp – dường như là Bến Tre – anh tiếp tôi thân ái như anh Chín Nghĩa ở Tân Tịch. Thân ái như kiểu “tha hương ngộ cố tri” vậy. Thế là tôi ở luôn trong nhà anh Chủ tịch. Nói ở luôn nhưng thật ra nhà anh Chủ tịch chỉ là trạm, còn hằng ngày tôi đều đi công tác ở các xóm. Đụng đâu ăn đó.



Ngày kia, có anh Nguyễn – cán bộ Việt Minh, bấy giờ là Liên Việt Tân Uyên và anh Lập – nguyên cán bộ văn hóa. Tôi chưa biết anh Nguyễn, còn anh Lập thì đã quen từ lâu. Anh Lập dân Phú Lâm, Chợ Lớn, hơn tôi một tuổi, học Pétrus Ký trước tôi một năm. Anh thi đậu Đíp-lôm rồi thi đậu vô Bưu điện trước Cách mạng tháng Tám một năm. Ngày ta cướp chánh quyền, anh bỏ Sở, theo kháng chiến ngay từ đầu. Vô Khu, gặp bạn cũ là Tiêu Văn Quang, lấy bút hiệu là Tiêu Như Thủy, anh Lập cùng vào Viện Văn hóa kháng chiến. Công tác này thích hợp với sở thích của anh là viết truyện ngắn, viết bút ký. Anh được in vài ba truyện ngắn trong tạp chí Văn Hóa của tỉnh Thủ Dầu Một như *Rổ khoai lang luộc*, *Du kích Chánh Phú Hòa*. Anh cưới vợ người Bình Chánh, vợ anh là chị Hoa, cán bộ Phụ nữ tỉnh, sau được đào tạo thành cô đỡ. Khi hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên, hai cơ quan Thông tin và Văn hóa đóng gần nhau, chúng tôi trở nên bạn thân. Tôi hỏi:

- Con Hiếu được mấy tháng rồi? Có khỏe mạnh không?

- Vợ con tôi về Phú Lâm rồi. Lúc này bom đạn quá, mẹ con nó chịu không thấu.

Tôi biết nỗi khó khăn của vợ chồng anh Lập. Ngày chị Hoa sanh, máy bay bỏ bom sát một bên, chị phải ôm con chui xuống hầm... Nội chuyện đặt tên cho con cũng đủ biết anh Lập một lòng một dạ theo cách mạng. Lúc đó có khẩu hiệu “Trung với nước, hiếu với dân”. Anh chọn ngay chữ *Hiếu* đặt tên cho con gái đầu lòng.

Tôi hỏi tiếp:

- Cho vợ con về bà nội rồi mặc tình đi công tác hả?

- Thì cũng như anh thôi. Lúc này cơ quan giản chánh đưa cán bộ xuống xã....

Lập giới thiệu:

- Đây là anh Nguyên, bên Liên Việt Tân Uyên...

Tôi bắt tay anh Nguyên. Nghe giọng anh, tôi đoán anh là người miền Bắc vào Nam đã lâu năm. Tuổi trên bốn mươi, đầu hơi niểng một bên, mọi người quen gọi là Nguyên niểng. Về công tác quần chúng thì anh Nguyên già dặn hơn tôi. Anh được ưu thế là đã hoạt động lâu năm trong huyện Tân Uyên nên quen biết nhiều.

Vừa mới quen biết tôi, anh Nguyên vô đề ngay:

- Nói thật với anh Thân, hiện nay tôi đang làm lái trâu...

Tôi giật mình, nhìn anh ta trân trân. Nguyên niềng cười:

- Tôi nói thật đó. Sau bão lụt Nhâm Thìn, thằng Tây đánh mạnh mình về kinh tế. Nó cho máy bay lên quần đảo, hễ thấy trâu bò là sà xuống bắn cho chết mới nghe. Có nơi nó đáp trực thăng xuống mổ bò chở về trại ăn nhậu. Tụi nó rải truyền đơn “Bắn chết một con trâu bằng giết mười tên Việt Minh!”.

Tôi biết chủ trương bắn trâu bò của Tây, nhưng chưa biết anh Nguyên dẫn mình tới đâu. Nguyên nói tiếp:

- Thừa dịp này bọn lái trâu lái bò thọc vô Khu dự trữ đồng bào dắt trâu bò ra vùng cứu trợ của Tây đồng thời chúng mua trâu bò thật rẻ... Để ngăn chặn làn sóng chạy ra thành, mình đi xuống xã giải thích cho đồng bào biết âm mưu thâm độc của địch và giúp họ bán trâu bò cho người của mình, không đưa trâu bò ra vùng tạm chiếm mà đưa qua các nơi nằm trong vùng mình. Giá cả họ mua cũng nổi hơn bọn lái trâu ngoài kia.

Tôi nhìn Lập như hội ý. Lập nói:

- Tôi xuống xã, chưa biết làm gì thì gặp anh Nguyên rủ xuống Lạc An, sẽ có nhiều chuyện hay. Nay mới nghe anh ấy trình bày về chuyện mua trâu giúp bà con trong Khu. Cái lợi trước mắt là bán trâu được giá hơn và cứ ở lại làng, không chạy ra vùng tạm chiếm.

Tôi gật gù, thấy anh Nguyên niềng tính vậy cũng hay.

Thấy tôi không chống đối chủ trương của mình, Nguyên vỗ vai tôi, thân mật nói:

- Nếu anh thấy chuyện mình làm là phải thì tôi xin mời anh nhập bọn. Đi công tác càng đông càng vui.

Tôi lại nhìn Lập rồi quyết định:

- Được. Tôi theo học nghề lái trâu của anh cho biết như thế nào.

Thế là ba chúng tôi hợp thành một nhóm lái trâu – một công tác lạ đời mà tôi vô tình “dính cương” vài tuần để nhớ mãi cả đời.

Chỉ đi với anh Nguyên một ngày, tôi đã biết chân tướng của anh cán bộ tha hóa và thấy rõ mình và anh Lập đã quá ngây thơ bị anh ta kéo vào tròng để gây thanh thế:

- Bà con thấy không, đâu phải tôi đi mua trâu bò của bà con để đưa ra vùng tạm chiếm như âm mưu của địch là làm giảm sức kéo, phá hoại sản xuất trong Khu. Đây, có hai anh cán bộ của Ty Thông tin tỉnh. Không tin tôi, bà con cứ hỏi hai anh này.

Tay lái trâu mà anh Nguyễn giới thiệu là người- của mình thật ra là một lái trâu chuyên nghiệp, chỉ biết mua rẻ bán mắc chứ không hề biết “giữ gìn sức kéo cho vùng tự do” như anh Nguyễn tô điểm. Nhờ làm công tác dân vận khá lâu, tiếp xúc với nhiều hạng người, chỉ trao đổi vài câu trong vòng mười phút, tôi biết được trình độ văn hóa, quan điểm chánh trị, tư cách, đạo đức, thói quen, tật xấu của người đối thoại.

Anh Nguyễn đưa chúng tôi tới một nhà có cặp trâu nhốt trong chuồng. Như đã quen nhau từ lâu, anh đưa tay chào thân mật:

- Bộ tính ra trạm cứu trợ nạn nhân bão lụt hay sao mà giờ này chưa ra đồng?

Chủ nhà khoảng năm mươi lác đầu:

- Ngày nào máy bay cũng lên quần đảo bắn giết trâu bò, ai dám ra đồng? Máy thăng Tây ác ôn quá trời. Trâu mình cột chặt trong bụi, chúng sà xuống thật thấp rồi còn rồ ga rống lên cho trâu

hoảng giựt đứt dây niệt chạy lồng ra đồng. Vậy là nạp mạng cho chúng. Thật là khổ về cặp trâu này quá chừng!

Nguyên vô đề ngay:

- Nhắm giữ không được thì bán. Sau này sắm lại mấy hồi. Có anh Bảy ở bên cù lao đang cần mua trâu về làm mùa. Trâu bên cù lao không bị bắn phá như ở đây.

Tay lái trâu vân vê điều thuốc rê to xù:

- Máy lúc này nhiều người lợi dụng tình thế Tây bán trâu vô đây mua rẻ. Còn tôi thì không làm như họ. Tôi mua với giá phải chăng...

Chủ nhà suy nghĩ hồi lâu, đứng lên:

- Mời anh ra chuồng coi đôi trâu...

Cuộc mặc cả tiến hành ngoài sân sau. Xong rồi, Nguyên nhờ tôi làm biên bản việc mua bán. Chỉ viết vài dòng thôi nhưng tôi đắn đo. Bút sa gà chết. Mình có nên dính líu trong chuyện mua bán trâu này không?

Thấy tôi do dự, Nguyên nói:

- Anh Thân chỉ làm thư ký làm biên bản vụ này thôi. Còn người chịu trách nhiệm là tôi đây...— Nguyên vỗ ngực cười, cái đầu càng niểng đầy vẻ tự tin.



Không muốn kéo dài tình thế, tôi nhận tập vở học trò của anh Nguyên, viết ngay biên bản rồi đưa cho Nguyên “làm gì đó thì làm”.

Xong mọi thủ tục, tay lái trâu mở khăn đếm bạc trao cho chủ nhà rồi dắt cặp trâu đi. Nguyên tiến một khúc, trở vô cười thỏa mãn.

Tôi nghĩ bụng: “Chắc là được chút ít tiền “còm” rồi!”.

Chủ nhà có vẻ buồn khi bán trâu, Nguyên rất tâm lý:

- Con trâu là đầu cơ nghiệp. Nhưng trong tình thế không ai giữ được, bán là phải thôi. Sau này sấm lại khi tình hình yên tĩnh. Nếu cố giữ, rủi máy bay lên...

Chủ nhà gật gù tán thành lời khuyên nhủ.

Thấy không còn lý do để la cà trong nhà, Nguyên mở ba-lô ra, chọn một bộ bà ba còn lành, đưa cho chủ nhà.

- Lấy bộ đồ này làm kỷ niệm. Tôi chỉ cần hai bộ thôi.

Chủ nhà đón nhận bộ đồ, ướm thử, hỏi nhỏ:

- Chú để lại cho tôi bao nhiêu đây?

Nguyên cười lớn:

- Chỗ bà con thân thích, dư mặc thì chia cho nhau chớ “để lại” cái gì? Thôi bây giờ bọn tôi lên xóm trên.

Nguyên tất cái ruột ngựa gạo một cách chậm chạp, cố ý cho chủ nhà thấy gạo không còn bao nhiêu trong đó. Và anh đã đạt yêu cầu. Chủ nhà đưa tay ra nói:

- Đưa ruột tượng đây, mình tiếp tế ít lon gạo.

Vài phút sau, bộ ba chúng tôi ra đi. Có ai ngờ mấy lon gạo chủ nhà cho thêm đã giúp chúng tôi vượt qua một thử thách lớn nhất trong mấy năm tôi ở Chiến khu Đ.

\*  
\*   \*

Trời còn đang âm u, con đầm già đã bay rì rì trên vùng Lạc An. Chúng tôi vội vàng thức dậy, thu gọn mọi thứ vô ba-lô. Nơi chúng tôi đang ở là nhà tổ trưởng du kích xã. Anh thứ ba, người dong dỏng cao nên được gọi là Ba Cao. Vợ chồng anh Ba Cao cũng nhanh tay thu vén đồ đạc. Chị Ba thu mọi thứ cần thiết vô hai thùng đặt gọn trong hai giống với đòn gánh tre. Gia đình chỉ có đứa con nhỏ, chị bồng cho nó bú khá lâu rồi đặt nó ngồi trên mớ quần áo trong thùng phía trước.

Anh Ba Cao xách cây súng Mút chạy tập hợp mấy anh du kích trong tổ. Một lúc sau anh chạy về cho biết:

- Tụi nó bố lớn rồi các anh. Tàu lồng cu đã tới Đại An, bên kia Lạc An mình. Còn bộ binh thì có tin chúng tập trung ở các bót Tân Uyên, Rạch Đông, Vĩnh Cửu...

Anh Ba Cao nói chưa dứt thì máy bay lên bắn vô các khu rừng xã Lạc An theo sự hướng dẫn của con đầm già. Theo bài bản thì bộ binh sẽ tới những nơi máy bay bắn dọn bãi.

- Ba anh cứ theo chúng tôi.

Nhờ tôi quen với tổ du kích, ba anh em chạy bố thật yên tâm. Nguyên có cảm tình với tôi hơn trước. Tay nầy có đầu óc thực tế, ai giúp ích cho mình thì tỏ lòng trọng thị. Ngay sau vụ mua bán trâu, tôi biết chân tướng Nguyên, muốn tách ra, nhưng kẹt trong trận bố lớn, tôi tạm gác ý định ấy. Biết đâu mình còn cần tới sự quen biết của anh ta. Vậy là trong tôi cũng có cái mà ngày nay thiên hạ gọi là “thực dụng”.

Chưa bao giờ thấy Tây hành quân chớp nhoáng như trận nầy. Cuộc hành quân thủy lục không quân của chúng tiến hành đồng loạt. Tàu

lồng cu tới Lạc An bắn vô rừng từng đợt sau khi máy bay rút. Vừa dứt tiếng pháo là bộ binh xuất hiện, kaki vàng chói dưới ánh mặt trời.

Kẹt trong vòng vây không chỉ có bộ ba mua bán trâu lậu chúng tôi mà còn có nhiều nhóm cán bộ đi công tác. Cán bộ các đoàn thể như Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn có đủ. Mấy ngày sau, làm quen, tôi biết chị Bông trong Ban chấp hành Phụ nữ Châu Thành. Bên Thanh niên có anh Hùng, cũng trong Ban chấp hành Thanh niên tỉnh. Đặc biệt anh Hùng cùng đi với vợ. Chị này bụng bự dữ rồi, sắp đẻ tới nơi. Tình cảnh hai vợ chồng trẻ thật đáng lo ngại. Mỗi chiều, trước khi tìm chỗ nghỉ đêm, anh Hùng dùng rựa – không biết mượn của ai, chặt cành tước lá làm ổ cho vợ nằm, căng vải dù lên làm mái che sương.

Đầu hôm cũng là giờ anh em nấu cơm. Không biết chừng nào Tây rút, chúng tôi ăn thật dè xẻn. Mỗi người mở ruột ngựa ra “đong, đo” cẩn thận, nấu một lần cho ba suất, một suất ăn liền trong đêm, còn hai suất kia dành cho hôm sau. May là trong ba-lô của tôi có hộp Nest café đựng mắm ruốc xào sả ớt khô.

Vài ngày sau, có thêm một trung đội địa phương tới nhập bọn. Anh em này cũng kẹt trong

vòng vây. Anh em có sáng kiến hết sức táo bạo mà hữu hiệu: hành quân cuốn chiếu, tức là âm thầm theo dõi quân địch. Khi chúng rời nơi này để tới nơi kia thì anh em lặng lẽ theo sau, đóng ngay chỗ địch vừa rời đi. Thế là chúng tôi “sao y bản cũ”. Lối hành quân cuốn chiếu này có lắm điều hay mà cũng nhiều chuyện dở. Hay là mình có thể lượm mót khẩu phần đồ hộp của địch. Tiếng Anh ghi trên thùng giấy carton là Ration C (khẩu phần C). Mỗi phần có bánh mì lát, hộp thịt hay cá, bánh ngọt, mứt, thuốc điếu... Các thứ này, địch ném rải rác nơi chúng đóng quân. Anh em mình đi lượm những hộp còn nguyên, chạy lại hỏi tôi. Có thể nói tôi là người thích thú nhất với cái trò “lượm mót khẩu phần nhà binh Pháp”. Tất cả đồ hộp đều viết bằng tiếng Anh. Mà tôi thì ngay từ ngày đầu vô bụng đã thủ theo cuốn L’Anglais sans Maitre (Anh văn tự học – không cần thầy). Học cái gì mà được áp dụng thì thật là khoái. Tôi hãnh diện giải thích cho anh em: Đây là hộp phó mát (cheese), đây là hộp bánh ngọt (cake). Có hai thứ anh em biết ngay, không cần hỏi: đó là hộp đựng hai điếu thuốc Salem và một cây tăm xỉa răng gói trong giấy trắng... Lại có hộp thuốc bột để rắc vô nước suối phòng chống bệnh sốt rét... Chiến lợi

phẩm không có gì đáng giá, nhưng đem lại niềm vui nho nhỏ, gọi là giải trí. Còn cái bọc thì lớn hơn. Bọn Tây chỉ đào công sự cạn, vừa chỗ chúng nằm qua đêm. Còn có chột bụng thì chúng xách quần ra đầu đó, không xa mấy vì sợ đủ thứ như rắn rít, cạp beo và nhất là du kích. Cho nên muốn “lưu dụng” vị trí đóng quân của địch, ta phải thủ cuộc lấp kín những bãi phân tanh tưởi của bọn này.

Ngày tháng trôi qua, bọn Tây không rút. Chúng tôi hơi lo vì ruột tượng gạo đã lừng nhiều. Có lần tôi vo gạo, vô ý làm đổ ra ngoài một mớ. Anh Lập chắc lưỡi hít hà. Tôi không nói gì, biết mình phạm sai lầm nghiêm trọng, lặng lẽ lượm từng hột gạo. Lượm cho tới hết. Chưa bao giờ tôi thấy hột gạo quý như vậy. Đúng như ông bà mình nói: “Hột gạo là hột ngọc trời cho mình để sống còn”.

Đến khi gạo gần hết, chúng tôi đi theo các anh du kích lên về xóm trong đêm, vô vườn đồn chuối non xắt nhuyễn như trước đây ở nhà ăn mắm và rau. Đôi khi may mắn vớ được một hai quày chuối hөрm hөрm...

Nhưng hãy trở lại chuyện vợ chồng anh thanh niên Hùng. Bụng ngày càng lớn và một đêm tối trời, chị sanh. Hùng chạy nhờ các chị phụ nữ. May có chị



Bông từng dự một khóa hộ sanh, chuyển đi biển trên cạn được giải quyết êm đẹp. Mẹ tròn con vuông. Chưa bao giờ anh Hùng rạng rỡ vui tươi như vậy.

Tôi nói với Lập:

- Có nhớ tích tuồng “Vở Ngũ Vân Thiệu bị vây” không? Bị vây mà lại để mới khổ chớ!

Lập gật:

- Mình tưởng vợ mình khổ khi sanh phải ôm con chui hầm tránh máy bay. Ai ngờ vợ chồng anh thanh niên này còn khổ hơn mình!

Những ngày sau đó, đoàn có thêm một sinh vật nhỏ bé nhưng lại làm cho mọi người lo sợ cầm canh. Vì tiếng khóc của nó. Tây ở sát một bên. Tiếng khóc trẻ sơ sinh là tiếng động duy nhất trong rừng. Nếu Tây nghe được chúng sẽ càn rừng tới nơi. Lúc đó chưa biết ai còn ai mất...

Cứ cuốn chiếu hoài, tôi đâm sợ. Cái gì lặp lại là không hay. Tôi cứ lo. Rất may là trình sát của địch quá tồi. Nếu chúng giỏi như mình thì trò chơi rồng rắn đã kết thúc sớm. Một hôm, chúng tôi tạm lánh trong một khu rừng mỏng. Nguyên nhìn tới nhìn lui, chợt reo lên:

- Mình có tới đây một lần rồi. Đây là Hốc Nách.

- Hốc Nách? Cái tên gì kỳ cục vậy? – Tôi hỏi.

Nguyên kéo tôi đứng lên, đẩy tôi trước, hỏi:

- Có thấy gì không?

Tôi nhìn theo cánh tay Nguyên. Kỳ lạ thay, nơi chúng tôi đứng cách xa bờ sông Lạc An cả năm cây số, cách ba bốn dặm rừng, vậy mà tôi thấy rõ ràng chiếc tàu lồng cu đậu cặp bờ sông. Làm như các bìa rừng thụt vô, chừa một khoảng trống để từ chỗ chúng tôi đứng có thể trông thấy bờ sông. Tôi gật gù thú vị:

- Đúng đây là cái Hốc Nách. Ai khéo đặt tên quá!

Nhưng cái Hốc Nách đó không đem lại điều gì tốt lành vì mình thấy nó thì nó cũng thấy mình. Đại bác 40 ly dưới tàu cứ nổ từng chập vào đám rừng chúng tôi. Và đây cũng là lần đầu tôi biết cannon 40 ly nguy hiểm như thế nào. Bộ ba vội vàng kiếm mấy gò mối làm công sự...

Thế rồi một sáng đẹp trời, anh Ba Cao vui vẻ báo tin cho chúng tôi biết bọn lính Tây và thân binh đã rút hết rồi, kết thúc trận càn lâu nhất trong Chiến khu Đ: năm mươi hai ngày.

Thật là vui mừng không nói nên lời. Thấm thoát mà gần hai tháng chơi trò “cút bắt” với địch. Rất may là không có ai chết hay bị thương.

Người vui mừng hơn hết là vợ chồng anh thanh niên Hùng. Anh nói:

- Mình tính đưa vợ về quê ngoại để sanh, ai ngờ đi nửa đường đụng trận càn dai dẳng này. Bây giờ thì coi như tai qua nạn khỏi rồi. Phải làm heo tạ ơn Trời Phật.

Bộ ba chúng tôi cấp tốc cơ quan ai nấy về. Kể lại trận càn hiếm có, ai cũng mừng cho tôi. Các bạn gọi tôi là “mạng Tào”. Tôi không khoái được ví với tên đại gian hùng Tào Tháo. Tôi chỉ thích người hùng râu năm chòm, mặt đỏ, mặc áo màu lục, cỡi Xích Thố và “huơ Thanh Long đao, quá ngũ quan, trăm lục tướng.”

Mấy ngày sau tôi lại được anh Nguyễn mời tới nhà chơi. Đây không phải là nhà anh mà là nhà một người khai thác lâm sản khá giả có cô cháu ngoài thành vô thăm. Cô cháu này khoảng trên dưới ba mươi và là bồ của anh Nguyễn.

Tôi chỉ nhớ trong bữa ăn tối, chủ nhà hỏi khách – vài ba người trong đó có tôi – dùng trà hay cà phê tráng miệng. Tôi đại dốt nói: “Cho tôi tách cà phê sữa”.

Chủ nhà nhìn tôi như một quái vật. Một người ngồi kế bên tôi nói nhỏ: “Tráng miệng chỉ dùng trà, hoặc cà phê đen. Cà phê sữa chỉ dùng vào buổi sáng.”

Mình là dân nhà nghèo, học hành chưa tới nơi tới chốn, vậy mà quen thói đỏng đảnh học làm sang, nay hố nặng, quê trần quê trối. Định bụng về sau phải tìm cho được quyển “Savoir Faire” để học cẩn thận về phép xã giao cho lịch thiệp...

## CHƯƠNG XII

Trở về Ty Thông tin, tôi bất ngờ trước thay đổi lớn, anh Ba Kỳ được đề bạt công tác mới, thay anh là anh Trịnh Văn Kính, nguyên Ủy viên thường trực Ủy ban Kháng chiến – Hành chánh tỉnh Biên Hòa. Bà con trong tỉnh không thể nào quên anh Kính vì anh đã ký tên lên giấy bạc xanh lưu hành trong tỉnh. Chữ ký của anh rất đặc biệt với chữ H sau cùng được khoanh tròn thật to.

Anh Kính người miền Bắc như anh Kỳ, có máu văn nghệ hơn. Khi nắm ngành thông tin, anh Kính coi trọng phần văn nghệ và chăm sóc đội ngũ diễn kịch mà anh em Đoàn Đuốc Sáng là nòng cốt. vở kịch *Tiền tuyến* của Liên Xô – tác giả là

Corneytruc – được phổ biến tới Nam bộ. Anh em đọc thấy hay, đề nghị dàn dựng. Anh Kính đồng ý ngay. Cốt truyện đại ý như sau: Vị Tổng tư lệnh già theo không kịp bước tiến của xã hội nên bày ra nhiều thủ đoạn để tạo uy tín cho mình. Nhưng sau cùng, đụng thực tế, bao nhiêu tiểu xảo của ông ta bị lộ tẩy. Trong vở kịch có vai hài độc đáo, đó là nhà báo Kurikon. Anh em giao vai này cho tôi. Cũng xin nói thêm một chút về anh kịch sĩ bất đắc dĩ là tôi. Bản tánh tôi vốn không bạo dạn, nói rõ hơn là rụt rè. Diễn kịch là điều tôi ngán ngại hơn hết. Nhưng khi nhiệm vụ bắt buộc, tôi vẫn phải kênh “sì-po” lãnh. Có một lần tôi diễn kịch thơ của Xuân Miên, vở kịch *Đi đi!* Nội dung chỉ có ba nhân vật: chỉ huy trưởng, chỉ huy phó và đứa con của chỉ huy trưởng. Cốt chuyện thật đơn sơ: chỉ huy trưởng tử thương, giao quyền chỉ huy cho chỉ huy phó đồng thời nhờ đồng đội chuyển mấy lời nhắn nhủ tới đứa con cô. Đêm diễn đó, anh Huỳnh bất ngờ cảm nặng, tôi phải thay anh ở vai chỉ huy trưởng – là vai chánh mới ác. Tưởng đâu “không có chó bắt mèo...” nào ngờ càng diễn càng hứng, hát hò, điệu bộ cũng ăn khớp. Kéo màn cũng còn tiếng vỗ tay. Từ đó bạo dạn dần dần, tôi sẵn sàng làm “cầu thủ phòng hờ” mỗi khi vai



chánh kệt. Đúng như Tây nói: “Càng ăn càng ngon miệng”.

Với vai anh phóng viên nhà báo tếu táo Kurikon, tôi trở thành vai được khán giả hoan hô hơn các nhân vật chánh trong kịch. Còn nhớ trong vở kịch này có nhà thơ trẻ của báo *Cứu Quốc Thủ Biên* (sau này là soạn giả Mộc Linh, đã mất), họa sĩ Quý nay là soạn giả Quy Sắc...

Sau khi hoàn chỉnh vở diễn, anh Kính đích thân đưa Đoàn xuống xã diễn và trước khi kéo về Ty, anh em được xã bồi dưỡng cơm trắng thịt kho đầy bụng. Đúng là thỏa mãn nhu cầu vật chất lẫn tinh thần.

Nhưng cơ quan Thông tin đang đói. Anh Kính bàn chuyện tự túc. Ai có biệt tài gì thì bung ra kiếm lúa gạo cho Ty vượt qua thời buổi khó khăn. Tôi chợt nhớ tới cái máy ảnh Kodak anh Tư Phú tặng trước ngày đi lên miền Đông. Tôi liền xung phong làm anh “phó ngáp”.

Anh Kính mừng lắm, xuất tiền mua phim, giấy, thuốc rửa và tráng ảnh. Cái khó là đóng một máy in ảnh gọn nhẹ bỏ gọn trong ba-lô. Thời may ở Bàu Cá Trê có một anh thợ điện chuyên đóng đủ loại vật dụng bằng vỏ bom napalm. Trong vòng hai

ngày, anh chế cho tôi một máy in ảnh gọn nhẹ bằng hộp bánh biscuit LÚ với giá ủng hộ.

Địa bàn hoạt động “phó ngáp” của tôi là Hớn Quản. Vì theo anh Vương Thế Khâm, Trưởng phòng Thông tin trên ấy, bà con trung nông làm ăn khá muốn chụp ảnh kỷ niệm. Thế là tôi cùng anh Cao Bạch Xinh lên đường. Một trở ngại ban đầu tưởng khó vượt qua: tới gần đường 14, chúng tôi thấy bánh xe thiết giáp in hằn lên bãi đất, chứng tỏ Tây đã phục kích ở đây. Không biết xe chúng đang gom tại đâu. Cao Bạch Xinh đề nghị nghỉ đêm tại đây cho chắc ăn. Ngủ đêm tại vùng này cũng dễ chết như mạo hiểm băng qua lộ 14. Vùng Phước Hòa này rất nhiều cọp. Nghe nói cọp Ba Móng trước đây là cọp của chủ Sở cao su Phước Hòa.

Do xiềng một chân nên cọp bị teo chân đó, gọi là cọp Ba Móng. Tôi đang hoang mang thì may có anh bộ đội nghỉ phép đi tới. Chúng tôi đồng ý nghỉ đêm tại đây và chia nhau canh phòng cọp. Đây là lần đầu tiên tôi được dịp “vọc” khẩu súng trường.

Tới Hớn Quản, tôi tá túc nhà anh Khâm. Anh quê Bố Tháo, tỉnh Sóc Trăng, không hiểu sao lại bôn ba lên vùng rừng xanh đất đỏ làm ăn, lập gia đình rồi tham gia kháng chiến trong ngành thông tin.

Anh Khâm giới thiệu tôi với các bà con muốn chụp ảnh gia đình làm kỷ niệm. Giá cả được qui định: ba tấm ảnh 3x4 là một gia lúa. Tôi không biết giá đó có “cắt cổ đồng bào” hay không, chỉ làm nhiệm vụ chuyên môn của mình. Chụp hết cuộn phim mới rửa và in một lần. Kể ra thì không ai chê dở chê kém vì yêu cầu của bà con trong vùng giải phóng rất khiêm tốn. Chỉ cần thấy rõ mặt mày, tay chân là được.

Tôi nhớ trong một tháng công tác ở Hớn Quản đầu năm 1953, Tây có cần một lần, tôi cùng gia đình anh Khâm phải tản vô rừng từ sáng tới chiều.

Đây là công tác chốt của tôi ở Chiến khu Đ vì tôi được Ty ghi tên trong danh sách các cán bộ suy yếu cần đi an dưỡng nơi Khu 9. Hay tin này, anh Khâm viết bức tâm thư gửi về gia đình cha mẹ ở Bồ Tháo – Sóc Trăng nhờ tôi về miền Tây chuyển tới gia đình cha mẹ. Rất tiếc tôi kẹt tại Đồng Tháp vì tàu Tây hàn kín hai con sông Tiền và Hậu. Bức thư của anh Khâm tôi giữ kỹ mấy tháng trời, nhưng sau cùng đành hủy bỏ.

## CHƯƠNG XII

Giữa năm 1953, tôi từ già Chiến khu Đ về miền Tây trong phái đoàn an dưỡng. Tính sổ, tôi lên Biên Hòa ngày 14/7/1948 tới tháng 6/1953 là tròn tròn năm năm. Năm năm trong chín năm kháng Pháp là hơn một nửa cái gọi là “thời chín năm”. Tôi tới bờ sông Đồng Nai với lứa tuổi hăm mốt và chia tay *Hào khí Đồng Nai* ở lứa tuổi hăm sáu. Được gì và mất gì trong nửa thập kỷ này? Mất sức khỏe trầm trọng. Tuổi hai mươi là thời điểm cơ thể phát triển mạnh. Sau ba năm, tôi đã đóng “nghĩa vụ” cho rừng, mang chứng sốt rét kinh niên, đau gan, sưng mắt, người vốn đã gầy ốm càng ốm gầy thêm. Nhưng tôi không thất vọng vì khi sanh ra tôi vốn đã “tiên thiên bất tức”. Tôi sống nhiều về tinh thần, về nội tâm

nên xem thường vật chất bên ngoài. Vậy thì cái được là gì? Rất phong phú và đa dạng. Đúng như khẩu hiệu: “Đến những nơi tiên tiến, tiếp xúc với những con người tiên tiến”, tôi đã đến đúng nơi để ương cái mầm văn chương tiềm ẩn của mình. Chiến khu Đ là mảnh đất kiên cường, là căn cứ địa của miền Đông. Pháp nhiều lần tập trung lực lượng quyết bóp nát Khu 7, nhưng chúng thất bại thảm thương. Tóm lại, Chiến khu Đ đúng là “địa linh nhân kiệt” với nhiều cá nhân tiên tiến điển hình mà tôi được biết. Như anh Huyện đội trưởng Bình Chánh Cổ Tấn Chương, như anh Tư Long chịu cả răng cưa tai cưỡi vợ người S’tiêng để nắm đồng bào vùng rừng xanh đất đỏ, như anh Ba Thuận, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Trưởng ty Công an, điềm đạm và sáng suốt; như anh Ba Kỳ, công tác nào cũng hoàn thành xuất sắc; như anh Bảy Thăng, Trưởng ty Giao liên, người con trung hiếu của quê hương cù lao Mỹ Hòa Mỹ Quới; như anh Sáu Cửa, Chủ tịch tỉnh, người trí thức chững chạc và trầm tĩnh. Và sau cùng là anh Tám Nghệ, nhà thơ-chiến sĩ mà tôi mê văn thơ cũng như con người... Tạm biệt tất cả đất nước và con người Chiến khu Đ, quê hương sáng tác của tôi sau này. Tóm lại, cái được lớn lắm, không ước lượng được.

Trở thành nhà văn phải nhờ nhiều yếu tố, mà năm năm sống ở Chiến khu Đ là yếu tố hàng đầu.

Từ miền Đông về Đồng Tháp Mười, tôi đi ít nhất là ba lần. Lần đầu năm 1948. Hai lần sau vào năm 1949 và 1950, tôi và anh Ba Kỳ về Nhơn Hòa Lập dự Đại hội Thông tin Phân liên khu miền Đông hàng năm. Nhưng năm 1953 này, Tây phong tỏa dữ hơn trước nên phải đi vòng qua nước bạn Kampuchia, rồi từ biên giới Miên đổ xuống vùng Vàm Cỏ Đông.

Tôi may mắn có anh Lập làm bạn đồng hành. Đường dài có bạn văn chương cũng hay. Thêm một cái may nữa là được tháp tùng theo ba anh đi dự khóa Trường Chinh: anh Nguyễn Minh Chương, Chủ tịch Thủ Biên; anh Phan Đình Công, Chỉ huy quân sự tỉnh Bà Rịa và anh Phan Duy Khai, Chủ tịch huyện Tân Uyên. Ra đi nhằm mùa mưa, anh liên lạc cất một tàu lá chuối dài cả thước làm dù. Còn tôi và Lập thì đúng là “vô sản”, không có áo mưa, co ro chịu lạnh. Anh Chương soạn ba-lô, cho tôi một khúc ni-long chỉ đủ che cái đầu. Dù sao cũng nhớ ơn một chút xiu đó. Đi chung chừng mười ngày thì chia tay khi ba anh tới Chiến khu Dương Minh Châu. Chúng tôi đi tiếp với liên lạc mà không có ba anh bộ đội hộ



tổng như trước. Đáng kể lại trong chuyến đi này là chuyện vượt đồng Chó Ngáp. Nhưng trước khi tả cảnh gian nan này, xin kể chuyện vượt lộ 13 oai hùng năm 1950 để so sánh. Năm 1950, tôi và anh Ba Kỳ về Nam bộ họp Đại hội Thông tin các tỉnh miền Đông tại Nhơn Hòa Lập. Lúc đó Tây cho xe ủi đất mở rộng hai bên lộ 13 mỗi bên mười mấy thước. Băng qua đường phải chạy nước rút gần sáu mươi mét. Chuyện lạ diễn ra khi liên lạc đưa tới ven lộ quốc tế này: “Anh em mình ngồi nghỉ. Tôi đi kiếm la-ve cho anh em mình giải khát lấy sức trước khi vượt lộ.”. Tôi nghĩ là anh liên lạc nói đùa. Nhưng anh ta xăm xăm đi vô bụi và một lúc sau ôm ra lủ khủ mấy chai la-ve Con Cọp, mời anh em. Mấy anh lớn ghiền la-ve rất khoái, thích thú uống ừng ực thật ngon lành. Chỉ có tôi là đứng dưng vì chưa biết “mùi đời” như các anh. Vừa uống, anh liên lạc vừa kể: “Đây là kho la-ve của bộ đội 303 đó các anh. Mình phục kích đoàn xe tiếp tế, đốt mấy chiếc. Chiến lợi phẩm thu không hết, phải khiêng vô rừng.”. Với tôi, câu chuyện uống la-ve bên ven lộ 13 cũng là giai thoại hấp dẫn của chương *Hào khí Đồng Nai*...

Xin trở lại chuyện vượt đồng Chó Ngáp. Chúng tôi tới một xóm người Khơme thì dừng lại

nấu cơm. Nấu xong, vắt ba vắt. Một vắt ăn liền còn hai vắt dành cho ngày hôm sau. Ăn xong rồi, trời nhá nhem, liên lạc dãn dò:

- Cái chùa đằng trước mình đó là chùa Miên. Có Tây đóng với một trung đội lính Miên. Nhiều khi nó bắn FM và moóc-chê khi thấy anh em mình. Cũng có khi nó điện cho các chi khu khác phục kích mình. Anh em nên đi thật nhanh và giữ im lặng tuyệt đối.

Bước xuống đồng ngập nước tới ống quyển thì bàn chân đụng ngay rễ trầm mọc ngầm dưới nước. Đây là loại trầm non, ngọn chỉ vươn tới mặt nước. Gốc trầm nhọn, đâm thốn lòng bàn chân. Lúc đầu còn dè dặt nhón bước, nhưng về sau thì dẫm bừa mà đi cho kịp anh liên lạc. Tới khúc gần ngôi chùa, không ai bảo ai, tất cả đều bước nhanh. Khốn nỗi càng bước nhanh thì nước càng bắn lên trắng xóa. Tây trong chùa Miên với nền cao cả mét trông thấy, xả trung liên bắn ào ào. Anh em lại phóng nước đại. Không nhớ chạy như vậy được bao lâu, chừng dừng lại nghỉ thì thở không ra hơi. Mệt ngất! Đó là thử thách lớn của cánh đồng Chó Ngáp, dưới chân thì đạp gốc rễ trầm, hai chân phải chạy nước rút trước các loạt đạn FM từ chùa Miên bắn đuổi theo. Nhưng

thử thách lớn hơn hết là cánh đồng quá bao la, phải đi cả đêm, tới sáng mới đến bờ sông Vàm Cỏ Đông là nơi an toàn. Đó là chưa kể trước khi tới đích, phải vượt quốc lộ số I (Sài Gòn – Nam Vang) và đi ngang qua bót Hiệp Hòa. Trời mưa tầm tã mà Tây vẫn phục kích. Từ xe nổi đồng, chúng bắn đại liên vào đội hình chúng tôi. Phải nằm dưới bờ ruộng mà tránh đạn. Về sau mới biết trong đoàn có người mặc áo mưa, sấm chớp làm lộ vải ni-long. Rất may không ai bị thương. Tới bờ sông Vàm Cỏ Đông, tôi vấp bụi cỏ ngã lăn rồi không đủ sức gượng dậy, nằm luôn và ngủ vùi cho tới mặt trời lên. Liên lạc không đánh thức vì đã tới trạm, cứ để ngủ cho thẳng giấc.

Tới Ba Thu, hai anh em tôi đi “một mình” không cần liên lạc vì đây là vùng tự do. Tôi và Lập quá giang xuống ghe từ Ba Thu ra vàm sông Vàm Cỏ Tây trên con kinh Móp Xanh. Sau này xem bản đồ tỉnh Tân An mới biết kinh này tên canal Marenne. Bà con mình cũng gọi là kinh Ma-ren. Có một chuyện “diễm tình” xin kể hầu các bạn trẻ. Năm đó (1953) tôi hăm sáu tuổi mà nói theo bây giờ là “không có một mảnh tình vắt vai”. Cho nên hề thấy con gái mười tám đôi mươi là “lú lo tán tỉnh”. Chiếc xuồng chúng tôi quá giang do cô gái mười tám bơi. Cô tên Nhung, không đẹp lắm nhưng xinh

và rất có duyên. Cô tự giới thiệu: “Em tên Nhung, học hết élémentaire (lớp ba trường làng). Nhà ở Xoài Riêng. Nay vô đồng nhố bàng tiếp với anh Hai. Anh Hai mới cưới vợ. Hai anh chị ở một cái chòi mồ côi giữa đồng. Tối đó hai anh lên chòi nghỉ, sáng sớm đón ghe ra Vàm Cỏ Tây.”.

Trong rừng ít có phụ nữ, nếu có thì các cô chằm “Colt Douze” chớ có thèm nhìn anh phóng viên nhà báo còm ròm nầy đâu. Nay gặp Nhung xinh xắn, duyên dáng, lại nghe nói học hết élémentaire, tôi thích thú, ngồi bơi mũi tiếp cô mà cứ quay đầu ra sau “tung hứng” mãi (sáng hôm sau bị trặc cổ). Lập ngồi giữa cứ cười ngạo mình. Anh ta đã có “vốn liếng” rồi nên tỉnh bơ, không như mình quá thiếu thốn mà hóa ra “phàm phu tục tử”.

Vài giờ sau, xuống tới mái chòi giữa đồng. Nhung cặp bến cho chúng tôi lên bờ, kéo xuống lên sân, cất tiếng gọi. Bên trong có tiếng đàn ông:

- Nhung hả? Cứ đẩy liếp mà vô! Đèn anh để trên bàn như thường lệ.

Nhung đẩy liếp lên, thấp đèn hột vệt đặt trên bàn, nói:

- Có hai anh cán bộ xin nghỉ nhờ để sáng ra sông cái.

Vẫn tiếng đàn ông trong buồng:

- Mời họ vô giảng mừng phía trước. Còn em thì giảng mừng kế bên anh trong này.

Chúng tôi nhanh chóng lật nóp. Hai cái nóp chiếm vừa vặn gian nhà trước. Nhung giảng mừng dưới chõng tre anh Hai, bước ra hỏi:

- Hai anh xong chưa, tắt đèn nghe?

Mí mừng của Nhung kê sát chiếc nóp của tôi. Đêm đó tôi không ngủ. Chuyện tiếu lâm “nóp bò ở các trạm giao liên” cứ lặp đi lặp lại như xúi tôi thực hiện cái trò nguy hiểm nhưng đầy hấp dẫn đó. Tôi lắng nghe tiếng động đêm trường, cụ thể là hơi thở của Nhung để đoán biết nàng thức hay ngủ. Hơi thở bên cạnh đều đều chứng tỏ Nhung ngon giấc chứ không đã đoan như tôi. Nhung không hạ liếp cửa, gió đồng thổi tạt vào, mừng Nhung rung rinh quét nhẹ vào nóp tôi. Lúc đó tôi muốn “sanh nự”, nhưng bản chất “hiền lành” trong tôi không cho phép làm những chuyện không bảo đảm an toàn “Trống treo ai dám đánh thùng . Không có tín hiệu của Nhung, làm sao tôi dám “giở mừng chun vô”.

Thao thức mãi rồi tôi cũng đi vào giấc ngủ. Tôi vụt thấy má tôi nghiêm khắc quở: “Con không được làm vậy! Con gái người ta nuôi từ nhỏ tới lớn, chỉ mong được nhận lễ trầu cau. Mày còn ba đứa

em. Nếu có ai xin ngủ nhờ rồi phá hại đời con gái em mây thì mây có tha cho nó không?”.

Tôi giật mình. Trong đêm tối, tôi biết chắc là mặt tôi đỏ vì xấu hổ. Triết lý nhà Phật mà tôi hằng suy gẫm dạy: “Nghĩ bậy cũng ngang với làm bậy. Phải thẳng tay phê phán!”.

Sáng sớm hôm sau, trời vừa dâm mây ngang, Nhung đã thức, ra bờ kinh đón ghe thương hồ cho chúng tôi:

- Hai anh ơi! Có ghe ra sông cái rồi, hai anh mau ra quá giang đi!

Chúng tôi gấp nóp lại, bước ra sân. Một ghe lườn vừa cặp bến. Chúng tôi lên ghe, đưa tay vẫy chào cảm ơn Nhung. Cô cười thật tươi, vẫy tay:

- Hai anh đi mạnh giỏi!

Tôi cứ ngồi ngó mãi Nhung bên mái chèo mờ côi trên bờ kinh Móp Xanh cho tới khi chèo và người chỉ còn là hai chấm li ti mới thôi. Lập nói nhỏ:

- Hồi hôm mình lo cho bồ quá!

- Lo cái gì?

- Mình sợ bồ cho “nóp bò”

- Nói bậy! Người ta tin mình, cho vô nhà lật nóp ngủ mà mình giở trò bê bối đó thì coi sao được?...



Tôi nói cứng như vậy nhưng tôi biết Lập “đi guốc trong bụng tôi”.

Câu chuyện qua đã nửa thế kỷ mà tôi nhớ như mới ngày hôm qua. Cô Nhung giờ chắc đã là bà nội bà ngoại rồi, chắc chắn Nhung không còn nhớ anh chàng cán bộ miền Đông đã tương tư cô trong một đêm và toan tính chuyện bất lương dù không thành. Riêng kỷ niệm này, tôi càng gắn bó với *thời chín năm* vì theo tôi, đó chính là thời Nghiêu Thuấn. Có ai ngủ đêm mà không đóng cửa? Và có ai cho kẻ lạ vào nhà nghỉ đêm mà không xem xét giấy tờ, thậm chí không cần xem mặt? Sẽ có người phản biện cho rằng dân giữa đồng nghèo xơ nghèo xác, có gì quý giá mà sợ mất? Nói như vậy là hời hợt. Vì có cái gì quý hơn tinh hoa của người con gái? Chũn trình là báu vật quý nhất trên đời! Lịch sử Việt Nam ta có thời nào lòng tin yêu con người được phổ biến đến tận mọi miền đất nước như gia đình anh Hai cô Nhung ở giữa đồng, bên con kinh Móp Xanh này? Đúng là tôi may mắn được trải qua một thời để sống và một thời để nhớ cho đến cuối đời.

## LỜI BẠT

Hai mươi năm qua, năm nào tôi cũng dự giỗ anh Tám Nghệ. Những năm chị Tám lớn còn sống, giỗ tổ chức tại ngôi nhà 143 Hai Bà Trưng. Đến dự giỗ có đầy đủ bạn bè của anh Tám như Giáo sư Trần Văn Giàu, bác sĩ Võ Cương, anh Cao Văn Bồ, anh Phan Đình Công, anh Bảy Cao, Thiếu tướng Tô Ký, Thiếu tướng Bùi Cát Vũ, anh Huỳnh Kim Trương, anh Nguyễn Văn Thi, anh Trần Liên Xô... Đến mấy năm sau này, giỗ được đưa về nơi chôn nhau cắt rún của anh Tám, làng Tân Tịch (nay là xã anh hùng Thường Tân (Thường Lang, Tân Tịch sáp nhập lại)). Số bạn bè cao tuổi của anh Tám lần lượt theo anh về chốn vĩnh hằng.

Riêng tôi thì vô cùng thích thú khi hằng năm được về chốn cũ, nơi tôi tá túc với vợ chồng anh Chín Nghĩa sát bên chòi lá của má Hai. Chính nơi đây tôi đã chứng kiến tình mẹ con thấm thiết của Thi-tướng-Chiến-khu-xanh. Khung cảnh ngôi nhà lưu niệm trong khu di tích thật ấn tượng. Trước cổng sừng sững bức tường dài năm thước, cao khỏi đầu người, lát đá hoa cương màu phù sa với hai câu thơ trích trong bài *Nhớ Bắc*: “*Từ độ mang gương đi mở cõi, Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*”

Bước vô viếng ngôi mộ nhà thơ-chiến sĩ, khách lại bắt gặp hai câu thơ quen thuộc trích trong bài *Bên bờ sông xanh*: “*Gửi lại bạn những vần thơ trên cát, Và giờ đây tôi qua bến lên đường.*”.

Không khí thơ lãng mạn, chiến đấu thấm sâu vào lòng những người đã từng sống và trải qua bao gian lao và vinh quang trên mảnh đất địa linh nhân kiệt này. Trước mộ anh, tôi nhớ mấy vần thơ trong kịch *Đêm liên hoan* của Hoàng Cầm:

*Đêm liên hoan, đầu nhấp nhô như sóng biển  
ngang tàng,*

*Ta muốn hét cho vỡ tan lòng ngực tình say sưa  
thân thiết Vệ quốc đoàn,*

*Trong đơn vị anh, ai còn ai mất?*

*Không ai còn ai mất, ai cũng chết mà thôi.*

*Người sau kẻ trước lao vào giặc.*

*Giữ vững nghìn thu một giống nòi!*

Thật là thú vị khi hai nhà thơ ở hai đầu đất nước, ở hai thời điểm khác nhau lại cùng chung một tứ hào hùng: “*Người sau kẻ trước lao vào giặc, giữ vững nghìn thu một giống nòi*” hao hao như anh em sanh đôi với “*Gởi lại bạn những vần thơ trên cát, Và giờ đây tôi qua bến lên đường*”.

Tiệc giỗ dãi dôi ba trăm người, được đặt từ Sài Gòn hoặc Bình Dương, đầy đủ bốn món ăn chơi và năm món ăn thiết, cũng bia cùng với đế, chẳng thiếu thứ gì kể cả khăn lau tay ướp nước hoa mát lạnh...

Trong không khí ấm cúng đó tôi bỗng thích thả bộ ra bờ sông xanh – nàng thơ thôn dã đã giúp anh Tám để lại cho đời những vần thơ đẹp như châu như ngọc. Tôi muốn sống lại trong khung cảnh Chiến khu xưa với rừng xanh bao la, suối bạc uốn khúc như mời mọc những tâm hồn văn thơ sáng tác. Nhưng đó chỉ là ảo vọng vì ngày nay, Chiến khu xưa đã dần dần “đô thị hóa”. Rừng xanh lùi dần trước sức xâm lấn của các xí nghiệp, kho bãi. Chiến khu

xanh-quê hương sáng tác của tôi chỉ còn trong niềm hoài cổ.

Gặp chú Phước, cháu gọi anh Tám bằng chú, tôi vui tươi lên với một tin mừng. Phước cho biết Tỉnh đã có dự tính xây một tượng đài trong khu di tích – một pho tượng anh Tám cỡi ngựa như lúc sinh tiền, anh thường phi ngựa đi đó đi đây. Không rõ phác thảo của ai, tôi xin hoan hô trước, vì chiến mã luôn luôn có mặt trong hầu hết sáng tác của anh Tám, nhất là trong bài *Bên bờ sông xanh* được xem là “tuyên ngôn” của anh:

*“Bờ sông xanh chiều hôm nay buộc ngựa”...*

Trên đường về, tôi mừng cho làng rừng Thường Tân – một xã xa xôi trong vùng rừng rậm bỗng trở nên điểm hẹn của trăm ngàn du khách từ khắp nơi trong nước đổ về đây như “hành hương” một căn cứ kháng chiến chống Pháp trước rồi Mỹ sau suốt ba mươi năm trường kỳ gian khổ. Cái tên quen thuộc, thân thương Chiến khu Đ cùng với vị thi tướng của chiến khu xanh – anh Tám Nghệ.

Đúng là đất linh sanh tuấn kiệt và tuấn kiệt làm đẹp cho quê hương. Phải không các bạn?

# **CHIẾN KHU Đ CỦA TÔI**

**Tác giả: NGUYỄN HÙNG**

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản  
ĐẶNG TẤN HƯỚNG**

**Biên tập  
LÊ ĐĂNG KHÁNG-VŨ ĐỨC TÚ**

**Sửa bản in  
ANH VŨ**

**Bìa  
HỒ GIÁO**

---

---

Nhà xuất bản tổng hợp ĐỒNG NAI, 210, Quốc lộ 1K, TP Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: (061) 946519. Ban Biên tập: (061) 825292

Ban Giám đốc: (061) 946529 - (061) 822613 - FAX: (061) 946530

Email: [nxbdongnai@hcm.vnn.vn](mailto:nxbdongnai@hcm.vnn.vn)

**SÁCH TÀI TRỢ**



---

In 500 bản. Khổ 13 x 19 cm. In tại: Xí nghiệp in Đồng Nai.  
Số đăng ký KHXB: 161/365/XB-QLXB. Cục Xuất bản cấp  
ngày: 3/4/2002. Giấy trích ngang số: 166/GTNXB do  
NXBTH Đồng Nai cấp ngày: 23/08/2002. In xong và nộp lưu  
chiếu: Tháng 10 năm 2002.



0000443601